

**Kinh Kim Cang Bát Nhã**  
**tán thuật**  
*Pháp sư Khuy Cơ soạn*

**Đại chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh**  
**Cuốn 33, số 1700/335**

**Sa môn Thích Bảo Lạc dịch**

# KINH KIM CANG BÁT NHÃ

## TÁN THUẬT

Đại Tạng Kinh Đại Chánh Tân Tu

Quyển 33, số 1700/335

### Tựa

*Kinh Bát Nhã gồm 600 quyển, lấy Kim Cang làm tinh yếu, vì chỗ sâu màu huyền áo; cách Thánh do mê cũng chẳng phải là lời không đúng đâu.*

*Vì trước kia Ngài Vô Trước được phú pháp kệ nơi Bồ Tát Di Lặc; Thế Thân ngộ đạo nhờ hiền huynh là hai bậc luận sư xuất chúng. Ví như mặt trời mặt trăng vàng vặc soi sáng chỗ tối tăm, và giáo pháp dần truyền sang Đông độ cũng từ đó. Việc phiên dịch, chú giải có nhiều loại khác nhau. Truyền thuyết ghi rằng, vị Tam Tạng pháp sư là hậu thân của Thường Đế Bồ Tát, tin chắc vào chỗ người chấp, dốc chí lao tâm quên thân vì pháp vận dụng suốt thông, Ngài dịch các Kinh gởi trọn nơi pháp này. Lấy niên đại Trình Gia Thụy để ghi lại, cũng như tụng đúng có thể thấy rõ nhờ bản Kinh rất đáng chú ý này. Theo như ý luận chủ thuật riêng 3 ý quan trọng gọi là huyền ký, tán thuật hay Hội Thích mà dựa theo đó giải thích trực tiếp Kinh văn. Riêng tán thuật là vậy, song nhà nghiên cứu biết sách này mà như cơ hồ lơ là không liếc mắt nhìn thử hỏi làm sao nghiên tâm nghĩa lý?*

*Tại Việt Tiên, Nghệ Công hay than việc này nên muốn khắc bản gỗ lưu hành ở đời mà sưu tầm khắp nơi tìm được 5 cuốn và nhờ đó tham cứu bổ túc cho việc hiệu đính. Tôi tự nghĩ ở Chùa Hưng Phước có sách giá trị, nên vào mùa hạ năm Quý Dậu việc tìm cầu của tôi đã đến, tôi dốc chí rút một quyển xem thử, vì muốn học lai lịch truyền thừa, Nghệ Công lấy làm thích ý cầm đi mất, đến cuối thu mang trở lại bảo sách đã luận giải xong và nhờ tôi đề tựa. Tôi rất sợ lời thô qua mắt Thánh không sao tránh khỏi có tội, khó thể thoái thoát, và cố từ chối không dám viết. Vào mùa hạ năm Ất Hợi khắc bản xong, ông lại mang sách tới nhờ viết vài lời để chứng minh việc đính chính vô tư, tôi cảm tấm lòng tha thiết của Nghệ Công vì muốn hoằng truyền giáo pháp, bèn quên chỗ quê hèn mà lược thuật nguyên do để che lấp lời trách cứ vậy.*

Văn Hóa năm thứ 12, ngày 5 tháng hạ năm Ất Hợi

tại thư phòng Chùa Hưng Phước

Tăng Đô Huân - Ảnh cần ghi.

## Lời Tựa khắc bản Thuật Tán

### Kinh Kim Cang Bát Nhã

*Ta đã gặp chúng sanh từ vô thủy kiếp, nổi trôi trong biển sanh tử, thoát chìm thoát nổi chưa có kỳ ra khỏi. Bậc đại thánh Thế Tôn thương xót nên thuyết đại pháp trong ấy diễn bày để phá chấp Hữu. Kinh Ma Ha Bát Nhã Phậ nói 4 nơi gồm 16 hội mà Kinh Kim Cang Bát Nhã này là hội thứ 9, thật là tinh yếu của bốn giác, là cửa ngõ an toàn nhập đạo. Do vậy, Trung Hoa, Nhật Bản các hàng Đại Đức đều chú giải Kinh này, như các Ngài Tăng Triệu, Tịnh Ảnh v.v... và chưa kể có trên 10 nhà chú giải. Bản triều khắc bản gỗ lưu lại đời cũng tạm gọi là đủ nhiều vậy. Duy chỉ pháp sư Khuy Cơ Chùa Từ Ân vào đời nhà Đường có chú giải 2 quyển. Sách lục khu vực miền Đông gọi là Tán Thuật, từ lúc được truyền sang Tàu đến nay, bởi vì trải qua hơn 1000 năm mà chưa khắc bản lưu hành trong đời cho các học giả tham cứu đâu không khuyết điểm lắm sao? Tôi cùng các bạn học xã Chu Sơn Tử pháp hiệu Thuận Nghệ thiên tư thông bác, chí học cao xa, có năm tới học trường này. Biết rõ Kinh này hiện chưa lưu hành ở đời nên tham cứu sách hay miệt mài hiệu đính qua nhiều năm tháng, càng gia công đọc cùng giao phó những con dao khoằm (dao khắc chữ) đem để trên gỗ khiến tôi làm lời tựa. Tôi dù kém thông tuệ, đâu lại chẳng vui thấy Kinh lưu hành sâu rộng khắp quốc nội hải ngoại hay sao? Vả Kinh Kim Cang Bát Nhã đã có Trí Giả Đại Sư, giáo tổ tông Thiên Thai chú*

*giải một quyển; Chí Tướng Đại Sư, giáo tổ tông Hoa Nghiêm, chú giải thành 2 quyển; Cát Tạng pháp sư, giáo tổ Tam Luận tông, chú giải 4 quyển. Và nay Kinh đang bàn ở đây là của pháp sư Khuy Cơ, giáo tổ tông Pháp Tướng soạn, là 4 nhà Đại Thừa chú giải, được như thế thật là đầy đủ vậy. Thiết nghĩ: các vị trong học xã của tôi dựa Kinh này nghiên cứu chú giải thì nhứt thừa, tam thừa giáo nghĩa, pháp môn 2 tông tánh tướng tự nhiên mà được, vì thế tôi rất thâm cảm giúp đỡ. Chu Sơn Tử nêu việc này cũng như ý riêng, do không thẹn tài hèn tôi chấp bút đề nhân duyên khắc bản, để luận điểm trọng yếu của Kinh.*

Văn Hóa năm thứ 10 vào tiết trọng đông tháng nhuận năm Quý Dậu, viện Hương Nguyệt tại Việt Châu.

Thích Thâm Lê ghi nơi học liêu ở Kinh Triệu.

### **Phàm hiệu đính có 6 qui tắc như:**

1. Sách này tôi tham khảo trong 6 cuốn mà 3 trong số đó là sách cổ Nam Đô của Chùa Hưng Phước là sách cổ qua nhiều thế hệ. Lại là sách quan trọng dùng làm y cứ nên nay lấy đây làm chính để tham chiếu các bản kinh khác. Trừ phi 2 quyển giống nhau thì đều đề nguyên. Ngoài ra, tuy có chỗ nào nghi nhưng các sách khác đều giống nhau thì hẳn theo nguyên văn không dám ứ đoán. Vả về phương diện chú thích quả thật là sách hay.

2. Bản Kinh tân dịch chưa nhuận nhuyễn được văn bóng bẩy nên sách chú giải này dựa bản dịch của Ngài La Thập để giải thích. Vì so bản dịch đó là bản lưu truyền rộng đầu

tiên. Song sách Ngài La Thập vẫn còn một vài khuyết điểm, nên lấy các cuốn khác để bổ túc. Nay nói chung cuốn sách đúng nhưng chú giải theo trên qui định.

3. Bản chú giải này lập lại Kinh Văn, mỗi đoạn chỉ nêu lên đầu cuối mà lược bỏ đoạn giữa. Nay y theo Tạng bản lưu hành bổ túc toàn văn để tiện việc tham khảo.

4. Cuốn Kinh được nhiều nhà khắc bản lưu hành có nhiều bản. Nay lấy trực tiếp trong Đại Tạng trích ra bản này đáp ứng lời chú giải có lập lại cốt ý xem chỗ đồng chỗ dị với Đại Tạng. Lại tham cứu các bản đời Tống, đời Minh, bản Cao Ly (Đại Hàn)...đều có ghi rõ trên phần cước chú. Như trong chú thích có dẫn 2 luận văn có chỗ không giống 3 cuốn trước, đó không phải phần giải thích chính nên không cần thêm cước chú; người xem phải tự tìm biết đó.

5. Tôi đã đọc qua 6 cuốn đều lược lời Vua khuyên mà không sách nào chẳng đầy đủ. Nay thỉnh cầu các điển tọa luật học kiểm duyệt lại, tham cứu bổ chính họp bàn hẳn giao cho một Ban đọc để tiện cho việc tham khảo, bèn nhận ra sách cổ sáng giá y cứ, nên là điểm chính.

6. Phàm trên bản khắc in gỗ hẳn mượn tay người viết mà thỉnh thoảng không sao tránh khỏi sai lỗi, nay tôi không thể nhặt ra được những lỗi đó, tin bản viết hoàn hảo do nhờ con dao khoằm (dao khắc chạm chữ), tuy không đẹp về mỹ thuật, cũng không đến nỗi lắm người.

Văn Hóa năm thứ 10 tháng 10 năm Quý Dậu.



## Quyển Thượng

Ở đây thử nêu 3 điểm rõ ràng để nhận xét: nhân rõ ràng, niên đại rõ ràng và văn giải thích sáng gọn.

1. Nhân rõ ràng còn chia ra hai: nguyên nhân nói Kinh chính là KHÔNG – HỮU 2 nhân, bên có A Tăng Già sau Phật Niết Bàn 900 năm, trên cầu đức Từ Tôn khai môn trung đạo (1) mà thuyết. Các Kinh Du Già, Thập Thất Địa Luận, Trung Biên Phân Biệt Luận... đều do Ngài Di Lặc thuyết như các chương có nêu rõ. Bàn rõ nhân: luận Nhiếp Đại Thừa ghi có 2 loại tạng: tạng Thanh Văn và tạng Bồ Tát trong đó có 3 điểm đáng xem xét kỹ như luận A Tỳ Đạt Ma, như Hoa Nghiêm, Bát Nhã v.v... gọi là Bồ Tát tạng có chỉ dẫn rõ ràng. Các Kinh Giải Thâm Mật, A Tỳ Đạt Ma gọi là tạng A Tỳ Đạt Ma. Các Kinh Tỳ Nại Da, Cù Sa v.v... là tạng thứ ba. Song các Kinh trên chỉ dựa Kinh tiếng Phạn mỗi bản có nhiều bài tụng. Do việc chôn dấu nên thất lạc hàm quyển thành ít, hoặc tại Trung Quốc, người phiên dịch lược bớt, do vậy dần dần chỉ còn phỏng chừng, như Kinh A Tỳ Đạt Ma có phẩm Nhiếp Đại Thừa. Phật lực gia trì Bồ Tát, nên nói sau Phật diệt độ 900 năm, có Bồ Tát Vô Trước toát yếu các Kinh rút lấy yếu nghĩa làm 2 vạn 7 ngàn bài tụng là Đối Pháp luận. Về sau lần lượt có các Ngài như Phù Đà Tăng Ha, Trung Hoa dịch là Giác Sư Tử tạo 6 vạn 3 ngàn bài tụng; cùng với vị thầy trước tạo 2 cuốn lưu hành riêng. Sau có Bồ Tát An Huệ trộn lẫn làm thành một bộ cho nên gọi là Tạp Tập luận, là một trong 10 Chi Kinh Du Già, có nghĩa là Duy Thức Tam



Thập tụng cũng là một chi. Như Ngài Ca Chiên Diên 300 năm sau tạo Phát Trí luận mà về sau này còn có Lục Túc Trí luận v.v..

2. Niên đại rõ ràng: trong đó gồm có 2: a/ Kinh rõ ràng b/ luận rõ ràng. Kinh: chính là Bát Nhã từ xưa nay có 5 nhà phiên dịch xuất xứ đầy đủ như Huyền Ký. Song Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập đầu tiên từ Tây Vực đến vào năm Trinh Quán thứ 19, ban đầu Ngài dịch luận Kinh này, đối với giáo pháp là trước tiên. Đến năm Trinh Quán thứ 23 Tam Tạng theo xa giá tới Cung Ngọc Hoa, đầu tiên Vua không đồng tình tán dương công đức. Năm nhà dịch Kinh luận liền hỏi nguyên nhân sâu kín khiến được tán dương rộng, Vua bèn làm lời tựa Kinh Bát Nhã gọi là tựa Tam Tạng Thánh Giáo. Lúc đó Thái Tử cũng viết lời tựa Hiền dương luận; Vua nghe theo bản tân dịch Kinh luận và đều tán dương chỗ thâm áo, song gặp một việc bất lợi là không chế tác (in) ra nhiều để phổ biến rộng rãi. Lúc bấy giờ Vua hỏi Tam Tạng rằng: “nên dùng cách gì hay khéo để có thể sửa đổi được tình trạng không?”

- Tam Tạng đáp: Có thể chấp bút để biên chép Kinh Bát Nhã.

Vua bèn nghe theo. Tam Tạng liền ra sức dịch ngày đêm tới canh 5 vận dụng 3 tuệ phiên dịch hoàn tất. Vua lấy đọc xong bèn sai sở ty chép thành 10,000 cuốn, chẳng lặp lại câu lời mà một mạch thông suốt, về sau muốn dịch lại không có cách thấu nhất các bản đã tung ra trước đó. Nên thấy rõ nhiều đời sách tiếng Phạn đều giao cho Tam Tạng,

đọc các sách tiếng Phạn xứ Qui Tư, tức sách Ngài La Thập dịch giống như sách Ngài Chân Đế dịch ở Côn Lôn. Song Kinh văn phần nhiều khác tùy theo văn nhưng biết rõ chân ngụy đề tên không giống nhau. Chỉ có bản Tam Tạng gọi là Năng Đoạn Kim Cang theo bản dịch đầu tiên. Sách luận của Ngài Vô Trước cũng gọi là Năng Đoạn, ý nào rõ ràng dễ hiểu? Ý Ngài Tam Tạng nói Kim Cang có 3 nghĩa:

1. Nghĩa bị phá: sách luận Ngài Vô Trước cho rằng, hành chánh kiến, hành tà kiến và giải: chánh tà tuy khác mà chung cục việc làm như nhau. Cho nên hành động rơi trong hai lối nhìn, ví như kim cương tuy một song năng-sở có khác. Tuy gọi là kim cương cũng có loại phá đó, như sừng con bạch dương có thể làm vỡ chất kim cương.

2. Nghĩa hay bẻ gãy: Ngài Vô Trước nói rằng: một, vi tế là nhân của trí; hai, bền chặt không gì có thể phá được. Lời giải luận rằng: hai môn huệ: văn và trí có thể chiết phục phiền não nên dần dần phát tu huệ nên gọi là hay bẻ gãy và còn gọi là trí nhân. Bền chặt tức là tu huệ, là định tâm hay phá được các chướng nên gọi là bền chặt, hoặc trong tu huệ có hai món hữu lậu, vô lậu riêng để phân chỗ vi tế và bền chặt, hoặc căn cứ trong vô lậu có chiết phục đạo đoạn và hoặc đạo (đường mê) hai phần cùng hành. Song phiền não chướng chung cả lý sự 2 pháp quán kèm chế đề trên phần khởi dưới nếp phục. Sở tri chướng chỉ do lý quán chiết phục như ta biết. Vã lại, chừng như không giải thoát cũng không phân vi tế, bền chặt; đạt đến Phật quả con đường giải thoát gọi là đoạn, nhưng không phải đoạn

dụng và đoạn thể vì không sở đoạn chẳng gọi là đoạn thể; đã đoạn chẳng phải là chánh đoạn nên không gọi là năng đoạn.

Nghĩa rộng hẹp: Ngài Vô Trước luận rằng: như vẽ họa hình kim cương hai đầu rộng mà lưng hẹp. Lời giải rằng: Phật quả ở Địa tiền dụ cho rộng, thập địa dụ hẹp, do nơi mỗi địa lấy một hạnh tu làm đầu. Hoặc 7 địa về trước gọi là rộng đều tùy theo nghĩa định mức. Nên biết rằng nay nếu bị phá gọi là kim cương. Kim cương Bát Nhã hay phá vỡ vật nên gọi là kim cương; kim cương cũng tức là Bát Nhã vậy. Nhưng Kinh cho rằng Ban Thích, Nhã là huệ trong nhân nói tát phiệt nhã, Trung Hoa dịch là nhứt thiết trí, là trí trong quả. Nói Ban Thích, Thận nhược là huệ dứt hẳn mê hoặc, là tiêu biểu ở đây nên gọi là năng đoạn vậy. Luận rằng, song nay vào đời Đường có 3 cuốn lưu hành ở đời: 1. Sách do Ngài Thế Thân phiên dịch gồm 2 hoặc 3 quyển 2. Sách Ngài Vô Trước tạo một quyển hoặc hai quyển 3. Ngài Kim Cang Tiên tạo, có nghĩa là người đất Ngô Trung Hoa, không phải chân Thánh giáo, sách gồm 11 quyển hoặc 13 quyển.

Nếu học cái Hữu để chẳng KHÔNG là tâm vọng tưởng hơi nhiều; chỉ học KHÔNG nhưng chẳng HỮU là thật trí nhân KHÔNG mà chẳng sanh khởi. Diệt vọng tưởng đối với không môn mà khởi chân tâm nơi hữu phủ. Có-không như kiếng 2 mặt nên thuyết giáo có 2 loại: 1. Tùy căn cơ bốn chân lý, hai không những pháp v.v... 2. Hiện rõ lý như

thuyết vô tướng, thật tướng v.v... Phật dùng chỉ một âm thuyết pháp.

Kinh Hoa Nghiêm ghi rằng, Như Lai chỉ dùng một âm diễn xuất vô số kinh điển như biển cả. Kinh Pháp Hoa nêu chỗ thu nhiếp vào như thừa rõ ràng, Kinh Thắng Man luận chung chỗ xuất nhập và thu nhiếp. Nhưng Kinh Pháp Hoa ghi rằng, nếu người tu 5 ba la mật, không bằng người thọ trì và nghe hiểu Kinh Pháp Hoa. Ý theo Bồ Đề, Niết Bàn gọi chung là như thừa nên xe trâu dụ cho Bồ Đề. Kinh ghi rằng, Ta vì các người (con) tạo nên xe này cho nên phải hợp tâm niệm của mỗi người mà cho họ. Kinh Thắng Man ghi rằng: tu sáu ba la mật không bằng tay cầm cuốn Kinh, đó là y cứ Chân Như làm thừa vậy. Như các Kinh hiển bày đầy đủ các tướng. “ Như thị ngã văn, như thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên”.

3. Phê bình (giải thích) bản văn: Kinh này trước sau có 3 phần: a/ phần đầu: trước hết nêu rõ nguyên do b/ phần giữa: từ... lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy. Phần thỉnh vấn Đức Phật; Phật nói rộng đáp c/ phần sau: Phật thuyết Kinh xong: tu tập hoan hỷ trong tỏ ngộ.

Phần a/ có 2 điểm: nêu nguyên do chung, và nguyên do hay lý do riêng. Trong phần nguyên do chung có 5 điểm: 1/ văn thành tựu (người nghe Kinh): Tôi nghe như vậy (Ngài A Nan nghe Phật thuyết Kinh) là khiến sanh niềm tin làm rõ việc nghe 2/ thời thành tựu: người nói Kinh, thính chúng nghe Kinh cùng nhóm một lúc không phân chung riêng nói

là nhứt thời (một thuở, một thời) 3/ chủ thành tựu: chủ giáo hóa nói pháp đáng tôn chỉ Đức Phật 4/ Xứ thành tựu: nơi thuyết giáo hẳn phải hơn các nơi khác để nói diệu pháp, nên nói rằng vườn Ông Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ 5/ chúng thành tựu: giáo hóa những người hợp căn cơ, tức là 1250 người như số chúng hiện diện mà trong số cũng có chúng Bồ Tát như Phật nói, cũng đủ 8 bộ chúng như phần lưu thông nêu sau. Nay nói lược chỉ nêu chúng Thanh Văn nên xem nơi toàn Kinh hẳn rõ.

Nói xứ tức là Phiệt Tô, Hiền Kinh, Hồ Độ, cựu dịch Ngũ Thiên Trúc là không đúng. Nay giải thích là Hiền Độ, Trung Hoa dịch là Nguyệt Thị. Trong 5 nước này phần nhiều có bậc hiền triết, như trăng sáng trừ tối hay làm mất sức nóng nên lấy đó dùng làm tên vậy. Cựu dịch là Nguyệt Chi cũng đều không đúng; nơi nước Xá Vệ cũng là ngoa. Nên phải nói Phất La Phiệt Tát Đề Bồ La, Trung Hoa dịch là Phong Đức, thành gọi là Phong Đa Văn, Phong Dục Cảnh, Phong giải thoát v.v..Chủ của thành này là Bát Thích Ma Na, hầu cận vị Vua là Thắng Quân, có nghĩa tên kinh đô của Trung Ấn Độ. Tên nước là Kiều Tát La thuộc phía Nam sông Hằng, nên Kiều Tát La được chọn tiêu biểu tên thành. Thành phía nam Kiều Tát La không có tên riêng, tức là lấy tên nước làm tên vậy. Kỳ Thọ còn gọi là Thệ Đa, rừng cây của Thái Tử Thệ Đa, Trung Hoa dịch là Chiến Thắng. Vườn Cấp Cô Độc hay còn gọi là Tu Đạt Đa, ông mua lại cơ sở này của Thái Tử. Nay hợp chung hai tên tiêu

biểu ấy để gọi tên hai người. Có nói rõ nơi phân duyên khởi của các bản chú giải.

**“Dữ đại tỳ kheo chúng, thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu”.** Giải: Phật cùng với đại chúng gọi là “dữ”, rõ ràng việc giáo hóa theo căn cơ. Thuộc xứ thành tựu thứ năm. Ngài Long Thọ giải thích 6 nghĩa như sau: 1. Cùng nơi thành Phong Đức 2. Đồng lúc: đồng ở đây là kẻ nói, người nghe thầy cùng một lúc 3. Cùng tâm cùng nhận một pháp vị 4. Đồng kiến cùng chứng một lý giải thoát 5. Đồng giới hợp cùng với các vị biệt giải thoát giới 6. Đồng giải thoát 3 thừa và cùng ngồi tòa giải thoát; có đủ các nghĩa như thế gọi chung là đồng.

Đại có 5 nghĩa: 1. lớn, nhiều như đại nhơn, đại chúng có tri thức 2. Thứ bậc quan trọng: đều trụ thánh quả không phải là phàm phu 3. Công đức đại: dứt sạch các phiền não, chứng trí đoạn 4. Tu hành đại: cầu đạt tuệ giác tri đạo giải thoát 5. Đồ chúng đông như 1250 người.

Ngài Long Thọ giải thích: như có 7 thứ báu, vàng là tối đại hẳn đến không một vật tốt nào trong sắc tạp là quan trọng cả. Như thế đối với Tam Bảo thời Phật là tối đại, cho chí thời kỳ mật pháp về sau tăng phá giới là tối đại. Kinh ghi rằng: hoa Chiêm Bặc Ca tuy héo tàn vẫn hơn các thứ hoa tươi khác, các tỳ kheo ác hạnh phá giới vẫn hơn chúng ngoại đạo trì giới. Ở đây nói đại là đối bậc hữu học vậy.

Tỳ kheo có 3 nghĩa: 1. Bồ ma: có tâm dũng mãnh xuất gia làm cho 4 loại ma (2) khiếp sợ 2. Khất sĩ: lấy việc xin ăn tự sống để giúp mình và người 3. Tịnh mạng: xa hẳn việc tà (3) 3 nghiệp chân chánh. Năm việc tà là: 1. Vì lợi dưỡng nên hiện tướng lạ, như ngồi chỗ người qua lại niệm chuỗi v.v... 2. Tự khoe khoang đức mình 3. Coi tướng lành dữ tốt xấu 4. Thị uy lớn lối ra oai 5. Vì lợi dưỡng nên tuyên bố có chứng đắc này nọ để làm lung lạc người.

Chúng tức 4 chúng trì giới, giữ oai nghi chưa từng khuyết, phá ác, tu đạo, đoạn diệt phiền não, đạt quả nên tăng già gọi là chúng; chúng lý, sự 2 pháp đầy đủ. 1250 người, Phật khi mới thành đạo, trong lần thuyết pháp đầu tiên độ 5 người là những người bạn đồng tu lúc trước. Lần thứ 2 độ cho các ông như Da Xá gồm 50 người, lần thứ 3 độ cho Xá Lợi Phất 100 người, lần thứ 4 độ Mục Kiền Liên v.v... 100 người, lần thứ 5 độ các ông Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp gồm có 500 người, lần thứ 6 độ các ông Già Da Ca Diếp 295 người, lần thứ 7 Phật độ các ông như Na Đề Ca Diếp có 200 người. Như vậy, tổng số có 1250 người, là nêu số chúng thường tùy tùng theo Phật; và sau này còn có chúng tỳ kheo ni mà ở đây nói lược. Nhưng Kinh A Hàm chỉ vì người phát tâm cầu Thanh Văn thừa, Bát Nhã KHÔNG vì người phát tâm cầu Đại Thừa mà Phật thuyết, cho nên sau nói rằng vì người cầu Đại Thừa và tối thượng thừa mà thuyết.

Các Kinh Niết Bàn, Pháp Hoa, Giải Thâm Mật... nói chung là vì người phát tâm cầu các thừa mà thuyết, có

nghĩa là thuyết hữu vi, vô vi gọi đó là Hữu. Ngã và ngã sở nói là Không. Nay kiêm cả chúng Thanh Văn là vì để làm cho họ phát tâm cầu Đại thừa; trong khi Bồ Tát đã phát tâm nên ở đây lược không nêu lên vậy. Trở lên nêu rõ nguyên do chung xong.

**“Nhĩ thời Thế Tôn, thực thời trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực, u kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bồn xứ, phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa”.**

Giải: Đây là phần 2 nêu lý do riêng, trong đoạn này có 10 tiết: 1) Hóa chủ là Đức Thế Tôn 2). Bàn lúc hóa duyên có nghĩa là giờ thọ thực 3) Sửa soạn mặc y phục 4) Tay cầm bình bát 5) Đi chân trần và vào đại thành Xá Vệ 6) Cần được thức ăn nên đi khát thực 7) Đi khát thực xong về lại bồn xứ 8) Rửa chân có nghĩa là thọ trai xong 9) Cất y bát và rửa chân 10) Trải tòa ngồi là an trụ thế thiền định.

Nói Thế Tôn có nghĩa là đầy đủ 6 đức phá trừ ác ma. Sáu đức, như Phật Địa luận rằng: 1) Đức tự tại: hoàn toàn không bị phiền não trói buộc 2) Nghĩa xí thanh: dùng lửa tam muội tôi luyện trí hỏa 3) Đoan nghiêm: đầy đủ các tướng tốt trang nghiêm 4) Xứng danh: tất cả công đức viên mãn thù thắng không việc gì chẳng biết 5) Kiết tường: được thế gian thân cận cúng dường mọi người hoan hỷ tán thán 6) Tôn trọng: đầy đủ mọi công đức thường dùng phương tiện làm lợi ích an lạc cho mọi loài chúng sanh không chán nhàm.



Nói lúc thọ thực có nghĩa là thời thọ trai, từ đây trở xuống mỗi chỗ đều nói rõ. Kinh Vô Cấu Xưng (Duy Ma Cát) ghi rằng, Phật dạy A Nan rằng chư Phật đều có oai nghi tấn chỉ để làm Phật sự; có gì ở đây lại là thời thọ thực? Đây làm rõ việc thọ thực xong Phật thuyết Kinh là phần chính. Phật nói lý Đại thừa vô tướng là 2 chấp CÓ-KHÔNG nên khi ăn xong là thuyết Kinh, là thời điểm sai biệt. Điều này chứng tỏ rằng muốn thuyết pháp vô tướng, trước phải quán lý vô tướng. Như muốn thuyết Kinh Vô Lượng Nghĩa, trước đó phải nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ để quán lý của Vô Lượng Nghĩa Xứ. Phật lấy huệ làm mạng, vô tướng làm thức ăn, muốn nói nghĩa vô tướng, trước dùng huệ quán diệu lý của vô tướng, sau mới nói pháp nên nói là giờ thọ thực vậy.

Đáp y: pháp y có 3 loại: Tăng Già Lê, Uất Đa La Tăng, An Đà Hội. Tăng Già Lê mặc để vào cung thành, thôn làng. Y Uất Đa La mặc trong chúng, lúc thuyết pháp. Y An Đà Hội tức y mặc thường để làm việc. Nay muốn vào trong thành là phải mặc y loại trước, theo đúng cách cũng có 3 loại: 1. Tinh tấn hay còn gọi là giáp khải (áo giáp) có nghĩa hay sách tấn hợp thời thuyết pháp để ích người lợi vật, chẳng ngại lạnh nóng do vậy mà mặc y này 2. Y nhu hòa nhẫn nhục, do nhẫn nhục nên địch nổi oán hại ở ngoài vào mà không bị xâm tổn, như mặc y nóng lạnh chẳng xúc chạm được thân 3. Áo ngoài tầm quý, do tôn trọng bậc hiền thiện, chống lại bạo ác, xấu hổ là thân tướng nên mặc

y đó. Ở đây biểu hiện Phật sách tấn cần nói pháp vô tướng vì diệu nên phải đáp y vậy.

Bình bát nghĩa là ứng lượng khí – đồ đựng lường đúng – có 2 nghĩa: 1. Hợp với lượng mình dùng 2. Hợp lượng đồ vật người cúng. Không lớn không nhỏ nên gọi là ứng lượng. Điều đó chứng tỏ Phật không phân biệt nội chứng với lý như bình bát nhận thức ăn; tâm khởi nơi trí nên lại gọi là trì (câm).

Vào đại thành Xá Vệ là chứng tỏ muốn vào đại thành chánh pháp và ăn món ăn vô tướng; hay nói chánh pháp giống như thành vậy. Kinh Vô Cấu Xưng ghi rằng, Khu hô là hộ pháp thành, Bồ Tát như người giữ thành; hoặc chánh pháp như người trong thành, Bồ Tát như thành tức Bình gọi là hộ pháp thành, hoặc nhập đại thành pháp giới, uống vị vô tướng, đây là biểu hiện nên nói nhập đại thành Xá Vệ.

Khất thực đúng biểu hiện trí vô phân biệt trong chứng lý vô tướng. Thứ lớp đi khất thực có nghĩa là đi từ con hẻm này tới con hẻm khác, từ nhà này sang nhà kia, vì hiển lộ nơi mỗi một pháp đều đạt đến lý vô tướng. Trở về lại chỗ cũ là biểu tỏ Phật sắp thuyết pháp vô tướng; trở lại nên khởi hậu đắc trí vì người khác mà quảng diễn pháp âm. Rửa chân chứng tỏ ra ngoài dính đất bụi nên cần phải rửa chân cho sạch bụi đất. Nội tâm có nhiễm nên nghe pháp không thâm nhập.

Trải tòa ngồi, vì muốn nói pháp tối thắng nên Đức Thế Tôn tự trải tòa ngồi, như ta thấy bậc đáng tôn không nhờ

người khác trải tọa cụ ngồi. Ngài Vô Trước luận rằng, chúng tỏ chỉ người vắng lặng đối pháp năng giác hay thuyết, nên đây là cách Thế Tôn an tọa thân đoạn chánh thiền định, là chúng tỏ trong đã giác ngộ chân lý, ngoài hay thuyết pháp vô tướng. Kinh năng đoạn Kim Cang ghi rằng: ngồi xoay lưng mặt quán, lưng là nghĩa xa, mặt là hướng tới việc quán, có nghĩa là dùng trí quán lý như kiếng soi mặt vậy. Như nói lưng mà lưng chỉ cho sanh tử, mặt là Niết Bàn, lưng xả bỏ phiền não, mặt đạt chân lý, lưng lìa có-không, mặt ở Trung đạo, đó là những ý nghĩa nên biết. Cũng có thể nói rằng đối diện niệm là nghĩa gần gũi quen thuộc, có nghĩa là dùng trí đạt lý như đối diện người thân thuộc vậy.

**“Thời trưởng lão Tu Bồ Đề tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn”.**

Lúc bấy giờ trưởng lão Tu Bồ Đề ở giữa đại chúng liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, trích áo hở vai bên hữu, chấp tay cung kính, quỳ gối sát đất bạch Phật rằng...

Giảng: Đoạn văn quan trọng thứ hai này là phần thỉnh vấn Đức Thế Tôn, phần chính dựa theo Ngài Thế Thân chia văn làm 2: từ đây tới...quả báo không thể nghĩ bàn: là thuyết vòng đầu; và từ: bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề... cho đến làm thế nào an trụ trở đi tới chỗ nên quán sát như thế, là thuyết vòng hai. Có nghĩa là vòng đầu nêu 3 nghi vấn với người chưa phát tâm làm sao phát tâm; thậm chí người đã tu hành làm thế nào đoạn dứt chướng. Vòng 2 thuyết như

Bồ Tát đối với tự thân nên khởi 3 thứ tâm mà tu hành, rằng ta hay phát tâm đến... rằng ta có thể dứt trừ chướng, là dứt tâm tăng thượng mạn như đã nói. Như vậy, vòng đầu Phật thuyết pháp để giáo hóa người chưa phát tâm làm cho phát tâm, vòng sau với người đã phát tâm nói ta có thể phát tâm nên vì đó mà thuyết pháp, hoặc người tu đoạn chướng vòng 2 giải thích riêng.

Cụ giải thích rằng vòng đầu là sanh tức thiện, vòng sau là đoạn dứt chướng, chướng tức là sở tri chướng, nên sau đây luận rằng, đối nội tâm tu hành mà còn cho ta là Bồ Tát là còn bị chướng không trụ đạo được. Vì Bồ Tát không trụ đạo không phân biệt nội chướng để đạt đến chân lý mới chứng đạt, nên không tâm khởi cho rằng ta đạt được. Ngoài ra, hiểu đúng trước sau hai căn lợi – độn nên Phật thuyết hai vòng. Vòng đầu có 2 ý: bắt đầu từ ... nên hàng phục tâm như thế ... cho đến như lời dạy mà an trụ, là phân chánh. Có thể dùng thân tướng thấy Như Lai không? Tiếp theo là phân đoạn nghi, có nghĩa tu là năng đoạn, Bát Nhã là sở đoạn và đó là 2 chướng. Trong đoạn trên có 4 ý: 1. Ngài Thiện Hiện chí thành cầu thưa hỏi 2. Phật ca ngợi câu hỏi và hứa khả trình bày 3. Kính thọ việc nghe hy hữu 4. Theo câu hỏi giải đáp. Hay cũng có thể nói đoạn văn trên có 3 phần: 1. cung kính Phật 2. hết lòng tán thán 3. trình bày lời thưa thỉnh. Đây là đoạn văn mở đầu.

Song Bồ Tát Vô Trước thiết lập 7 loại nghĩa cú lấy Bát Nhã Ba La Mật thành lập, có nghĩa là chúng tánh không lia. Đây là 3 câu đầu của 7 nghĩa cú phê phán Kinh này chung

có 3 đoạn; sau 4 đoạn rõ ràng trong đó có nghĩa của sở hữu không thể tách riêng luận được. Ba đoạn văn đó như sau: 1. Ngài Thiện Hiện tán thán là chủng tánh không 2. Ngài Thiện Hiện thừa thỉnh là phát khởi hành tướng, tức là hỏi sự tu hành 3. Phật hứa trả lời cho tới chỗ: nên quán sát như thế gọi là hành chỗ trụ xứ, có nghĩa nương lời Phật dạy để tu hành, đây là một phần trong việc áp dụng phương pháp tu tập 4. Đối trị: không có văn riêng trong hành chỗ trụ xứ có năng sở để đối trị. Luận nêu rằng, hành tướng ưng như thế là tướng hành các trụ xứ thời có 2 loại đối trị, phải biết đó là tà hạnh và chánh hạnh cùng nhận thấy. Trong đây có từ “thấy” có nghĩa là phân biệt vậy. Trong phần trụ xứ đầu nếu nói Bồ Tát nên sanh tâm như vậy đến chỗ có chúng sanh v.v... Đây là đối trị tà hạnh. Sanh tâm như thế là Bồ Tát tà hạnh. Nếu lại nói: như Bồ Tát có tướng chúng sanh, đây là đối trị cùng thấy chánh hạnh. Bồ Tát phân biệt chấp như thế cũng phải đoạn dứt, có nghĩa là phải độ chúng sanh. Trong trụ xứ thứ hai như nói nên hành bố thí là đối trị tà hạnh, chẳng phải không bố thí là Bồ Tát tà hạnh. Nếu lại cho rằng trụ trong việc bố thí là đối trị cùng thấy chánh hạnh. Bồ Tát phân biệt chấp như thế cũng phải đoạn dứt, như cho rằng nên hành bố thí. Y cứ đoạn này có 2 phần là năng đối trị và sở đối trị như đã giải thích. 5. Không mất: tức là không mất chánh đạo, đây là ngăn bớt tăng giảm chấp, có nghĩa là trong hành chỗ trụ xứ chấp có hơn-pháp nên nói là tăng chấp; bác không có pháp chân như nên nói là giảm chấp. Nếu người chấp như thế liền mất chánh đạo. Nay ngăn bớt hai chấp nên nói không mất. Luận giải rằng

trong nếu cho rằng Như Lai thuyết phước đức tánh là phi phước đức tánh để ngăn bên chấp lợi ích, vì không phân biệt tánh phước đức ấy. Nếu lại cho rằng Như Lai thuyết tức là phước đức Như Lai có để ngăn bên tổn hại. Vì chấp tuy không như ngôn từ có tự tánh nhưng có việc thuyết. Do Phật thuyết phước đức (tự) chỉ như gọi Phật pháp ấy là phi Phật pháp. Như vậy trở lên đã giải thích điểm không mất vậy. 6. Địa (vị) ở đây có 3 loại: 1) Tín hành địa, tức vị phàm phu mới từ sơ cơ đến gồm hết thầy pháp 2) Tịnh tâm địa: thập trụ bắt đầu từ “ví như thân người to lớn” 3) Phật địa: từ chỗ: nếu Bồ Tát nghĩ như vậy: ta phải trang nghiêm Phật độ cho đến hết Kinh. 7. Lập danh: giải danh từ năng đoạn cần phải biết. Song miền Nam giải thích Kim Cang Tiên phân ra ở đây luận chung là 12 phần; chỉ vì miền Bắc dân tình phóng khoáng tự tạo con đường để đi nên không dựa theo đó.

Nói trưởng lão: như người Tây phương tôn trọng người già cả là trưởng lão. Nếu người trẻ nhưng có đức nên được tôn là Đại Đức không giống ở đây, giống như Tu Bồ Đề (trưởng lão) là không đúng. Nên nói rằng Tô Bồ Đề (Tu Bồ Đề) Trung Hoa gọi là Thiện Hiện, là một trong số đệ tử của Đức Thế Tôn đạt giải KHÔNG đệ nhất. Có nghĩa ông sanh ra đời gặp Phật, hay khéo hay hiểu rõ nghĩa KHÔNG ngay trước mắt, hay lúc ông vừa sanh thời trong nhà trống không. Thầy xem tướng đoán tướng đặt tên ông là Thiện Hiện; Hiện là xuất hiện vậy. Lúc ông sanh trong nhà mọi vật đều trống rỗng biểu hiện khi lớn lên khéo hiểu về nghĩa

KHÔNG nên gọi là Thiện Hiện. Tân dịch năng đoạn gọi là Cụ Thọ Thiện Hiện (thọ mạng), mạng có 2 loại: 1. Huệ mạng xuất thế 2. Thân mạng thế gian, có nghĩa giữ sắc tâm liên tục. Nếu chỉ nêu riêng huệ mạng thì không bao hàm thế gian; còn nói riêng thân mạng thì không chung xuất thế; hiển lộ đủ cả hai mới gọi là Cụ Thọ. Cho nên Thiện Hiện có hai: 1. Đạt huệ mạng xuất thế 2. Được thọ mạng thế gian nên cũng gọi là trưởng lão vậy.

Từ chỗ ngồi đứng dậy là tiêu biểu xả bỏ cái phi thật của Nhị thừa hướng tới cứu cánh của Nhất thừa. Trích áo bày vai mặt biểu lộ sự cung kính. Ngài lấy bên mặt làm điềm lành vì biểu tỏ trí tuệ có thể cùng chúng tạo nên niềm an lành. Gối mặt qui sát đất biểu lộ hàng phục lỗi lầm sanh tử, vì từ vô thỉ cho tới nay dùng tay chân phải tạo bao tội lỗi, vì tiêu biểu pháp này hay hàng phục khổ sanh tử. Chắp tay chứng tỏ có sự chú ý lắng nghe, tâm-pháp hợp nhất, cung kính là biểu cách phép tôn trọng vậy. Ngài Vô Trước luận 6 nhân duyên Ngài Tu Bồ Đề thừa hỏi như: 1. Đoạn nghi, vì chúng sanh từ vô thỉ tới nay bị vô minh nơi tâm, phiền não che lấp sanh nghi hoặc như đối pháp tứ đế, hay Tam Bảo v.v... mà sanh nghi không phát lòng tin. Như lúc hỏi có những điềm nghi ngờ gì đều được đoạn dứt 2. Vì khởi lòng tin hiểu nên phải hỏi. Dù nếu có tin đối với pháp nhưng không biết lấy gì mà phát lòng tin nên phải hỏi, làm khởi tuệ giác (bát nhã) tin hiểu 3. Vì thâm nhập sâu xa có nghĩa là tuy trí tuệ sanh niệm tin hiểu, nhưng với ý nghĩa sâu xa chưa thể thấu đạt được nên phải hỏi để hiểu sâu sắc

hơn 4. Vì không thoái chuyển nên hỏi; tuy pháp thậm thâm đã được hiểu rõ, song gặp những chuyện nhỏ nhất như tranh cãi, biếng lười v.v.. mà đôi khi cũng thối tâm. Một khi nêu hỏi là mãi mãi không còn thoái tâm nữa. 5. Khởi niệm vui nên hỏi, vì chúng sanh mịt mù trong sanh tử luôn ôm trọn bao nhiêu mối lo khổ. Một khi nêu hỏi là những nỗi khổ ấy dứt trừ nên sanh tâm hoan hỷ. 6. Vì chánh pháp lâu dài nên hỏi, có nghĩa là nếu Phật không thuyết Bát Nhã như thế, hoặc giả chánh pháp chóng hoại diệt không có người duy trì, một khi nêu hỏi là mong làm sao cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

**“Hy hữu Thế Tôn, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phú chúc chư Bồ Tát”**

Giảng: Theo Ngài Thế Thân phân tích, vòng đầu có 2 ý: 1/ phần thừa thỉnh chính 2/ Từ: có thể dùng thân tướng... phá sự hồ nghi. Trong phần (1) có 4 ý: a. cung kính tán thán b. Phật hứa khả đáp c. kính thọ việc nghe hy hữu d. theo câu hỏi mà đáp. Trong ý đầu còn phân làm 4: a. nơi chốn rõ rệt, nghĩa là giữa đại chúng đông người b. tỏ lộ lòng cung kính c. tán thán d. nêu lên hỏi. Trở lên 2 ý đã xong.

Đây là điểm 3 tán thán: nói hy hữu thay Đức Thế Tôn, vì trong kiếp trụ phải qua thời kỳ kiếp giảm mới có Phật ra đời. Như trong Hiền kiếp (4) có 1000 Đức Phật thì 4 Đức Phật đã ra đời. Chỉ trong kiếp trụ này thì 5 kiếp đầu tiên không có Phật xuất thế; kiếp thứ 6 con người sống thọ 4 vạn tuổi, lúc đó Đức Phật Câu Lưu Tôn ra đời. Kiếp thứ 7



con người sống 3 vạn tuổi, lúc đó Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni ra đời. Kiếp thứ 8 con người thọ 2 vạn tuổi, lúc đó Đức Phật Ca Diếp ra đời. Kiếp thứ 9 con người thọ 100 tuổi, lúc đó Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời. Kiếp thứ 10 con người thọ 8 vạn tuổi, kiếp giảm đầu tiên lúc đó Đức Phật Di Lặc xuất thế, đến kiếp thứ 50 và kiếp 990 có 4 Đức Phật cùng ra đời trong một kiếp. Sau đó trong kiếp trụ Đức Phật Lô Chi xuất thế trong một kiếp. Từ đây trở đi trải qua 12 đại kiếp trong kiếp Tinh Tú mới có Đức Phật Nhật Quang đệ nhứt ra đời. Từ đó trải qua 300 kiếp mới có chư Phật xuất thế.

Kinh Pháp Hoa ghi rằng chư Phật xuất hiện nơi đời thật là lâu xa mới có nên rất là khó gặp. Khéo hộ niệm như Ngài Thế Thân nói là thêm thân đồng hành có 2 nghĩa: 1. gia trì thân 2. thêm người đồng phạm hạnh.

Như có vị Bồ Tát đã từng phát tâm gặp chư Phật, căn cơ đã thuần thực Phật bèn hộ niệm cho, đó là gia trì thân, khiến được tự lợi tăng trưởng thiện pháp. Gia trì người đồng phạm hạnh có nghĩa là Bồ Tát có người cùng giữ giới khiến được thọ giáo pháp để gia tăng việc lợi tha.

Khéo phó chúc, có nghĩa là Bồ Tát căn chưa thuần thực làm cho được thuần thực, tuy đã phát tâm mà căn cơ chưa thuần thực. Nói thuần thực có 2 loại: 1. chưa từng có công đức 2. tuy đã có công đức mà lại thoái tâm. Đem 2 hạng người này trao cho Bồ Tát thuần thực để được chỉ dẫn; đối với người chưa đạt mà đã thoái tâm khiến cho đạt. Đối với người đã đạt được nhưng thoái tâm làm cho họ thêm tinh

tấn tu tập nên gọi là phó chúc. Ngoài ra, người đạt bất thoái làm cho không bỏ Đại Thừa, trước đem người căn chưa thuần thực giao phó cho người căn đã thuần thực, ở đây Đức Thế Tôn đem pháp giao cho người căn chưa thuần thực làm cho không rời bỏ Đại Thừa. Đối với Đại Thừa muốn làm họ thắng tấn hơn gọi là phó chúc. Luận nghĩa phó chúc có 2 ý: 1. Trong số Bồ Tát đã đạt mà thôi tâm hay chưa đạt nhưng lui sụt chỉ làm sao để họ không bỏ Đại Thừa, ngõ hầu thắng tấn lên gọi là phó chúc. Nhưng Ngài Vô Trước giải thích ý cùng với ở đây có phần hơn. Ý Ngài nói rằng: Phật lúc mới thành đạo có chư Bồ Tát trong quá khứ đã từng tu tập thiện căn, căn đã thuần thực, Phật vì họ nói hành chỗ trụ xứ, nói Thánh đạo để tự đối trị và phân biệt là sở đối trị. Cũng nói đoạn trừ 2 chấp tăng giảm làm cho không mất chánh đạo. Phạm phu tu tập hạnh Bồ Tát và Phật địa, cũng tức là thiết lập danh bát nhã; như thế là khéo hộ niệm.

Lại khéo phó chúc: như Bồ Tát căn chưa thuần thực và chưa phát tâm tu hành nên Phật trước giờ Niết Bàn đã phó chúc, đã nhiếp thọ các vị, khiến chư Bồ Tát lấy 5 nghĩa này mà thuyết làm cho Phật pháp được tồn tại. Đã nhiếp thọ có nghĩa là Bồ Tát căn đã thuần thực vậy.

Song từ Hộ Niệm có 6 ý như: 1/ thời: có nghĩa Phật luôn vì hiện tại và tương lai là 2 thời kỳ để hộ niệm. Ở hiện tại là lúc làm cho được an lạc, tức không cho làm ác để bị chuốt lấy quả báo ở vị lai nên được lợi ích. Không như từ mẫu làm cho con thơ hiện tại được vui, trái lại khiến

tạo ác. 2/ sai biệt, tức là khéo biết căn cơ chúng sanh khác nhau (sai biệt) để thuyết pháp, tức khéo hộ niệm 3/ cao đại: đem Bát Nhã làm lợi lạc hữu tình không còn gì cao hơn 4/ kiên cố: tất cả mọi vật ở thế gian đều bị tan vỡ, chỉ có Bát Nhã là rất ráo bền chắc 5/ cùng khắp: có cùng khắp nên bao hàm lợi ích đối với tự và tha, nên không giống Nhị Thừa chỉ tự lợi 6/ tướng khác có nghĩa là trong địa tín hành vị tu tập của phạm phu có nhiều sai biệt. Tùy theo sự sai biệt đó để phân biệt pháp khác vì họ mà thuyết.

Khéo phó chúc cũng có 6 nghĩa: 1/ nhập xứ: nơi quay trở về gọi là nhập xứ; xứ cũng gọi là an xứ. Có nghĩa là Phật phó chúc cho người căn chưa thuần thực rằng sau khi Ta nhập Niết Bàn hãy trở về với các Bồ Tát và chư Phật, nên lấy chư thiện hữu làm nơi quay về 2/ pháp đạt như vậy, người căn đã thuần thực đối pháp đạt được nên vì đó mà nhiếp hóa làm lợi ích như người mẹ đối với con thơ vậy 3/ chuyển giáo: làm cho pháp Bát Nhã thâm huyền phải truyền giảng rộng, khiến cho ngọn đèn chánh pháp lưu truyền bất diệt 4/ không mất: tức là nhập xứ vì đã có nơi quay về nên không mất chánh đạo tức chánh pháp 5/ lòng thương: pháp Như do có lòng thương làm cho pháp lợi tha 6/ tôn trọng: tức chuyển dạy, do tôn trọng Bát Nhã nên có thể lần lượt truyền giáo vậy.

**“Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu Đa La tam miệu tam bồ đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?”.**

Bạch Đức Thế Tôn, nếu người thiện nam, tín nữ phát tâm vô thượng bồ đề, làm sao trụ tâm và làm thế nào hàng phục tâm?

Giảng: Phần thứ ba: thừa trình Phật việc hàng phục tâm.

Thiện nam tử gọi là Ô ba sách ca: nếu không thọ giới biệt giải thoát, không thường thân cận giúp đỡ không gọi là thiện được. Phát tức là sanh hay khởi vậy. A Nậu Đa La: Trung Hoa dịch là vô thượng; tam là chánh; miệu là đấng; tam trở lại là chánh, bồ đề là giác. Nên gọi chung lại là Vô thượng chánh đấng chánh giác (vô thượng bồ đề), có nghĩa trước là tên tổng quát, sau lược nói ngoại đạo tà giác. Kế tiếp lược nêu Nhị Thừa giác một bên, kế tiếp Bồ Tát giác khiếm khuyết để nêu lên giác viên mãn, và như thế gọi là vô thượng chánh đấng chánh giác; có nghĩa thể giác này tức là pháp thân. Như Kinh Thắng Man ghi rằng: Như Lai tức là pháp thân, pháp thân tức cõi Niết Bàn. Nói phát có nghĩa là hướng tới bất nhã nên gọi là phát.

Làm sao trụ tâm? Hỏi trụ tâm nào mà phát và đối với nơi đâu an trụ phát tâm? Thế thì làm thế nào tu hành? Đã phát tâm rồi nên tu hành ra sao? Làm thế nào hàng phục tâm? Như tu hành đã biết phiền não làm sao đoạn trừ? Làm sao an trụ, tức là nghĩ xa về tâm chúng sanh. Làm thế nào tu hành có nghĩa cầu tâm Bồ Đề. Làm sao hàng phục tức là lìa khỏi tâm hữu vi. Ngoài ra, đoạn tất cả mọi điều ác tức là biết làm sao hàng phục tâm. Tu hết thấy việc thiện là làm thế nào tu hành rồi. Độ tất cả mọi loài chúng sanh tức

là làm sao trụ đó. Lại, ba tụ giới là nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới cũng đã bao hàm như trên và cũng dựa theo ý Ngài Thế Thân giải thích. Theo Ngài Vô Trước không cùng quan điểm như thế. Ngài cho rằng phải trụ có nghĩa là dục nguyện nên dục tức mong cầu đúng, cũng tức là cầu Phật. Nguyện là sở cầu nên tạo cho tâm tư duy là phát nguyện đoạn dứt hết mọi việc ác. Nên tu hành phải tương ứng (hợp) với tam ma bát đế. Tam ma bát đế là không phân biệt, tam ma đề (Samadhi) có nghĩa là đối trị phân biệt mà khởi vô phân biệt đưa tới vô phân biệt trí. Ý nói rằng do có phân biệt nên mới sanh thị phi, do thị phi nên khởi phiền não, phiền não khởi nên tạo ác nghiệp, tạo ác nghiệp nên lưu chuyển trong sanh tử. Nay vì đoạn dứt nên khởi hạnh vô phân biệt; còn phân biệt tức bị sở tri chướng. Phải hàng phục có nghĩa bẻ gãy chiết phục làm tan rã. Lúc chiết phục tan rã nếu tâm tam ma bát đế chế phục làm cho trụ lại. Ý nói rằng nếu chiết phục tâm phân biệt khiến không còn tán loạn nữa gọi là hàng phục. Khởi vô phân biệt tam ma bát đế nên gọi là tu hành.

Hỏi: Vì sao không nói: nếu thiện nam tử v.v.. đối với Tam thừa làm sao an trụ mà chỉ riêng nói Đại Thừa?

Đáp: Như Kinh Thắng Man nói là mang vác bốn vật nặng tức là hữu tánh, vô tánh đều hàm dung lợi ích. Cho nên trả lời luận thích rằng bất khả đắc (không thể được), vì Ngài Thiện Hiện là Thanh Văn. Nếu hỏi trụ Đại Thừa hành là không thể được; còn nếu hỏi trụ Nhị Thừa hành đâu phải là việc khó, nên Thế Tôn chẳng tán thán lãnh thay. Lại vì

ba loại Bồ Đề khác nhau phải khéo hỏi nên chỉ hỏi hành Bồ Tát thừa.

**“Phật ngôn: thiện tai, thiện tai, Tu Bồ Đề! Như nữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Nữ kim để thính đương vị nữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu Đa La tam miệu tam Bồ Đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm”.**

Phật dạy: lành thay, lành thay này Tu Bồ Đề, như chỗ Thầy nói đó, Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát, khéo phó chúc chư Bồ Tát. Nay hãy lắng nghe Như Lai đương vì Thầy mà thuyết. Nay thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát tâm vô thượng Bồ Đề nên trụ tâm như thế, hàng phục tâm như thế!

Giảng: Đây là điểm thứ hai Phật tán thán, hứa khả trình bày trong đó có 3: 1/ tán thán 2/ ghi nhận 3/ hứa nêu rõ. Tán thán như nói: lành thay, có nghĩa là nếu Ngài Thiện Hiện chưa đủ hợp lý thì Phật chỉ hứa khả chứ chưa hẳn tán thán lần nữa. Vì câu hỏi rất sâu sắc nên Phật lặp lại 2 lần lành thay. Ấn có nghĩa ấn chứng cho lời nói, hứa khả trình bày tức là định nói, để là xét nét khiến người nghe nhận kỹ nên nói hãy lắng nghe kỹ. Trong Kinh nói thính tức chăm chú lắng nghe, như đói cần ăn khát cần uống, để hết tâm vào lời giảng một cách phấn khởi. Tâm nghe pháp vui mừng như thế, người thuyết mới hứng thú trình bày.

**Kính thưa Đức Thế Tôn, con mong muốn nghe (duy nhiên Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn).**

Giảng: Đây là điểm 3: Kính vâng việc nghe hy hữu. Duy là từ tôn kính, nhiên là hiển nhiên, việc như thế.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, chư Bồ Tát Ma Ha Tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm, sở hữu nhưt thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng, phi vô tướng.”**

Phật dạy Ngài Tu Bồ Đề, chư đại Bồ Tát nên hàng phục tâm như thế, như có các loài chúng sanh, hoặc đẻ trứng, hoặc sanh bằng bào thai, hoặc sanh nơi ẩm thấp, hoặc biến hóa sanh, loài hữu sắc, vô sắc, có tướng, không tướng, hoặc phi hữu tướng, phi vô tướng.

Giảng: Đây là điểm 4: theo câu hỏi đáp riêng.

Trước trả lời làm thế nào trụ tâm và sau đáp làm sao tu hành. Sau: Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hàng phục tâm như thế là đáp hàng phục tâm. Dựa đoạn văn trên có 4 ý: 1. tâm quảng đại 2. tâm đệ nhưt 3. thường tâm 4. tâm không điên đảo. Trên đây dựa theo lối phân chia của Ngài Thế Thân. Theo Ngài Vô Trước căn cứ điểm 3 tu hành chỗ trụ xứ có 18 nên khác. Phỏng theo Địa mà nói có 3 nghĩa 16 vị đầu là địa tiền, hai vị Tư lương và Gia hạnh là phạm phu. Tu hành tức là tín hành địa, vị thứ 17 chúng đạo là Thập địa, Bồ Tát hạnh là tịnh tâm địa. Vị thứ 18 trên cầu Phật

đạo tức Phật địa, có nghĩa ta trang nghiêm Phật độ trở đi...  
đoạn văn nêu phỏng theo trụ xứ nói có 6: 1) nhiếp trụ xứ  
2) ba la mật tịnh trụ xứ. Trong 2 trụ xứ đây tức là 2 trụ xứ  
đầu trong 18 trụ xứ. 3) dục trụ xứ tức là 2 trong 18, có  
nghĩa là muốn được sắc thân, pháp thân. 4) ly chướng ngại  
trụ xứ tức là ngoài trụ xứ 12. 5) tịnh tâm trụ xứ tức là Đăng  
Đạo thứ 17. 6) cứu cánh trụ xứ mà hai sau không rời 6  
trước, cho nên chung tất cả trụ xứ nên chỉ nơi trụ xứ; nói có  
6 loại có nghĩa rằng như trong 2 trụ xứ đầu đã có 2 trụ xứ  
quảng đại và thậm thâm. Như luận trình bày đầy đủ rõ ràng  
ngoài ra các trụ xứ khác vẫn vậy. Y cứ nơi 6 trụ xứ, 4 trụ  
xứ đều là tín hành địa, trong đó 2 vị Tu lương và Gia hạnh  
đầu. Song ý Ngài Vô Trước không đồng với lập luận của  
Ngài Thế Thân. 18 vị sai biệt mỗi vị đều có trả lời 3 câu hỏi  
trước. Luận: Kinh ghi Bồ Tát nên sanh tâm như thế mà trụ,  
rõ ràng Bồ Tát nên trụ trong dục nguyện như thế. Nếu Bồ  
Tát tướng do chúng sanh chuyển tức chẳng phải Bồ Tát,  
chúng tỏ phải tu hành nội lực thời tương ứng (hợp) với tam  
ma bát đế. Nếu Bồ Tát khởi tướng chúng sanh, tướng ngã -  
nhơn, tướng thọ mạng thì không gọi là Bồ Tát, rõ ràng nên  
hành phục tâm như thế trong lúc tán tâm mà thu nhiếp  
được 18 trụ xứ sai biệt của Ngài Thế Thân, nên 2 khác biệt  
đầu đã hợp chung trả lời 3 nghi vấn; không giống với Ngài  
Vô Trước mỗi mỗi đều trả lời 3 nghi vấn nên kiểm xem lại  
hẳn rõ. Ở đây trả lời làm sao trụ có nghĩa là làm thế nào an  
trụ để mà phát tâm, tức là các nhà tu hành muốn chứng Bồ  
Đề làm nhiều lợi ích, trước hết cần phải phát tâm đại Bồ  
Đề rồi mới khởi chánh hạnh. Kinh thuyết rằng như tre chẻ



đốt đầu hẩn những đốt khác cũng vỡ tung hết; kiến đạo đầu tiên trừ dứt chướng, ngoài ra những chướng khác đều chóng trừ dứt. Như phát tâm Bồ Đề thời tất cả các công đức phải được viên thành nên mới phát tâm. Kinh ghi thí như đại hải đầu tiên một giọt nước hay vì các báu vật mà làm chỗ nương tựa, lúc đầu phát tâm cũng như thế. Năm Thừa thiện pháp đều nhân đây mà phát sanh. Ngoài ra, như thế giới lúc ban đầu rồi dần khởi phát tức là cư mang chúng sanh; tâm này cũng vậy, hay vì 5 thú (đường) mà làm chỗ y chỉ cư mang vô số chủng loại. Lại như hư không luôn hàm nghĩa bao dung; đại Bồ Đề tâm cũng như thế, cùng khắp không hữu vi không lìa như hư không. Bồ đề phải cầu chúng đạt nên khắp hư không, chúng sanh nghĩ sâu, nên sơ phát tâm tuy thấp kém, nhưng nhứt niệm phước tích tụ nói còn không thể hết, huống gì trải qua nhiều kiếp phát tâm tu hành được công đức lợi lạc. Nhân gì phát tâm? 1) Thấy nghe, thần lực, công đức v.v.. của Phật 2) Nghe thuyết giáo pháp Bồ Tát 3) Thấy nghe Phật pháp sắp diệt. Niệm nghĩ tới pháp vững trụ mà bị diệt nên rất là khổ. 4) Đòi mặt pháp phần nhiều chúng sanh si mê không biết hổ thẹn, keo kiệt, ganh tỵ, ưu tư, sầu khổ, ác hạnh, phóng túng, giải đãi, không tin. Cho nên đòi ác phần nhiều hay sanh những phiền não xấu ác như thế, là lúc ta phát tâm học tất cả, ta khởi niệm giác ngộ, do đây liền phát đại Bồ đề tâm. Khi chuẩn bị muốn phát tâm trước hết phải đủ 10 đức và khởi 3 diệu quán, 10 thắng đức đó là: 1) Thân cận thiện hữu; có nghĩa là tình đồng đạo tuy xa nhưng gần. Nếu không cùng hiệp lực tuy gần cũng không thành là thiện hữu được. Kinh

Niết Bàn ghi rằng: thiện tri thức như pháp mà thuyết, như thuyết mà hành. Tự mình không sát sanh cũng khuyên người khác không sát sanh, nhắc đến mình không tà kiến cũng giúp người không tà kiến v.v.. đó gọi là như thuyết tu hành (nói làm đi đôi nhau). Ngoài ra, thiện tri thức cũng như trăng non giữa thán (rằm) dần dần tròn đầy vậy 2) Cúng dường chư Phật: nên thực hành 10 loại cúng dường, cho dù Phật hiện tiền hay không hiện tiền 3) Tu tập 3 thiện căn, phàm làm việc gì đều nên chú tâm vào việc thiện 4) Chí cầu pháp thù thắng như thích làm thiện hơn, thích nghe pháp hơn v.v... 5) Tâm luôn nhu hòa: tánh không hung ác như ngựa thuần thực 6) Gặp khổ hay nhẫn, có nghĩa là vì Bồ Đề (tánh giác) không sợ nóng lạnh, khó khổ v.v... 7) Từ bi thuần hậu: cứu giúp trừ khổ cho mọi loài 8) Thâm tâm bình đẳng: oán-thân không hai, tốt-xấu ngang nhau 9) Tin ưa Đại Thừa 10) Cầu Phật trí tuệ. Kinh Pháp Hoa nêu 5 đức như trên. Ngoài ra, người Phật tử tâm thanh tịnh nhu mì cũng lợi lạc vô lượng chư Phật, đó là chỗ hành sâu diệu đạo vậy.

Còn 3 diệu quán đó là: 1) Chán bỏ hữu vi có nghĩa quán sanh tử, ác thú không rãnh rồi, vì bao nỗi khổ bức bách. Trong thân có 5 uẩn, 4 đại hay sanh ác nghiệp, 9 lỗ bài tiết thường tiết mùi hôi hám bất tịnh, 36 vật chứa tích tụ; vô lượng phiền não nung nấu thân tâm, như bọt như bóng niệm niệm biến diệt. Si mê che lấp tạo nghiệp luân hồi trong 6 thú, suy tư xét nét thâm tâm xả bỏ 2) Cầu Bồ Đề: quán thân Phật tướng tốt, công đức trang nghiêm, pháp

thân vốn tịnh đầy đủ giới hạnh. Phật lực vô úy, có vô lượng pháp thù thắng đạt thánh diệu trí thương tưởng chúng sanh. Phật dẫn dắt khai lối cho hạng ngu mê khiến theo đường ngay nẻo chánh. Các loài chúng sanh gặp Phật đều dứt phiền não kiến, nhờ công đức tu tập nên nói là ngưỡng cầu 3) Niệm nghĩ chúng sanh tức là quán sát chúng sanh si ái làm mê hoặc phải chịu vô vàn thống khổ. Không tin nhân quả tạo nhân ác, chán bỏ chánh đạo tin theo tà đạo, trôi theo 4 dòng, ngụp lặn trong hoặc lặn phiền não. Tuy sợ các khổ hoàn lại vẫn tạo nghiệp ác nên luôn lo buồn khổ não. Yêu nhau phải biệt ly: khổ, thấy vậy vẫn yêu, oán ghét gặp nhau là khổ, biết khổ càng thêm oán. Vì dục khởi nghiệp sanh khổ, không chán, mong muốn phạm giới. Ôm lo, buông tung tạo nghiệp vô gián; đòi bại không hổ, hủy báng Đại Thừa. Si chấp sanh kiêu mạn, dù có trí thông minh cũng đoạn mất căn lành. TỰ DỐI CỐNG CAO THƯỜNG không biết hối cải. Sanh vào nơi không rãnh rỗi, Phật pháp không tu, dù nghe cũng không hành trì. Tập theo nghiệp tà đắc thế diệu quả cho là chứng Niết Bàn; thọ các vui thú rốt cuộc rồi hoàn sanh nơi ác thú. Thấy những người như thế thâm tâm thật là đáng thương xót! Kế tiếp phải phát tâm, phát nguyện như thế này: nguyện con quyết định phải chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề hay làm việc nghĩa, lợi ích cho tất cả chúng sanh, hay tùy hỷ vui theo hiệu chư Phật. Như Đức Thích Ca lúc đầu phát tâm hướng nguyện, như Câu Xá luận ghi rằng trong ba vô số kiếp ngược xuôi Ngài gặp Phật Thắng Quán, Nhiên Đăng, Bảo Kế là Phật Thích Ca Mâu Ni đầu tiên.

Bồ Tát Vô Trước nhân đây nói rằng: thanh tịnh lực tăng thượng, tâm kiên cố thắng tấn gọi là Bồ Tát, trước tiên tu trải qua 3 đại kiếp, bắt đầu khởi tín (tín), tinh tấn, niệm, định, huệ căn để bề đẹp chướng nhiễm. Kế phát đại nguyện luôn gặp thiện hữu để tạo thắng duyên. Dù gặp bạn xấu tìm cách phá ngăn quyết trọn không bỏ đại Bồ đề tâm. Có tu các thiện pháp cố vận dụng làm cho tăng trưởng. Lấy tâm bất thoái mà sách tấn phát tâm, đó là việc tu tập ban đầu. Y như trên đây mà phát tâm là hướng nhập vô thượng Bồ Đề, nhập Đại Thừa cùng chư Bồ Tát. Trong biển sanh tử tìm đủ cách thoát khỏi, dùng mãnh cương quyết chổng lên bờ giác. Nay một lời này gọi là tâm quảng đại khắp 10 phương vô số thế giới, vô biên vô tận chúng sanh. Chúng sanh vô số như thế, con từ vô thủy tới nay trong đó khởi tạo 10 nghiệp ác, nay phát tâm đối với những chúng sanh này đều quyết cứu vớt tế độ nên gọi là đại tâm, và đều muốn độ họ thoát khỏi khổ. Ngài Vô Trước luận rằng: loài có tướng, vô tướng, cảnh giới riêng cho nên quán 3 môn này là quán cảnh giới. Có tướng là có 7 tình thức (mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muốn), vô tướng có 5 cõi (Vô tướng thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Không thiên, Vô sở hữu xứ thiên), phi tướng, phi vô tướng trừ 2 tướng trước (trong 5 tướng). Đây dựa theo hữu tông giải thích. Đại Thừa giải thích rằng thức xứ gọi là có tướng, vô sở hữu xứ là vô tướng. Không thiếu, sở hữu thứ ba của phi tướng nhưng không phải tiền thức xứ, nên phi phi tướng không phải không thiếu sở hữu trước. Ngoài ra, các cõi khác như luận

có trình bày rõ. Lại nữa, luận hỏi rằng bốn loài chúng sanh như noãn sanh v.v... làm thế nào nhập vô dư Niết Bàn?

- Đáp: Có 3 nhân duyên có nghĩa sanh chỗ nạn xứ phải đợi thời như ý luận chủ đáp rằng, những chúng sanh sanh chỗ nạn xứ phải đợi ra khỏi nạn xứ thời liền khiến nhập vô dư không trở ngại.

**“Ngã giai linh nhập vô dư Niết Bàn nhi diệt độ chi”**

Như Lai đều làm cho nhập vô dư Niết Bàn mà diệt độ đó.

Giảng: Đây là tâm đệ nhất. Niết Bàn có 4: 1) Tự tánh thanh tịnh có nghĩa ở nơi ràng buộc gọi là Như Lai tạng 2) Hữu dư y là nhân sanh tử đã dứt 3) Vô dư y là quả sanh tử đã hết 4) Vô trụ xứ: có nghĩa là đạt đại bi, bát nhã hai hạnh; hoặc thêm một nữa là phương tiện tịnh, Niết Bàn là năm. Vì Bồ Tát tạo ý này làm vô số chúng sanh đều vui thích muốn đạt vô dư Niết Bàn nên gọi là tâm đệ nhất vậy.

Ngài Vô Trước luận rằng: có gì không nói thẳng Niết Bàn chứ? Nếu như thế rất tiện cho Đức Thế Tôn nói phương tiện cõi sơ thiên mà Niết Bàn lại không riêng, có nghĩa Niết Bàn sơ thiên là còn ở thế gian, chỉ có ly dục mới là quả Bồ Đề, nên ở đây nói lìa sự ràng buộc. Tại sao không nói cõi hữu dư Niết Bàn, vì đó là chung quả. Vô dư Niết Bàn hoặc khổ đã hết chỗ hiển lộ nên không chung quả. Vả lại không phải cùng một hướng, vì không cùng hướng nên khổ như đã dứt sạch.

Hỏi: Tại sao không nói vô trụ Niết Bàn?

Đáp: Vì hiển bày Tam Thừa cộng chung phải diệt độ như thế.

**“Vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đặc diệt độ giả”.**

Có vô lượng vô số chúng sanh kỳ thật là không có chúng sanh được diệt độ.

Giảng: Đây là hiển rõ thường tâm, vì Bồ Tát nhiếp độ kẻ khác như chính mình: độ tha tức là ngoài mình không có ai khác nên luôn thường độ.

**“Hà dĩ cố, Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ Tát”**

Tại sao vậy, này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng là không phải Bồ Tát.

Giảng: Đây là điểm 4: tâm không điên đảo. Như ta khởi 4 tướng chấp ấy là còn bị ngăn chướng phân biệt chưa trừ dứt, vọng tướng trong đêm dài, là còn điên đảo. Bốn tướng chấp không còn gọi là tâm không điên đảo, như uống thuốc vốn trừ dứt bệnh, không lý gì trái lại càng làm bệnh tăng thêm. Ngài Thế Thân nói, ta quán chung 5 uẩn 3 đời chấp sai khác, chấp ngã quá khứ liên tục đến hiện tại không dứt (rời) nên gọi là tướng chúng sanh. Thấy mạng căn hiện tại không dừng trụ là thân mạng. Thấy mạng căn đoạn dứt quá khứ sau khi chết sanh vào 6 đường là tướng thọ sanh.

Song Đức Phật dạy: Thọ mạng ấy mà ở đây gọi là tướng non, còn Ngài Vô Trước luận hơi khác đôi chút.

**“Phục thứ Tu Bồ Đề, Bồ Tát ư pháp ưng vô sở trụ hành ư bố thí, sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí”.**

Lại nữa này Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà thực hành bố thí, có nghĩa là không trụ hình sắc bố thí, không trụ âm thanh, mùi hương, vị lạ, tiếp xúc (chạm, tiếp cận), pháp v.v... bố thí.

Giảng: đây là dựa theo Ngài Thế Thân đáp câu hỏi 2. Song bố thí tiêu biểu có 2 nghĩa: 1) Theo người tại gia tu tập 3 phước, xuất gia bố thí 6 ba la mật là trước tiên 2) Thế rộng bao hàm 6 độ. Ba phước người tại gia tu tập là thí, giới, tu hay bố thí, trì giới, tu tiến. Ba phước đây ở đời này hoặc đời sau được nhiều người yêu quý, bậc hiền lương, người quân tử đều ca ngợi nên gọi là phước nghiệp. Không phải như phước đã hiểu xưa nay. Trước tiên hành bố thí có nghĩa là chúng sanh từ vô thủy đến nay bị sanh tử trôi buộc đều do tham, nay tạo bố thí khiến đối với người chưa có tài của làm cho không sanh tâm tham đắm; đối với kẻ đã có tài sắc không khởi tâm keo kiệt tức là ban cho. Giới có nghĩa răn dạy giữ gìn 5 giới, 8 giới v.v... Tu tức là tu tập những thiện pháp như thiền định v.v... Người xuất gia tu hành sáu độ ba la mật, chẳng hạn như trước hết tu bố thí độ, từ cạn tới sâu, từ thô đến tế, từ dễ đến khó nên Kinh nói là y cứ chỗ hơn, có nghĩa là chỗ nương tối thắng (an toàn hơn) của chư Thánh. Mỗi ba la mật theo một nghĩa không trái nhau.

2) Thể rộng bao hàm 6 độ: Ngài Thế Thân gọi là đàn độ bao nhiếp 6 độ mà trong số 1, 2 và 3 là tu hành trụ, và Ngài Vô Trước cũng vậy. Ngoài ra, đàn độ có 3 nghĩa: 1) Của cải riêng mình (tư sanh) có hai loại: nội tài và ngoại tài. 2) Vô úy giúp người làm cho họ lìa khổ được vui, không còn sợ sệt nữa. 3) Pháp thí: tùy căn bệnh mà thuyết pháp nên trong của cải bao hàm nghĩa đàn độ. Vô úy (không sợ) bao nhiếp 2 phần: nhãn và giới. Đã tạo ác hay chưa tạo làm cho không sanh tâm sợ sệt, nên pháp thí bao hàm cả tấn, định và huệ. Hợp thời thuyết pháp không mỏi mệt nên quán sát biết căn cơ của thính chúng mà chọn pháp thích hợp; Vô Tánh luận cũng nói như thế. Trong việc bố thí đầy đủ 6 ba la mật rồi; tài thí, vô úy thí, pháp thí đã bao hàm chung hết thảy. Trong 3 loại thí mỗi loại đều có chung 6 độ, do vì nghĩa này nên chỉ nói đàn thí. Không trụ nơi sự mà hành bố thí có nghĩa là không chấp tự thân. Vì lúc thực hành bố thí hoàn toàn không mong cho mình mà chỉ vì Bồ Đề. Nên vô sở trụ tức là không mong đền ân đáp nghĩa; không trụ sắc v.v.. là không vướng mắc bởi quả tặng thượng bên ngoài như tiền tài, tột tở... mà làm việc bố thí. Luận giải rằng, tự thân và báo ân, không bận buộc vào 2 phần này. Giữ của không bố thí phòng đỡ mong đền đáp. Trong đây 2 câu đầu nêu rõ, 2 câu sau giải thích ý trên. Câu 1 có 2 ý: không chấp tự thân và không mong đền đáp quả báo, như luận nêu rõ.

**Tu Bồ Đề, Bồ Tát ưng như thị bố thí, bất trụ ư tướng”.**



Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên bố thí như vậy, bố thí không trụ tướng.

Giảng: Đây là trả lời câu hỏi 3. Trong câu trên có 2 phần: trả lời câu hỏi nêu lên và giải thích nghi vấn, đây là phần nêu hỏi: nên làm sao không trụ tướng suy tướng? Tướng do phân biệt tâm-tướng bị chấp vào cảnh. Nói không trụ là trừ tâm phân biệt bên trong và ngoài không chấp tướng vậy. Vì không thấy người thọ thí và vật bố thí nên của thí thanh sạch. Nếu thấy không mà không thí tức là không chấp, như chỉ bố thí nhưng không thấy không liền có bịnh (chấp). Cần nhất phải thấy không nên làm việc thí mới cao quý với trung đạo trở thành ba la mật. Duy thức nói rằng: cần yếu 7 độ nhiếp thọ chỗ tối thắng mới có thể tạo thành ba la mật. Vì ý an trụ cùng nương dựa an ổn thực hiện hồi hướng đều được thanh tịnh, do đó 7 độ liền thành. Ở đây nói vô tướng tức là phương tiện khéo hay nhất. Kê giải thích nghi có 4: a/ đặt câu hỏi b/ nêu thí dụ c/ hợp lại d/ khuyên. Trở lên dựa ý Ngài Thế Thân. Theo Ngài Vô Trước, từ việc không trụ trở đi nêu rõ 18 trụ xứ trong đó ba la mật thứ hai tương ứng với 6 loại trụ xứ mà thứ hai là tịnh tâm trụ xứ. Trong câu này chia thành 2: từ đầu cho đến chẳng đối với trước đúng là tịnh tâm trụ xứ. Tiếp theo, không trụ nơi tướng trở xuống đối với đây không thọ khiến kham chịu nên chỉ rõ không trụ mà hành bố thí. Lại, luận dẫn rằng: từ đây trở đi có 5 loại trụ xứ, tùy chỗ ứng hợp mà giải thích cần phải biết, có nghĩa từ trụ xứ thứ 2 trở đi. Năm loại trụ xứ đó là: 1) Dựa theo nghĩa: y có nghĩa là nơi

nương tựa tức lấy chỗ đối trị làm nơi y cứ 2) Bàn tướng: tướng tức là hình tướng (tướng trạng) 3) Nhiếp gìn: dựa nơi sở đắc quả Bồ Đề gọi là nhiếp giữ 4) An lập: có nghĩa an lập nơi lý chân như 5) Hiện thị: hiển bày ứng hợp với tam ma bát đế và chiết phục tâm lúc tán loạn. Nhưng căn cứ vào điểm chính rõ ràng này nơi tịnh tâm trụ xứ, tức không trụ nơi sự là dựa nghĩa đối trị trụ có năng đối trị chẳng trụ. Hành bồ thí là nói về hình tướng mà cũng là nhiếp gìn, mong muốn đời sau đạt quả Bồ Đề. Không trụ hành bồ thí là pháp an lập thứ tư có nghĩa là không kẹt tự thể 3 việc tức là nghĩa an lập thứ nhất. Lấy an lập thứ nhất làm vô trụ nên Kinh Vô Cấu Xung ghi vô trụ tức là vô bản. Vì lúc hành thí an lập tâm trụ nơi vô trụ, nên gọi là vô trụ hành bồ thí. Không trụ tướng tướng, đây là hiển bày, có nghĩa là tương ứng với tam ma bát đế và nhiếp tán tâm đối với hai thời gian này là không trụ tướng tướng, nên luận phê bình như thế. Luận giải thích 6 ba la mật có 2 loại quả: quả vị lai và quả hiện tại đã bàn đầy đủ. Nói rằng không trụ sự là không chấp quả vị lai của bồ thí. Nên vô sở trụ chính là không chấp quả vị lai của 5 độ còn lại. Nếu cầu quả hiện tại mà hành bồ thí nên gọi là trụ sắc, thanh, hương v.v.. thực hiện việc thí. Nếu cầu Niết Bàn hiện tại mà hành bồ thí gọi là trụ chấp pháp hành bồ thí. Đức Từ Phụ dạy rằng: Ở đây nên không chỗ trụ ngoài một chữ pháp. Đáng lý phải nói: hành pháp vô sở trụ đối với việc bồ thí nên các độ khác cần xét để quyết định.

**“Hà dĩ cố, nhược Bồ Tát bất trụ tướng bồ thí kỳ phước đức bất tư lượng”.**

Tại vì sao, nếu Bồ Tát không trụ tướng bồ thí được phước đức không thể tính lường.

Giảng: Theo Ngài Thế Thân, đáp câu hỏi 3 trên chính là đáp vấn đề trụ tướng xong. Từ đây trở xuống giải thích hồ nghi có 4: a/ nói pháp b/ nói dụ c/ hợp d/ khuyên tin. Nói pháp nghĩa là nghi vấn 3 tướng thể KHÔNG thực hành bồ thí làm sao có thể thành phước đức? Phật giải đáp điểm nghi này và trả lời: nếu không trụ tướng bồ thí thì phước đức tối đa. Tại sao vậy? Phật trả lời Tu Bồ Đề rằng Như Lai vì đó dạy khiến không trụ tướng bồ thí nên nói tướng bồ thí là thuận thế gian có thể phá vỡ để hủy mong cầu đạt quả, thế gian không tồn tại lâu dài do phải suy nghĩ tính lường. Vô tướng bồ thí là thuận xuất thế gian không thể phá vỡ để đạt quả Bồ Đề xuất thế bền chắc lâu dài, nên tình cảm không thể xét đoán, toán số không thể đo lường được. Ngoài tướng ngã có phân giới hạn, bị câu thúc; vô tướng bồ thí không có hạn giới, rộng thoáng vô cùng không bị câu thúc, vì thế nên được phước vô lượng, không thể dùng tình suy tính, toán số đo lường được nhiều ít.

**“Tu Bồ Đề, u ý vân hà, Đông phương hư không khả tư lượng phủ? Phát dã Thế Tôn. Tu Bồ Đề, Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy thượng hạ hư không khả tư lượng phủ? Phát dã Thế Tôn”.**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao, có thể đo lường hư không phương Đông không? Không thể, bạch Đức Thế Tôn? Này Tu Bồ Đề, có thể đo lường hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, 4 phương chéo góc, phương trên và phương dưới được không? Không thể, bạch Đức Thế Tôn.

Giảng: Đây là điêm 2 nêu thí dụ, trong đó trước hết nêu hư không phương Đông, kể đến chỉ hư không 9 phương còn lại, trong mỗi phương đều bị Phật hỏi như câu trước, Ngài Tu Bồ Đề theo ý Phật trả lời. Ý nói như sơn hà đại địa, trăng sao v.v.. hết thảy mọi sự vật đều có giới hạn lớn nhỏ, nếu bố thí chấp có hình tướng. Chỉ có hư không vô ngại không phân lớn nhỏ để thí dụ bố thí vô tướng. Có Kinh cho rằng chỉ hư không mới có thể dụ cho pháp thân. Vì mười phương hư không đều vô giới hạn, không thể tính lường, cũng giống như vô tướng bố thí phước không thể đo lường hết được. Nhưng ý Ngài Thế Thân đối với vật có nhiều loại không đồng, có nghĩa là hoặc nam hoặc nữ, tốt hay xấu, hoặc đây hay kia v.v... đều do hành bố thí có tướng nên có chỗ sai biệt giới hạn nhiều ít. Như tâm hợp với lý vô tướng không sai biệt thực hành bố thí thì phước vô tận, tương lai thành Phật phước đức cùng khắp không có đây kia, không còn sai biệt tự tha nữa. Lý vô sai biệt là lý KHÔNG vô ngã có cùng khắp như hư không vậy.

**“Tu Bồ Đề, Bồ Tát vô trụ tướng bố thí phước đức diệc phục như thị, bất khả tư lượng.”**

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát không trụ tướng bố thí phước đức cũng như thế, cũng không thể suy lường được.

Giảng: Đây là điểm ( c ) hợp; tức là kết thúc lại (hợp lại).

**“Tu Bồ Đề, Bồ Tát đản ưng như thị giáo trụ.**

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát chỉ nên như lời dạy mà an trụ.

Giảng: Đây là điểm ( d ) khuyên tin: có nghĩa là khuyên nên như lời Phật dạy mà hành vô tướng bố thí phước đức vô biên, chẳng bao lâu hẳn kết thành quả rộng lớn. Ý nói rằng các người tuy chưa hiểu mà chỉ nên làm như lời Phật dạy, rồi sau khi chứng đắc mới tự hiểu thông suốt vậy. Trở lên dựa ý Ngài Thế Thân giải thích. Theo như Ngài Vô Trước chỉ dựa một đoạn này đủ chứng minh được chỗ trụ thanh tịnh. Trước nêu rõ tịnh trụ xứ, tiếp theo là không trụ tướng, sau là khiến cho nhẵn được, nên Phật chỉ rõ không trụ tướng mà hành bố thí thời phước đức vô cùng tận. Vì thế hoặc có Bồ Tát nghe nói vô tướng bố thí mà sanh tâm không kham nhẫn được trong sự tu tập nên có lời này. Vấn việc bố thí tự bản chất hơn hẳn so với phước đức chỉ là kết quả; đã bố thí vô tướng làm gì có đắc? Vì chỉ do tham bố thí chấp tướng mà bản chất là mong cầu được phước đức. Đối với bố thí vô tướng không mong đạt niềm vui, nên có câu tục ngữ: “nhỏ không học, lớn không làm được gì cả”. Có kẻ không bố thí cứ nghĩ cùng tới già cũng không theo kịp lời Phật dạy, chết vô danh, do vì có Bồ Tát tham được phước đức. Đức Thế Tôn vì họ khiến

kham nhẫn nên lấy hư không làm thí dụ. Cũng như hư không có 3 nhân duyên: 1) Có cùng khắp mọi chỗ, có nghĩa rằng nơi trụ hay chẳng trụ tướng đều sanh phước đức. Giải lời này như hư không có khắp mọi không gian, nơi hữu sắc, vô sắc đều cùng khắp, không như sắc không cùng khắp cũng không lâu dài. Thực hành bố thí vô tướng cũng như hư không, cho đến khi thành Phật phước trải rộng vô biên, tròn đầy, trường cửu không hết vậy. Với trụ hay không trụ tướng, phước đều sanh nên khi thực hành bố thí vô tướng, gần thì đạt được quả báo làm vua, xa có thể chứng Bồ đề pháp thân. Quả báo làm đế vương đã đầy đủ phước đức rồi. Bồ đề pháp thân là không trụ phước, nếu hành bố thí chấp tướng còn chưa được làm vua hưởng gì đạt Phật Bồ Đề! 2) Rộng dung cao đại thù thắng, ví như hư không vừa rộng vừa cao lại cũng thù thắng (hơn hẳn); gió không làm lay động được, nước không làm chìm được, lửa không thể đốt cháy được, vật khác không thể làm hư hoại được. Chỉ vì hư không cao rộng thù thắng nên thực hành bố thí vô tướng cũng như thế. 3) Vô tận rốt ráo không cùng, nên nói như hư không luôn luôn trường tồn mãi tới vô cùng tận. Bố thí vô tướng cũng như thế, vô cùng, vô tận, không bao giờ cạn vậy.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà, khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao, có thể dùng thân tướng thấy Như Lai không?

Giảng: Dựa theo Ngài Thế Thân trở lên nêu rõ phần chánh tôn xong, từ đây trở xuống phá trừ những nghi vấn, bàn trong đó có 13 phần, ở đây qui định 12 đoạn, có nghĩa là thuyết vòng đầu từ đây trở xuống lặp lại so sánh 4 lần như: thứ nhất đem thất bảo (7 thứ báu) bố thí trong 3 nghìn cõi đại thiên không bằng thọ trì 4 câu kệ Kinh Kim Cang. Thứ nhì như một hạt cát của sông Hằng, mỗi hạt trong số lại là một phần của sông Hằng. Số cát của những sông Hằng như thế là một thế giới, đối với trong số các thế giới ấy mà đem 7 thứ báu bố thí cùng khắp cũng không bằng thọ trì 4 câu kệ Kinh này. Hai cách so sánh đây là thuộc tài thí. Thứ ba đem thân mạng như cát của sông Hằng bố thí, không bằng thọ trì 4 câu kệ Kinh Kim Cang. Thứ tư, một ngày 3 thời, mỗi thời đều đem bố thí thân mạng như cát của sông Hằng, cũng không bằng nghe Kinh này rồi phát tâm tin không trái nghịch. Đây là so sánh 2 môn pháp thí. Do đem nội thân hành pháp cúng dường, hoặc dùng 2 thứ ngoại tài so sánh, hoặc đem 2 món nội tài so sánh. Trong 4 cách so sánh, thứ hai và thứ ba hợp làm một nên tổng quát chia làm 3 đoạn, trong mỗi đoạn đều có 4 ý, đó là 3 ý trước phá trừ nghi và thứ tư là so sánh, nay hợp lại thành 12 đoạn vậy. Dựa vào phần so sánh thứ nhất trong đó phân thành 4 tiết: a/ Có thể dùng tướng thấy được Như Lai không b/ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật, đã có chúng sanh nghe được như thế c/ Như Lai đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng d/ So sánh.

Dựa theo 4 tiết đó, 3 tiết đầu là phá trừ nghi và một tiết sau để so sánh không phá nghi. Ba phần trên, trước tiên đối nhân vô tướng lấy làm nghi vấn, tiếp theo đối với vô tướng sanh hồ nghi về nhân quả, và sau hết đối với quả vô tướng dùng làm nghi vấn. Y cứ vào đó, trước hết Đức Thế Tôn vấn câu hỏi, tiếp theo Ngài Thiện Hiện thuận theo trả lời, sau hết Như Lai thừa nhận (hứa khả). Phần trước nghi rằng, nếu không trụ tướng hành bố thí thì cái nhân của việc làm ấy đã là vô tướng làm sao được quả hữu tướng chứ? Vì thấy Phật hóa thành 3 thân nên sanh nghi vấn. Ba tướng có nghĩa là Phật chưa thành đạo về trước gọi là sanh tướng, sau khi Phật thành đạo thuyết pháp, độ người gọi là tướng trụ (dị tướng), lúc Phật nhập Niết Bàn là tướng diệt. Tướng trụ hay dị hiệp chung như thường giải thích, tức Phật hiện thân tùy căn cơ mà tiếp độ chúng sanh là lấy biểu hiện 3 thân tướng. Chúng sanh thấy đó cho là quả đạt được của hữu tướng, nên cùng với nhân vô tướng không hợp. Nay vì giải thích điểm nghi vấn này nên nói không thể dùng tướng thấy Như Lai. Vì pháp thân vô tướng là Như Lai nên phải là 3 tướng trên tức là pháp thân Như Lai vậy.

**“Phát dã Thế Tôn, bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố, Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng.”**

Không thể, bạch Đức Thế Tôn, không thể dùng thân tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Vì như Phật đã nói thân tướng tức là phi thân tướng.



Giảng: Ngài Thiện Hiện thuận theo trả lời. Trong câu trả lời trước nhắm ngay vấn đề sau giải thích, chỉ vì Ngài thông tuệ tinh sáng, tiêu biểu chỉ có Phật gia hộ thông mẫn đặc ý theo tâm Phật nên nói không thể. Như nói thân tướng tức chẳng phải thân tướng đó, có nghĩa là đề cập tới thân tướng của 3 tướng, tức chẳng phải là vô tướng của pháp thân. Nói về thân có nghĩa 3 tướng thân tức thân hữu tướng; phi thân tướng không phải là thân vô tướng, vì vô tướng là tướng.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng, phi tướng tức kiến Như Lai”.**

Phật bảo Tu Bồ Đề, phạm hệ có tướng đều là hư vọng. Như thấy các tướng là phi tướng tức là Như Lai.

Giảng: Đây là lần thứ ba Phật lặp lại lời hứa khả. Phạm hệ có tướng đều là hư vọng, vì hư vọng có 3: 1) Pháp thân chân như không sanh diệt nên chân thật; ngoài ra các pháp khác đều hư vọng như đã nói. 2) Các pháp vô lậu đều là chân thật; những pháp hữu lậu đều hư vọng. Trung Biên phân biệt luận rằng ba cõi, tâm và tâm sở đều hư vọng. 3) Tánh y tha, viên thành thật là chân thật; tánh biến kế sở chấp là hư vọng. Đoạn sau cho rằng ngã tướng tức là phi tướng, cho chí nói xa lìa hết thấy tướng tức là chư Phật. Ở đây nói hư vọng tức là hữu vi, hữu lậu đều gọi là hư vọng. Nếu thấy các tướng có nghĩa là 3 tướng; phi tướng tức là pháp thân vô tướng. Trở lên y theo Ngài Thế Thân giải thích, từ đây trở xuống theo như Ngài Vô Trước luận giải.

Chỉ đoạn văn này tức là trong 18 trụ xứ, trụ xứ thứ ba là muốn đạt sắc thân trụ xứ. Trong 6 trụ xứ mà trụ xứ thứ ba là dục trụ xứ; dục trụ xứ có 2: muốn được sắc thân và pháp thân. Trong phần sắc thân có 3 tiết như trên đã phân tích. Nói muốn được sắc thân có nghĩa là có Bồ Tát đã phát tâm rồi, kế tiếp tu hành thấy 3 thân tướng hảo đầy đủ của Phật bèn mong muốn đạt được, cho nên Phật nói 3 thân đó không phải là Như Lai, và từ khước câu hỏi Ngài Tu Bồ Đề, Phật chỉ rõ nghĩa này, nói nhiếp, trì, an, lập, hiển 5 nghĩa như luận đã nêu, như nói tướng tức chẳng phải tướng là nhiếp trì vậy.

**“Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn Thế Tôn: phả hữu chúng sanh đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú sanh thật tín phủ?”**

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn: và có chúng sanh nào nghe thuyết chương cú (câu văn) như thế sanh thật tin không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân, dựa so sánh trước hết để phá trừ nghi vấn, và kế trở lên đã nói tu nhân vô tướng nên được quả vô tướng, ý nghĩa rất sâu sắc không giống như hữu tướng. Sau khi Đức Phật diệt độ, cũng như hỏi Phật còn tại thế những chúng sanh không phát tâm tin Như Lai là nói không thuyết chẳng? Giá như khuyến sanh niệm tin nhưng đời sau người ác làm sao tin? Để phá trừ nghi vấn này nên Phật trả lời: đời vị lai, nếu Bồ Tát có đủ 3 đức như đã từng tích chứa căn lành nên sanh thật tín, cũng như chẳng nói KHÔNG thuyết. Bài kệ nói chẳng không là đối

với thật hữu, vì hữu hay sanh thật tín nên Phật chẳng phải không thuyết. Ba đức đó là giới – định – huệ học. Lại, cũng có thể nói: 1) tu tập đủ 3 học, 2) gặp được thiện hữu có nghĩa gặp chư Phật, 3) lia chấp KHÔNG – HỮU, là chứng ngộ hai lý vô ngã (nhơn – pháp). Ở đây theo như câu Kinh văn trước hỏi và sau đáp có chương cú đầy đủ để giáo hóa. Sanh thật tướng tức trí hay phát khởi hợp nhân quả vô tướng. Nếu chúng sanh ác đối với nghĩa vô tướng không thuận hợp; đối với hữu tướng trái lại sanh tâm thuận, nên Ngài Thiện Hiện mới nêu lên nghi vấn này.

Ý Ngài Vô Trước nêu lên 3 điểm khác nhau đã nói xong. Đây là trụ xứ thứ tư: muốn đạt pháp thân, trong 6 trụ xứ mà thứ ba dục trụ xứ có 2 như đã nói muốn đạt pháp thân. Trong đó có 2 ý: muốn được nói về pháp thân và muốn chứng đắc pháp thân. Nói về pháp thân có nghĩa là hay giáo hóa đầy đủ; chứng đắc pháp thân là lý được nêu rõ ràng. Ý rằng trên tu cầu chứng sắc thân, Phật nói hữu tướng pháp thân hư vọng không thật, nhân đó bèn mong cầu pháp thân vô tướng. Muốn đạt được vô tướng trước phải khởi 4 hạnh thân cận như gần gũi thiện tri thức, theo đuổi mong muốn được nghe, suy nghĩ tu tập nên trước muốn được nói về pháp thân.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, mạn tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới, tu phước giả, ư thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thật.”**

Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề, chớ nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ 500 năm sau, có người giữ giới, tu phước, đối

với chương câu Kinh này hay sanh lòng tin, lấy đó cho là thật.

Giảng: Câu trả lời thứ hai này cả hai Ngài Vô Trước, Thế Thân đều phân thành 3 đoạn. Riêng Ngài Thế Thân phân như sau: trước tu hành, kế: nên biết người này và sau là gặp thiện hữu. Như Lai hẳn biết trở đi ... nêu rõ phước đức. Đạt được lý nhị không là không còn chấp KHÔNG – HỮU nữa. Ngài Vô Trước phân rõ 3 đoạn: trước chỉ rõ tu hành, kế biểu hiện nhân tích tập, sau hiển tỏ kết hợp thiện hữu. Hai cách phân tích tuy có khác nhưng đều nhằm trả lời nghi vấn của Ngài Tu Bồ Đề. Chớ nói như thế là lời Phật bảo Ngài Thiện Hiện; người chớ nói không sanh thật tướng, hay có sanh thật tướng. Nếu dựa theo Ngài Vô Trước để giải thích thì Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật rằng: và có chúng sanh có thể nghe được ngôn thuyết pháp thân không? Phật đáp: có thể được. Sau 500 năm có nghĩa sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt thời chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1000 năm, mật pháp 10,000 năm; những tỳ kheo, tỳ kheo ni chưa được độ vào thời chánh pháp về trước thì được trong 1000 năm tượng pháp. Nhưng pháp có 3 cấp là giáo – hạnh – chứng. Trong đó thời chánh pháp có 3 loại, thời tượng pháp người không chứng đắc bèn không được quả. Cho nên chỉ có giáo hạnh tương tợ ở thời chánh pháp gọi là tượng vậy. Vào thời mật pháp chỉ có giáo pháp nhưng không người tu chứng. Giả như có người giữ giới tu hành mà phần nhiều vì danh, vì lợi dưỡng. Nay nói sau tức là 500 năm sau thời chánh pháp diệt, cho nên Kinh Năng

Đoạn ghi là thời chánh hạnh diệt. Ngoài ra, Kinh Nguyệt Tạng thuyết, Phật diệt độ sau 500 năm thứ nhất: giải thoát kiên cố, kiên cố nên người tu hành phần nhiều đều được giải thoát khỏi sanh tử. Sau 500 năm thứ nhì: thiên định kiên cố nên người tu đa phần đắc thiên mà không đạt Thánh. 500 năm thứ ba: đa văn kiên cố, do đó người tu thông bác Kinh luận đa trí, 500 năm thứ tư: phước đức kiên cố nên lo tu tạo chùa tháp, Kinh tượng tạo phước. 500 năm thứ năm: đấu tranh kiên cố. Nay nói 500 năm sau có nghĩa ở vào thời kỳ thứ 5 đều có giữ giới, tu phước. Vì sau 500 năm có đầy đủ giới – định – huệ, đối với nhân quả vô tướng trong Kinh dạy hay sanh tín tâm thanh tịnh, khởi trí tùy thuận vì là thật tướng.

**“Đương tri thị nhơn, bất ư nhứt Phật, nhị Phật, tam Phật, tứ Phật, ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở chủng chư thiện căn, văn thị chương cú, nãi chí nhứt niệm sanh tịnh tín giả”.**

Phải biết rằng người này không phải gieo trồng thiện căn nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà đã gieo thiện căn nơi vô lượng nghìn vạn Phật, nghe chương câu Kinh như thế hẳn đến nhất niệm tin thanh tịnh.

Giảng: Đoạn Kinh này hai Ngài Vô Trước, Thế Thân đều theo đúng nghĩa như trên phân tích phê bình. Nói nếu có người nào nơi Kinh này mà sanh nhứt niệm tin là đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, hưởng gì còn khởi nhiều niệm tin. Hẳn đến thọ trì, xem nghe v.v... người đó từng tích chứa thiện căn lại càng nhiều hơn nữa. Như sanh

thật tướng đã hay lại nhiều tại sao thế? Vì tuy đối với đời này nhưt niệm tin huân tập nơi thân đời sau thành thực có thể phá trừ được vô biên phiền não đại sanh tử.

**“ Tu Bồ Đề, Như Lai tất tri tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức.”**

Này Tu Bồ Đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy những chúng sanh này đạt được vô lượng phước đức như thế.

Giảng: Đoạn này nêu rõ lý nhị không lìa hai bên KHÔNG – HỮU. Ngài Vô Trước nói rằng, phần sau kết nạp thiện hữu: trước nêu lên rõ sau giải thích. Ngài Thế Thân cho rằng Như Lai ắt biết giản dị là nhục nhãn thấy và dùng trí biết; ắt thấy do trí tỉ lượng để thấy hiện lượng. Vì chúng sanh đạt hai pháp vô ngã do giữ giới v.v... nên được phước đức, Phật hẳn dùng hiện lượng Phật trí biết. Như trong Kinh thuyết rằng Bồ Tát sanh phước đức như phần khởi đầu đã nêu. Dùng phước đức có nghĩa là tích chứa phước lâu dài, nay đây chỉ nói tổng quát nên nói được vô lượng phước đức như thế. Ngài Vô Trước giải thích rằng tất biết, là biết danh thân như bốn uẩn là danh; tất kiến là thấy sắc thân có nghĩa là đối với hết thấy mọi động tác đi đứng thì vi tạo tác đều biết trong tâm. Thấy là nương theo tức là chỉ rõ bao nhiếp (hàm chung) thiện hữu. Sanh vô lượng phước tức sanh như lúc phước khởi; thủ tức lúc phước mất thì gìn giữ chủng tử (hạt nhân).

**“Hà dĩ cố, thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhưn tướng; chúng sanh tướng, thọ giả tướng”.**

Tại sao thế? Do những chúng sanh này không tướng  
ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng.

Giảng: Đoạn này giải thích vô ngã, tiếp theo giải rõ 4  
pháp vô tướng. Ý nói rằng, sau 500 năm thời kỳ có Bồ Tát  
hiểu rõ thân sanh ra, hoại diệt không có gốc, không có ngã.  
Lại cũng hiểu oán-thân chẳng cùng loại vốn do tâm đều  
không thật. Đã nghe nhơn-pháp lý của nhị không, lại tích  
phước, giữ giới v.v... Do vậy Như Lai dùng Phật trí thấy  
với nhãn kiến, nói chung năm uẩn ba đời sai biệt, mỗi âm  
đều là ngã. Vọng chấp như thế nên gọi chấp ngã; thấy thân  
liên tục không gián đoạn như ngã từ quá khứ cho đến hiện  
tại là tướng chúng sanh. Thấy một báo thân hiện tại thân  
căn không gián đoạn cho là mạng; mạng căn sau khi đoạn  
dứt tới đời vị lai lại sanh trong 6 đường là thọ mạng; nay  
con người tạm có thọ mạng.

Ngài Vô Trước giải thích hơi khác đôi chút, như chấp  
ngã tự thể tương tục gọi là ngã, chấp cái thuộc về ngã là  
chúng sanh tướng. Đây là 2 chấp ngã và ngã sở, như ngã  
cho chí thọ mạng chấp là thân mạng; lần lượt đến các cõi  
(loài) khác chấp thủ là nhơn tướng. Nên hiểu rằng, Ngài  
Vô Trước nói thọ, còn ở đây nói nhơn vậy. Trở lên là 4  
vọng tình chấp có Hữu nói chung là KHÔNG nên nói rằng  
không tướng ngã vậy.

### **“Vô pháp tướng diệt vô phi pháp tướng”**

Không pháp tướng cũng không chẳng pháp tướng.

Giảng: Phần này nêu rõ pháp tướng trong đó có 4 tướng và kể nêu thí dụ chiếc bè. Trong 4 tướng có 2 ý: a/ KHÔNG – HỮU tướng b/ y ngôn lia ngôn tướng. Trong (a) có 2: nêu chung và giải thích riêng. Ở đây văn lược bớt muốn đầy đủ nên tham khảo thêm nơi các kinh sách khác. Trước chỉ rõ 4 pháp tướng, sau giải thích riêng, trong giải thích có 2: 1/ pháp tướng hữu tức là chấp ngã-nhơn; pháp tướng phi hữu cũng chấp ngã-nhơn như giải thích ở trên là không chấp tướng KHÔNG-HỮU. Tiếp theo nói rằng, chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp là dựa theo giải thích trước: y ngôn lia ngôn tướng. Nay nêu phần này chỉ tiêu biểu tướng KHÔNG-HỮU và lược không nêu y ngôn lia ngôn tướng, nơi phần giải thích đã có đầy đủ. Vô pháp tướng như phàm phu vọng chấp chấp ngã-pháp là có nên gọi là pháp tướng. Đã hiểu KHÔNG là biết thể của các pháp không thật nên nói là không pháp tướng.

Không chấp pháp tướng thật hữu, cũng không chẳng phải pháp tướng. Nếu người ngu vọng tình bác tánh viên thành là KHÔNG gọi là phi pháp tướng. Không chỗ chấp là không tướng nên hai lý vô ngã là thật hữu. Trong đây phải hiểu rằng vô tướng cũng phi vô tướng. Nói vô tướng ấy cũng chính là lý vô ngã không thể dùng ngôn từ nói là Có, là Không. Hàng sơ địa Bồ Tát chợt cho là khả thuyết gọi là Tướng, bậc Thánh hiểu rõ đó bất khả thuyết cho rằng vô tướng cũng chẳng vô tướng là đối vô ngôn dựa theo ngôn tướng mà nói. Như người ngu nghe qua bất khả thuyết liền cho hữu ngôn đều là Không, kẻ trí hiểu biết nên dựa ngôn



từ mà nói, song không bám chấp nên nói cũng không phải vô tướng.

**Hà dĩ cố, thị chư chúng sanh nhược tâm thủ tướng tắc vị trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.**

Tại sao thế? Vì như những chúng sanh này nếu tâm có chấp tướng thì bị chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng.

Giảng: Trên giải thích không chấp tướng CÓ-KHÔNG, trong đó có 2: nêu chung và giải thích riêng.

**“Nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã nhơn, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố, nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.”**

Nếu như chấp pháp tướng tức là chấp tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Tại vì sao? Vì nếu chấp phi pháp tướng cũng tức là chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng.

Giảng: Đây phần giải thích riêng: nếu như chấp ngã – pháp là có tức cũng chấp ngã-nhơn. Chấp viên thành thật là KHÔNG, cũng chấp ngã - nhơn mà Thủ có nghĩa là chấp. Hai không nhị chấp là hợp Trung đạo, cho nên nói rằng không pháp tướng cũng không phi pháp tướng mà lia hai chấp. Có câu kệ rằng: “ Hết thấy không, vật không; hai ngã nhơn – pháp đồng”. Thật hữu là lý của hai pháp vô ngã, thể nó chẳng phải không, bất khả thuyết, không thể dùng ngôn thuyết là có là không được. Pháp tánh lia lời nói nên dựa lời nói mà thuyết cho dễ hiểu vậy. Lại cho rằng nếu chấp pháp tướng thời là chấp ngã, nhơn v.v... Nghĩa này

thế nào? Chỉ có vô minh sai sử không hiện khởi phiền não thô, nên như không chấp ngã vậy. Giải rằng, chỉ có vô minh sai sử có nghĩa là vô minh trú địa tức là phân biệt pháp chấp. Không hiện khởi phiền não thô có nghĩa là không dấy khởi phiền não chướng mà chỉ có chủng tử theo sát vậy. Ý nói rằng do pháp chấp hiện khởi nên phiền não chướng theo đó dấy khởi. Ngài Vô Trước cũng luận rằng, song đối với ngã tướng tùy miên (theo ngũ) không gián đoạn, thời là có chấp ngã. Vì thế Kinh ghi là nếu chúng sanh chấp pháp tướng là chấp ngã v.v... Ý Ngài Thế Thân cũng giống nhau. Do pháp chấp, chấp pháp tướng nên ngã v.v... liền khởi sanh.

**“Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp”.**

Vì thế không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp.

Giải: Y ngôn lìa ngôn tướng: không nên chấp pháp tức là không nên nghe theo tiếng chấp pháp, không theo lời mà chấp; không nên chấp phi pháp mà theo đệ nhứt nghĩa đúng chánh thuyết. Chấp như thế có nghĩa là hấn nhân lời nói mà ngộ chân lý.

**“Thị cố Như Lai thường thuyết, như đặng tỳ kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả. Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.”**

Vì thế Phật thường nói: tỳ kheo các con biết Như Lai thuyết pháp dụ như chiếc bè. Pháp còn nên xả (bỏ) huống gì là phi pháp.

Giảng: Đoạn này nêu thí dụ chiếc bè: như muốn chứng chân ắt có ngôn thuyết và chứng quả tức là không mượn ngôn từ. Ví dụ như chiếc bè đến bờ rồi là không cần dùng nữa. Trở lên dựa theo Ngài Thế Thân giải thích. Còn theo Ngài Vô Trước luận rằng, chấp này biểu hiện thật tướng đối trị với 5 thứ tà chấp như: 1/ ngoại đạo 2/ nội phàm phu và Thanh Văn 3/ Bồ Tát tăng thượng mạn 4/ các pháp thiên định thế gian 5/ vô tướng định.

Thứ nhất: ngã tướng chuyển, thứ nhì: pháp tướng chuyển, thứ ba: vô pháp tướng chuyển. Đây là do chấp pháp HỮU, chấp có pháp cũng như chấp KHÔNG pháp. Thứ tư: hữu tướng chuyển như chấp hữu tướng định, thứ năm: vô tướng chuyển tức chấp vô tướng định. Đó là Bồ Tát đối với pháp chấp đều không chuyển. Nói sanh thật tướng là y theo nghĩa hiển bày để đối trị không thật tướng. Nói trong câu hay chương Kinh này là nói tướng làm hiển lộ ngôn thuyết pháp thân, tức nói sanh thật tướng đương là. Nói đương sanh là muốn nhiếp trì chư Bồ Tát. Lại không ngã tướng chuyển v.v... là an lập đệ nhất nghĩa; hiển bày không nên chấp pháp, phi pháp.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà, Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như lai có chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng? Như Lai có thuyết pháp chăng?

Giảng: Đây là điểm dứt nghi thứ ba theo ngài Thế Thân. Như trên hồ nghi cho rằng nhân vô tướng trở lại được quả vô tướng. Có sao Đức Phật Thích Ca thành Phật nơi Bồ Đề đạo tràng, có thuyết pháp độ sanh, nhập Niết Bàn nơi hai cây sala song thọ? Ngài Chân Đế dẫn chứng bài kệ như sau:

Bảy năm làm anh nhi  
Tám năm làm đồng tử  
Bốn năm học ngũ minh  
Mười năm hưởng dục lạc  
Hăm chín tuổi xuất gia  
35 tuổi thành đạo  
45 năm thuyết pháp  
Độ khắp hết quần sanh.

Những mốc điểm thời gian này là quả hữu tướng. Phật há không tu nhân vô tướng sao? Vì phá điểm hồ nghi này nên mới có đoạn văn trên, trong đó trước Phật hỏi, sau Ngài Thiện Hiện trả lời. Song Phật có 3 thân: 1/ Pháp thân đã lia vọng chứng chân 2/ Báo thân: hàm đủ diệu trí của chân 3/ Hóa thân: ứng vật quyền biến. Pháp thân là chân diệu Bồ Tát cũng không đo lường được, Báo thân thật trí, Nhị thừa đều không biết được, Hóa thân: ứng vật hiện hình tùy phương cách nhiếp hóa. Có đủ các tính chất như thế mới là thật chứng Bồ Đề, chân thật thuyết pháp, mới là hữu tướng.

Nay phá điếm nghi vấn này nên theo pháp thân chân như để hỏi Ngài Thiện Hiện.

**“Tu Bồ Đề ngôn, như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết”.**

Tu Bồ Đề trả lời: như chỗ con hiểu nghĩa Phật nói: không có định pháp gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai thuyết.

Giảng: Ngài Tu Bồ Đề trả lời, trong đó có 2: trước trả lời Phật, sau giải thích. Ý ngài Thiện Hiện nói rằng, y cứ thế để thời hai thân báo-hóa có thể đắc Bồ Đề, có thể thuyết pháp. Nếu theo đệ nhất nghĩa để thì pháp thân chân như trong tự thanh tịnh vốn không đắc Bồ Đề, cũng không có thuyết pháp. Không có định pháp như pháp thân vô tướng là không có định pháp đạt Bồ Đề, cũng như không pháp để có thể thuyết. Duy vô định có thể đắc, có thể thuyết nên không chương hai thân của thế tục để cũng có bất định đắc, bất định thuyết.

**“Hà dĩ cố, Như Lai sở thuyết pháp giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp”.**

Tại sao vậy? Vì pháp Như Lai thuyết đều không thể chấp, không thể thuyết, chẳng pháp, chẳng phải phi pháp.

Giảng: Đây nói về pháp chẳng phải phi pháp. Nói tại sao không có định pháp có thể thuyết, bên trong đã bất khả thuyết, bên ngoài cũng không thể chấp. Nếu đối bên ngoài

có thể chấp thì bên trong cũng có thể thuyết; đã không chấp nên rõ ràng là không thể thuyết. Không thể thuyết, chẳng pháp chẳng phải phi pháp. Như người ngu chấp hơn, pháp là Có cho đó là pháp nên bác tánh viên thành thật là không gọi là không pháp. Thánh nhân đạt hơn pháp KHÔNG gọi là phi pháp; hiểu rõ viên thành thật là CÓ nên nói chẳng phải phi pháp. Pháp thân vắng lặng không thể nói phi pháp; cũng không thể nói chẳng phải phi pháp. Luận giải thích rằng ứng hóa chẳng phải chân Phật, cũng chẳng thuyết pháp. Thuyết pháp bất nhị, không thuyết lia ngôn tướng. Ứng hóa chẳng phải chân Phật là chân thuyết, tức nêu rõ cũng là giả Phật, giả thuyết. Trong đã vô nhị để đối với Thánh cũng không chấp bất nhị, do chấp pháp và phi pháp. Chân lý ly ngôn không tướng thuyết. Có sao trong phần giải thích chỉ nói thuyết mà không nói chứng? Luận chủ trả lời, như không chứng tức là không thể thuyết cho nên quan trọng trước chứng rồi mới có thể thuyết vậy.

**“Sở dĩ giả hà, nhứt thiết hiền thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt”.**

Vì sao thế? Vì hết thấy hiền thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Giảng: Đoạn này lại giải thích thêm phần trước. Nói Thánh hiền đều do trí vô phân biệt khéo hợp ngộ chân lý mới có thể dứt mê lầm mà thành có sự khác biệt, nên Thánh nhân thuyết pháp vô vi. Pháp Thánh nhân chứng đắc không nói như thế huống gì là chấp như thế, tại sao? Vì pháp ấy xa lia tướng ngôn thuyết không thể thuyết. Trở

lên theo ý Ngài Thế Thân giải thích. Ý Ngài Vô Trước: đoạn này là phần thứ tư: muốn đạt được pháp thân mà trở lên đã nói rõ đạt được ngôn thuyết pháp thân. Đây là ý thứ hai muốn chứng đắc pháp thân, cũng phân 2: 1/ Trí tướng cho chí đạt trụ xứ pháp thân, vì thế vô phân biệt hay khéo hợp được pháp thân chân như tức lấy tướng trí làm trụ xứ. 2/ Phước tướng đến lúc đạt được trụ xứ pháp thân. Vì trước hết muốn đạt sắc thân Phật, sắc thân hư vọng nên cầu mong đạt pháp thân. Muốn cầu pháp thân trước hết phải tu các trí (hạnh) chân thật, tức là pháp thân Bồ Đề nên gọi là trí tướng. Do mong đạt trí tướng pháp thân nên Phật đem pháp thân chân như làm nghi vấn như việc ở ngoài mà có báo-hóa (thân) có thể đắc Bồ Đề. Tùy căn cơ chúng sanh có thể thuyết pháp ở trong pháp thân vô tướng vốn không trí có thể đắc thân Bồ Đề, cũng như không pháp có thể thuyết, nên lấy đó làm nghi vấn. Ngài Thiện Hiện trả lời ý giống nhau. Song hiểu theo ý Phật dựa lý chân như cả hai đều KHÔNG. Vì bên trong lý chân như bất khả thuyết, chẳng pháp, chẳng phải phi pháp tức là không thuyết, không chấp vậy. Đối bên ngoài người nghe dựa vào lý chân như không thể chấp nên không nghe, không đắc. Đây là nói, nghe đều dựa nơi chân như. Ý Ngài Thế Thân cho rằng chứng chân như nên không nói pháp, phi pháp. Người nghe lìa vọng chấp nên không chấp pháp hay phi pháp. Nói pháp ấy do chấp như-pháp là CÓ nên đối với phi pháp bèn bác viên thành thật là không. Ý theo 5 nghĩa đoạn trên luận giải xong.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà, nhược nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí, thị nhơn sở đắc phước đức ninh vi đa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như có người đem bảy báu bố thí khắp ba nghìn cõi đại thiên, người ấy đạt được phước đức có nhiều không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân trong phần so sánh trên có 3 đoạn giải thích nghi và từ đây trở xuống là so sánh. Ngoài ra, cũng có ý cho rằng trong chân lý đã vô thuyết không chấp, vô Bồ Tát mà có đắc là hành phước vô tướng, đâu chẳng không bố thí chứ? Đức Thế Tôn hiệp ý này nêu hỏi Ngài Thiện Hiện. Trong câu trước Phật hỏi, sau Ngài Thiện Hiện trả lời và sau cùng Như Lai tóm kết phần đầu.

**“Tu Bồ Đề ngôn, thậm đa Thế Tôn. Hà dĩ cố, thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa”.**

Ngài Tu Bồ Đề bạch: rất nhiều bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Vì phước đức tức phi tánh phước đức, vì thế Như Lai nói phước đức nhiều.

Giảng: Nghi vấn về phước đức. Cho là phước đức nhưng nêu phước đức tài thí tức phi tánh phước đức, vì phi là cảm được tánh phước đức xuất thế. Nói rằng cần nghe hiểu mà phát trí vô phân biệt mới đạt quả xuất thế vô tướng, vì thế Như Lai nói phước đức nhiều. Do vậy nên Phật nói tài thí có thể cảm được nhiều phước đức thế gian.



**“Phật ngôn, nhược phục hữu nhơn, u thử Kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng vị tha nhơn thuyết kỳ phước thắng bỉ”.**

Phật dạy: nếu lại có người đối với Kinh này mà thọ trì hẳn đến bốn câu kệ v.v... vì người khác mà diễn thuyết, thì phước hơn người bố thí kia.

Giảng: Phật vì điểm so sánh mà giải thích nguyên do. Hẳn đến 4 câu kệ như trở xuống đến... thọ trì 4 câu kệ. Như lãnh nhận do tâm gọi là thọ, ghi nhớ làm cho không quên gọi là trì. Bốn câu kệ như nêu rõ ý nghĩa sau đây. Một câu mà ý nghĩa đầy đủ trọn vẹn như nói tâm rộng lớn, tâm đệ nhất, thường tâm, tâm không điên đảo, 4 tâm này mỗi tâm là một câu. Lại như không trụ ở sự mà hành bố thí là một câu. Cứ như thế làm chuẩn cần nên biết. Tôn của Kinh này như nói vô phân biệt để phá phân biệt làm tôn. Như cho rằng sắc, âm thanh, mùi vị, tiếp cận (đụng chạm) v.v.. là tích tập, dù có nhiều câu nhưng nghĩa không đầy đủ cũng không thành là câu đợc. Như nói không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn v.v...cũng không thành nghĩa câu. Nói do thọ trì vì người mà thuyết Kinh nên hay sanh trí tuệ, chứng quả vô tướng. Phước này chẳng không và chỉ 2 loại này hay đạt đến Bồ Đề vậy.

**“Hà dĩ cố, Tu Bồ Đề nhứt thiết chư Phật, cập chư Phật A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp giai tòng thử Kinh xuất.”**

Tại sao thế, này Tu Bồ Đề, hết thấy chư Phật và pháp vô thượng chánh đẳng Bồ Đề của chư Phật đều từ Kinh này mà ra.

Giảng: Lợi ích của Kinh này. Như nhân do việc nghe hiểu Kinh nên y theo lời dạy mà suy tư, tu tập đạt tới trí vô phân biệt, khế hợp chân lý, trí tuệ viên mãn. Từ đó sanh lý trước che lấp vọng nên nói từ Kinh mà ra. Nay ở đây nói chung nên chỉ nói xuất vậy. Nói hết thấy chư Phật chỉ 2 thân Phật báo thân, hóa thân đều từ Kinh này mà ra; và chư Phật Bồ Đề là các pháp thân Phật từ Kinh này mà có. Luận chủ nói rằng, đối thật gọi là liễu như đối với sở đắc liễu như thật tướng vô vi.

**“Tu Bồ Đề sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp”.**

Này Tu Bồ Đề như gọi Phật pháp ấy tức là phi Phật pháp.

Giảng: Giải thích ý nói thọ trì Kinh được phước hơn. Như dùng trí vô phân biệt chứng ngộ chân lý; lý trí đầy đủ gọi là Phật pháp. Điều này chỉ mười phương chư Phật cùng đạt được nên gọi là Phật pháp. Còn người khác không được nên là phi Phật pháp. Vả lại, pháp đệ nhất chỉ có Phật hiểu, người khác không hiểu nên gọi là chẳng phải Phật pháp. Pháp đệ nhất này tức là việc thọ trì và vì người mà thuyết giảng Kinh này làm nhân, nên nói hai phước đức đây hơn hẳn vậy. Trở lên bên trên là ý Ngài Thế Thân. Theo Ngài Vô Trước nói muốn chúng đạt được pháp thân có 2 phần: trở lên là trí tướng pháp thân; còn ở đây nêu rõ

đạt được phước tướng cho chí đạt trụ xứ pháp thân. Vì ngoài ra có nghi vấn rằng như trên nói lý chân như không có trí tướng pháp thân có thể đắc, cũng không có pháp để thuyết, thế thì muốn thọ trì Kinh này là muốn được phước? Cho nên Như Lai vì đó mà so sánh. Vì đối với Như Lai ngôn thuyết pháp thân, như có người thọ trì hay sanh phước tướng cho chí được pháp thân, cho nên nêu thọ trì một trong 4 câu kệ lại sanh phước rất nhiều. Y 5 nghĩa đã luận giải tường tận.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà, Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm: ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Tu Đà Hoàn hay suy nghĩ như thế này: Ta đắc quả Tu Đà Hoàn không?

Giảng: Theo ngài Thế Thân có 2 lối so sánh hợp cả hai lại thành một câu, trong đó có 2 ý: trước nêu chỗ nghi và sau so sánh. Nghi có 3 điểm: 1/ dựa Nhị thừa sanh hồ nghi, vì trên đã nói tất cả Thánh nhân dùng pháp Vô Vi mà đắc danh. Trong pháp Vô Vi không thuyết, không chấp, tại sao quả Dự lưu cho rằng ta có thể chứng quả? Lại cũng nói là ta đắc, ta chứng chứ? 2/ Nếu nói không thuyết, không chấp tại sao Như Lai trước kia nghe pháp nơi Phật Nhiên Đăng nên từ thất địa vào bát địa? Đó là có thuyết có chấp rồi. 3/ Nếu nói không thuyết không chấp, tại sao Bồ Tát chấp trang nghiêm cõi tịnh độ chứ? Ba điểm nghi này đã nói ở trên là hết thầy Thánh nhân do pháp vô vi mà có sai biệt nên sanh nghi ngờ. Không như đoạn so sánh trước chỗ sanh nghi đều đối với không trụ tướng tướng mà sanh. Dựa

theo đây phá trừ điểm nghi đầu, trong mỗi câu đều có Phật hỏi và Ngài Thiện Hiện trả lời gồm 4 điểm. Đây là câu hỏi thứ nhất: lưu (dòng) có 2 thứ: dòng sanh tử và dòng đạo xuất thế. Nếu vọng sanh tử là ngược dòng, như hướng xuất thế là dự lưu.

**“Tu Bồ Đề ngôn phát dã Thế Tôn. Hà dĩ cố? Tu Đà Hoàn danh vi nhập lưu nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu Đà Hoàn.”**

Tu Bồ Đề nói: Không, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao thế? Vì Tu Đà Hoàn gọi là nhập lưu mà không có chỗ nhập, không nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là Tu Đà Hoàn.

Giải: Đây là câu trả lời của Ngài Thiện Hiện. Ý trả lời rằng, nếu trong chánh quán khi chứng lý mà không hướng nhập không tạo sự hiểu hướng nhập thì đó chỉ lập danh xưng gọi là dự lưu thôi. Lại nếu nhập sắc, thanh, hương v.v... là có sự phân biệt. Khi chứng ngộ chân lý chỉ một hợp lý mà không nhập sắc, thanh, v.v... các pháp cho nên gọi là dự lưu; ngoài ra đều y cứ theo pháp quán mà giải đáp. Như khi quán không tạo việc hay đắc hay chứng, nên nói không trái với ở trên. Bên trên là giải thích của Ngài Thế Thân, và Ngài Vô Trước nêu 4 điểm khác nhau xong.

Đây là phần 5: tu đạo thắng không kiêu mạn. Như điểm thứ tư trong 8 loại trụ xứ là lìa chướng ngại trụ xứ có phân ra 12, phần đầu là lìa chướng mạn. Nói chư Thánh nhân cho rằng ta hay đắc quả, ta là dự lưu v.v.. nên nói là mạn

(kiêu mạn). Nay trả lời nếu ngay trong lúc quán mà không kiêu cho rằng ta được. Song ba quả trước khởi từ quán hướng tới; quả thứ tư phiền não đã sạch không còn khởi sở tri chướng.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Tur Đà Hàm năng tác thị niệ, ngã đắc Tur Đà Hàm quả phủ? Tu Bồ Đề ngôn phát dã Thế Tôn. Hà dĩ cố? Tur Đà Hàm danh nhất vãng lai nhi thật vô vãng lai thị danh Tur Đà Hàm. Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? A Na Hàm năng tác thị niệ: ngã đắc A Na Hàm quả phủ? Tu Bồ Đề ngôn: phát dã Thế Tôn. Hà dĩ cố? A Na Hàm danh vi bất lai nhi thật vô bất lai, thị cố danh A Na Hàm. Tu Bồ Đề, ư ý vân hà A La Hán năng tác thị niệ: ngã đắc A La Hán đạo phủ? Tu Bồ Đề ngôn: phát dã Thế Tôn. Hà dĩ cố? Thật vô hữu pháp danh A La Hán Thế Tôn. Nhược A La Hán tác thị niệ: ngã đắc A La Hán đạo, tức vị trước ngã, như, chúng sanh, thọ giả”.**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Tur Đà Hàm hay nghĩ thế này: ta có đắc quả Tur Đà Hàm không? Tu Bồ Đề thưa: không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao? Tur Đà Hàm gọi còn một lần qua lại mà thật là không qua lại, đó gọi là Tur Đà Hàm. Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? A Na Hàm hay nghĩ thế này: Ta có đắc quả A Na Hàm không? Tu Bồ Đề thưa: không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao? A Na Hàm là không trở lại mà kỳ thật là không chẳng trở lại. Vì thế gọi là A Na Hàm. Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? A La Hán hay niệ nghĩ: Ta đạt đạo A La Hán không? Tu Bồ Đề thưa:

không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì thật không có pháp gọi là A La Hán, bạch Thế Tôn. Nếu A La Hán khởi niệm: ta đắc quả A La Hán tức là còn chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng.

Giảng: Đây là 3 quả sau nên theo tiêu chuẩn trước giải chung. Song trong 3 quả này đều hợp Hữu tức là chấp ngã, nhơn, chúng sanh v.v.. mà nhà dịch thuật lược không đưa vào. Dựa theo quả thứ tư: trước Phật hỏi, sau Ngài Thiện Hiện trả lời. Trong câu trả lời quả A La Hán, Ngài Thiện Hiện dẫn Kinh chứng minh làm cho người khác tin tưởng.

**“Thế Tôn, Phật thuyết ngã đắc vô tránh tam muội nhơn trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A La Hán. Ngã bất tác thị niệm: ngã thị ly dục A La Hán, Thế Tôn. Ngã nhược tác thị niệm: ngã đắc A La Hán đạo, Thế Tôn tác bất thuyết Tu Bồ Đề thị nhạo A Lan na hạnh giả, dĩ Tu Bồ Đề thật vô sở hành nhi danh Tu Bồ Đề, thị nhạo A Lan na hạnh.”**

Bạch Thế Tôn, Phật nói con được vô tránh tam muội (5) trong số những người là đệ nhất, đệ nhất ly dục A La Hán. Con không khởi niệm: con là ly dục A La Hán, bạch Thế Tôn. Nếu con suy nghĩ: con đạt quả A La Hán thời Đức Thế Tôn không nói Tu Bồ Đề là người ưa hạnh tịch tịnh, vì Tu Bồ Đề thật không chỗ hành nên gọi là Tu Bồ Đề, đó là hạnh vắng lặng (A lan na).

Giảng: Đoạn này nêu hạnh tịch tịnh. Nói ta là đệ nhất ly dục, nếu có thể lìa phiền não chướng và sở tri chướng.

Cho đó là giải thoát nên không giống huệ giải thoát mà chỉ lia phiền não chướng. Y cứ phần đã dẫn chứng có 3: a/ Phật và danh hơn b/ Rõ ràng chẳng suy nghĩ c/ Giải thích nghĩa trên. Nếu khởi niệm: Ta đấng A La Hán v.v... là có tướng ngã, hơn v.v... hoàn lại có phiền não nên không thể đạt thiền định vô tranh được. Đức Thế Tôn không nói con tu hạnh vô tranh. Vì có tranh nên Thế Tôn nói liền biết con không cũng chẳng nghĩ được hạnh vô tranh.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ?”**

Phật bảo: này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Như Lai trước kia nơi Phật Nhiên Đăng, đối với pháp có chỗ đắc không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân giải thích điểm này để phá trừ nghi vấn. Nói Phật Nhiên Đăng hay Phật Định Quang. Vì Phật Thích Ca thuở xưa lúc còn là Bồ Tát tu sắp mãn thất địa, đương khi đó có vị tiên hơn nghe Phật Định Quang sắp vào trong thành, ông liền mua hoa từ một người nữ đem rải cúng Phật để biểu lộ lòng tôn kính sâu xa, và trải tóc lột bùn cho Phật đi qua. Lúc bấy giờ Phật vì đó mà thuyết pháp, Bồ Tát nhập bát địa. Trong 3 a tăng kỳ kiếp sơ đó, người nữ bán hoa nghe nói cúng dường Phật bèn không lấy tiền mà cùng thề nguyện nhau, nhân đó trải qua nhiều kiếp thường làm vợ chồng, tạo duyên thiện tri thức cho nhau. Ngoài ra, có nghi vấn rằng, ở trên nói Thánh nhân do pháp vô vi có sai biệt nên không thuyết, không chấp, tại sao Phật Thích Ca nơi Phật Nhiên Đăng được thọ

ký hay Phật Định Quang lại vì đó thuyết chứng? Vì để phá điểm hồ nghi này nên nêu lên hỏi. Nói có sở đắc có nghĩa là tâm phân biệt vọng chấp pháp. Không sở đắc như khi trí chứng chân không tâm phân biệt pháp sở đắc. Chỉ nói tâm không phân biệt ấy có sở đắc là vô sở đắc, chứ không ngăn trí bên trong chứng chân cũng là sở đắc. Ý nói rằng Phật lúc nghe pháp nơi Phật Định Quang không phân biệt chấp có pháp sở đắc. Chỉ nội trí chứng chân như đối với chấp thủ đều không có sở đắc, chứng trí bất khả thuyết không thể chấp nên cũng không thuyết, không chấp. Nay hỏi rằng Phật nơi Phật Nhiên Đăng lúc được trí chứng nơi pháp có sở đắc không?

**“Thế Tôn, Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thật vô sở đắc. “**

Bạch Đức Thế Tôn, Như Lai nơi Phật Nhiên Đăng đối với pháp thật không sở đắc (chỗ chứng đắc, chỗ đạt được.)

Giảng: Đây là câu trả lời Phật về pháp sở đắc hay không sở đắc. Luận chủ luận rằng, không chấp là lý thật trí, nói không chấp là tâm không phân biệt chấp thủ. Lý thật trí như dùng trí ngộ thật lý, phân biệt chấp thủ đều không sở đắc. Ngài Thế Thân giải thích ý này xong. Ngài Vô Trước nhận xét: điểm 5 đây là chẳng lìa Phật lúc ra đời nên lìa chương trụ xứ thứ 12, đây là phần lìa cấu chương thứ hai. Vì nếu hành vô sở đắc gọi là đa văn, còn nếu có sở đắc là thiếu văn. Song Đức Phật nơi Phật Định Quang không phân biệt chấp thủ có sở đắc, nên lìa thiếu văn chương.



**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà, Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân, điểm này phá nghi vấn 3 như nghi rằng, trong pháp vô vi đã không thể chấp, không thể thuyết, tại sao Bồ Tát chấp trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật? Lại hỏi: thọ báo gì Phật chấp tự cho là pháp vương? Lại cũng hỏi rằng ngoài thế gian ai lại chấp là đấng pháp vương chứ? Trong câu hỏi nêu 2 phần: trước hết phá nghi cho rằng Bồ Tát chấp trang nghiêm tịnh độ, kế phá trừ nghi Phật chấp, tự cho là pháp vương. Trong đó cho thấy rõ Phật hỏi, Ngài Thiện Hiện trả lời và lời Thế Tôn khuyến thị. Bồ Tát chấp trang nghiêm Phật quốc độ, như từ sơ địa trở lên, Bồ Tát sanh nơi báo tịnh độ, tùy phần lượng ở mỗi địa mà thấy Phật không đồng. Tự thân có khác dù đã ở trong tịnh độ, là chấp có trang nghiêm cõi Phật tịnh độ. Tại sao trước nói Thánh nhân do pháp vô vi mà có sai biệt không thuyết, không chấp? Nay phá điểm nghi này, như chư Bồ Tát vì trí vô phân biệt trong chứng chân như trang nghiêm, nên ngoài hình tướng được bảy báu trang nghiêm. Đối với trong lúc chứng chân trang nghiêm là không thuyết, không chấp. Như đối với bên ngoài về thân tướng mà cho rằng ta trang nghiêm cõi Phật đây là còn chấp. Bồ Tát còn ở nơi cảnh sắc đã chứng vô tướng trang nghiêm sao nói chấp tịnh độ? Có bài kệ rằng:

Trí học Duy thức thông

Trí tu vị tu tập

Là trí vô phân biệt.

Duy thức gọi đó là trí tương ứng với tịnh thức. Thông có nghĩa là đạt chân lý tức là thật trang nghiêm. Nhiếp Đại Thừa luận giải thích trong 18 tịnh độ viên mãn rằng, nơi khởi tập thiện căn xuất thế đây là nhân Tịnh độ vậy. Vì quan trọng phải phát Bồ Đề tâm, tu tập nhân lành xuất thế tích chứa trải qua thời gian là nhân có thể chứng ngộ. Ngoài ra, rộng dung, tự tại tịnh thức là tướng, vì lấy tịnh thức làm thể tịnh độ. Tâm tịnh tức Phật độ tịnh vậy. Lại nói rằng, đại niệm huệ hạnh lấy làm du lộ, đại dừng ở diệu quán nhưng là chỗ chuyên chở. Pháp vị sâu rộng hỷ lạc là chỗ duy trì. Không, vô tướng, nguyện là chỗ nhập môn để Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật vậy.

Phật hỏi Ngài Thiện Hiện rằng, đối với hình tướng bề ngoài Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ không? Và đây là câu trả lời:

**“Phát dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố, trang nghiêm Phật độ giả tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.”**

Không, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Vì trang nghiêm cõi Phật ấy tức phi trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm.

Giảng: Việc trang nghiêm Phật độ (cõi Phật tịnh độ). Vì chư Bồ Tát cần yếu bên trong phải chứng trang nghiêm, rồi bên ngoài mới được bày báu; không như quán ao nước ở Tây phương mà gọi là trang nghiêm được. Hình tướng trang nghiêm tức là ở trong cảnh cõi sắc nên nói trang

nghiêm cõi Phật, có nghĩa là trang nghiêm ở trong vậy. Chẳng phải hay phi trang nghiêm là không phải trang nghiêm hình tướng bên ngoài, ấy gọi là trang nghiêm, là vô tướng, không chấp, chân thật trang nghiêm.

**“Thị cố Tu Bồ Đề, chư Bồ Tát ma ha tát, ung như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ung trụ sắc sanh tâm, bất ung trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.”**

Vì thế Tu Bồ Đề, chư đại Bồ Tát nên sanh tâm thanh tịnh như thế, không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên vô sở trụ mà sanh tâm.

Giảng: Đây là phần Đức Phật khuyến thị (khuyên nhắc bảo). Nên sanh tâm thanh tịnh như thế, có nghĩa là nên tu tập cho được tịnh trí, tịnh thức, cho tâm thanh tịnh. Không nên trụ sắc sanh tâm là không đối ngoài hình tướng mà khởi tâm trang nghiêm. Nên vô sở trụ mà sanh tâm, vì quan trọng dùng trí ngộ vô trụ, vô trụ tức là không nhân vậy. Ngài Vô Trước giải thích trong 18 trụ xứ sai biệt, đây là trụ xứ thứ 7 muốn thanh tịnh cõi Phật. Là chương trong trụ xứ 12 đây là trụ xứ thứ ba li bỏ tâm ít phan duyên (6) niệm nghĩ việc tu tập. Nói ít phan duyên có nghĩa là tạo hình thức trang nghiêm tịnh độ như cầu cõi Tây phương quán mặt trời, ao nước v.v..

**“Tu Bồ Đề, thí như hữu nhơn thân như Tu Di Sơn Vương, ư ý vân hà, thị thân vi đại phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ví như có người thân lớn như núi Chúa Tu Di, ý Thầy nghĩ thế nào? Thân như thế có lớn không?

Giảng: Ở đây trả lời nghi vấn: chấp Phật là thân pháp vương. Có người nghĩ rằng, trước nói Thánh hơn do pháp vô vi mà có sai biệt: không thuyết, không chấp, tại sao báo thân tự thọ dụng pháp lạc lại chấp là thân pháp vương, vì thân vô hạn biến cùng khắp pháp giới nên tất cả thế gian lại chấp đó cho là thân pháp vương. Vì để trừ dứt nghi vấn này nên có bài kệ rằng:

Như núi Chúa không chấp  
Cho mình cụm Tu Di  
Có các núi chung quanh  
Mà nó vẫn vô tâm  
Không tự nhận sơn vương.

Chúng sanh có tâm phân biệt tự cho kia là núi Chúa, báo Phật cũng thế, đã không có tâm phân biệt nên không nói ta là thân pháp vương. Chúng sanh có tâm phân biệt nên khởi niệm phân biệt rằng kia là pháp vương. Phật không có tâm phân biệt nên không chấp là thân pháp vương.

**“Tu Bồ Đề ngôn: thậm đại Thế Tôn. Hà dĩ cố, Phật thuyết phi thân thị danh đại thân”.**

Tu Bồ Đề thưa: rất lớn, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Vì Phật nói chẳng phải thân ấy gọi là thân lớn.

Giảng: Phật nói chẳng phải thân có nghĩa là không phải có thân phân biệt; ấy gọi là thân lớn tức thân vô phân biệt.

Ngài Vô Trước giải rằng, đây là trụ địa thứ 8 thành thực chúng sanh, lại là ly chướng trụ xứ, thuộc hàng thứ tư lia xả chúng sanh chướng . Ở đây cho rằng, Như Lai tuy biết không chấp hình tướng gọi là lia ít phan duyên. Song báo thân Phật to lớn vô cùng. La Hầu A Tu La vương như núi Tu Di mà đại chúng còn không thấy tự thể huông gì chúng sanh nhỏ kém nơi cõi dục. Thế là Như Lai bỏ rơi chúng sanh không độ là ý này đây nên mới có đoạn văn trên.

**“Tu Bồ Đề, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa nình vi đa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, như số cát trong sông Hằng, và cát của nhiều sông Hằng. Ý Thầy nghĩ sao? Số cát của nhiều sông Hằng có nhiều không?

Giảng: Dựa theo Ngài Thế Thân căn cứ đoạn văn lớn trong phần so sánh thứ hai, trở lên phá nghi xong. Từ đây trở xuống so sánh cũng có 2 phần: trước đem tài thí so sánh, sau đem thí thân mạng so sánh. Tài thí cũng có 2: so sánh đúng và theo đó thuyết... là Kinh trở xuống, giải thích nguyên do (lý do), trong đó có 3 ý: Đức Thế Tôn mượn thí dụ để hỏi, kể đó Ngài Thiện Hiện thuận ý Phật trả lời và sau cùng Như Lai nêu so sánh. Ao A Nậu Đạt phát nguồn từ 4 dòng sông lớn, vì thế biến tướng sông Hằng làm thí dụ. Kinh A Hàm ghi Hằng có 4 nghĩa: 1/ có nhiều cát 2/ thế gian cho đó là phước, như sắp được tịnh đối với sông kia cầu phước 3/ trải qua lâu đời không đổi tên 4/ Phật thường thuyết pháp ở gần sông đó. Như trong sông Hằng có nhiều

cát, có nghĩa lấy số cát của sông Hằng rộng sâu dài 40 dặm đã là nhiều, và như thế cát của nhiều sông Hằng có nghĩa đem cát của một sông Hằng, so với cát của nhiều sông Hằng. Lấy vô số cát trong nhiều sông Hằng như thế mà mỗi một hạt cát làm một cõi Phật. Lấy số đây dùng để bố thí khắp 3 nghìn đại thiên thế giới, cũng không bằng thọ trì nhãn đến 4 câu kệ của Kinh này. Tại sao? Vì đây là ít phần công đức thọ trì và làm nhân Bồ Đề; hết thấy ngoại duyên đều không thể làm hư hại. Tài thí là nhân sanh tử để bị vương tặc phá hoại, cướp đoạt...

**“Tu Bồ Đề ngôn: thậm đa Thế Tôn, đản chư hằng hà thượng đa vô số, hà hướng kỳ sa”...**

Tu Bồ Đề thưa: thật là nhiều, bạch Đức Thế Tôn, chỉ những sông Hằng còn nhiều vô số, hướng gì là cát của các con sông ấy?...

Giảng: câu trả lời của Ngài Thiện Hiện.

**“Tu Bồ Đề, ngã kim thật ngôn cáo nhữ: nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới dĩ dụng bố thí đắc phước đa phủ? Tu Bồ Đề ngôn: thậm đa Thế Tôn. Phật cáo Tu Bồ Đề, nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư thử Kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng vị tha nhơn thuyết nhi thử phước đức, thắng tiền phước đức”.**

Này Tu Bồ Đề, nay Như Lai lấy lời thật hỏi Thầy: nếu có thiện nam, tín nữ đem thất bảo như cát sông Hằng bố thí khắp 3 nghìn đại thiên thế giới được phước có nhiều

chăng? Tu Bồ Đề thưa: rất nhiều bạch Đức Thế Tôn. Phật bảo Tu Bồ Đề: nếu thiện nam, tín nữ đối với Kinh này cho chí thọ trì 4 câu kệ vì người giảng thuyết thời phước đức đây hơn phước đức người bố thí trước.

Giảng: Dùng cát sông Hằng so sánh có 3 ý: Phật hỏi, Tu Bồ Đề trả lời và sau cùng Phật so sánh phước hơn kém.

**“Phục thứ Tu Bồ Đề, tùy thuyết thị Kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ nhưt thiết thế gian, thiên nhơn, A Tu La giai ưng cúng dường như Phật tháp miếu, hà huống hữu nhơn tận năng thọ trì, độc tụng. Tu Bồ Đề đương tri thị nhơn thành tựu tối thượng đệ nhưt hy hữu chi pháp. Nhược thị Kinh diễn sở tại chi xứ tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử”.**

Lại này Tu Bồ Đề, tùy theo thuyết Kinh này nhấn đến 4 câu kệ v.v... nên biết nơi ấy được hết thầy thế gian trời, người, A Tu La đều nên cúng dường xem như Chùa tháp Phật, huống gì có người hết lòng đọc tụng, thọ trì. Này Tu Bồ Đề, nên biết người này thành tựu pháp tối thượng hy hữu đệ nhưt. Như Kinh này có tại nơi nào tức là có Phật hay các đệ tử đáng kính của Phật nơi đó.

Giảng: Đoạn này giải thích lý do trong đó có 3 lần: lại nữa. Tại sao đem nhiều của bố thí lại không như thọ trì một ít Kinh? Để giải thích ý này nên có 3 lần lại nữa như: 1/ Kinh có ở nơi nào nơi đó hơn; nơi người nào người đó đáng tôn 2/ Nên gọi Kinh này tên là gì, có thể trừ 2 chương

nên hơn 3/ Ba nghìn đại thiên thể giới trở xuống nêu rõ bố thí của cải là nhân nhiễm, pháp thí là nhân tịnh nên hơn.

Nói Kinh này có nơi đâu nơi đó hơn, có nơi người nào người đó đáng tôn kính. Như tháp miếu thờ Phật là pháp thân Phật ở khắp mười phương, như thân xá lợi chỉ là một thể của hóa Phật. Kinh Bát Nhã này là hết thấy pháp thân chân thật của chư Phật. Ngài Vô Trước giải thích một đoạn này tức là trong 18 trụ xứ sai biệt, trụ xứ thứ 9 xa lìa tùy thuận tán loạn ngoại luận, cho nên thứ tư: lìa chương trụ xứ trong 12, thứ năm lìa lạc tán loạn ngoại luận. Vì khiến nương tựa Bát Nhã tu học, không cho đọc sách tịch ngoại đạo. Trong đoạn văn này có 2 ý: dùng 4 thứ nhân duyên chỉ rõ pháp Bát Nhã hơn hẳn, và phải gọi Kinh này tên là gì để đối trị, nếu thuyết là chấp nghĩa. Dựa theo 4 nhân duyên trên phân thành 4 tiết: 1/ Gìn giữ phước đức như Kinh ghi được phước nhiều 2/ Trời, người ... cúng dường tùy theo Kinh có ở nơi nào... 3/Khó hành như Kinh ghi là thành tựu pháp hy hữu tối thượng 4/ Nghĩ tưởng Như Lai như Kinh nói thời là thấy Phật.

**“Nhĩ thời Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn, đương hà danh thử Kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì”**

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật, bạch Đức Thế Tôn, phải gọi Kinh này tên là gì, và chúng con nên phụng trì bằng cách nào?

Giảng: Theo như Ngài Thế Thân: do các phiền não như núi như đá mới có Kim cương để phá, hoặc phiền não như



Kim cương, Bát nhã hay đoạn trừ, hoặc như vẽ họa hình Kim cương. Ngài Vô Trước giải rộng, do có nhiều công năng nên thọ trì Bát nhã được công đức hơn tài thí.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, thị Kinh danh vi Kim Cang Bát Nhã ba la mật, dĩ thị danh tự, như đương phụng trì”.**

Phật bảo Tu Bồ Đề, Kinh này gọi là Kim Cang Bát Nhã ba la mật, đó là danh tự, người nên phụng trì.

Giảng: Khuyên thọ trì Kinh.

**“Sở dĩ giả hà, Tu Bồ Đề: Phật thuyết bát nhã ba la mật tức phi Bát nhã ba la mật”.**

Tại sao thế? Nay Tu Bồ Đề: Phật thuyết Bát Nhã ba la mật tức chẳng phải Bát Nhã ba la mật.

Giảng: Chư Phật đồng thuyết, cùng tán tán Bát Nhã. Phật thuyết Bát Nhã ba la mật là pháp mà 10 phương chư Phật đồng thuyết. Tuy vô phân biệt nhưng nói cũng có nhân có, mà bàn như thuyết; chỉ không phân biệt chấp cho là pháp vương chẳng phải không nhân có mà có tự thể; Bát Nhã ba la mật không phải chỉ có một vị Phật trình bày. Ý nói rằng, do Bát Nhã là mẹ chư Phật hay sanh ra chư Phật cho nên chư Phật cùng tán tán. Nếu có người thọ trì hẳn đến 4 câu kệ hơn nhiều so với việc cúng dường.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ? Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn, Thế Tôn, Như Lai vô sở thuyết.”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có thuyết pháp chăng? Tu Bồ Đề bạch Phật, bạch Đức Thế Tôn, Như Lai không có thuyết pháp.

Giảng: Nêu rõ pháp Bát Nhã không riêng Phật Thích Ca thuyết. Trong ý câu hỏi: và có một pháp riêng Như Lai thuyết không? Ngài Thiện Hiện trả lời là không.

**“Tu Bồ Đề, u ý vân hà tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần thị vi đa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao, cõi ba ngàn đại thiên thế giới chỗ có vi trần có nhiều không?

Giảng: Đây lại giải thích nguyên do trong đó trước hết nói lý do thọ trì Kinh phước nhiều, và kế tiếp giải thích hồ nghi. Trong câu giải thích hồ nghi có 2: trước hỏi, sau trả lời. Như chỉ thế giới làm thành hạt bụi trong đó có 2 thí dụ: 1/ Thí dụ hơn như nhân thọ trì Kinh ít mà được nhiều công đức. Thế giới như nắm một ít tán nhỏ thành vi trần dụ cho nhiều phước. 2/ Thí dụ kém: nếu dùng tài thí mà gây nhiều phiền não. Như do người thọ thí nhân đây mà sanh đủ loại tranh chấp. Nói thế giới để chỉ tài thí đem tán nhỏ làm thành vi trần, dụ sanh nhiều phiền não. Thế giới đã là nhân tố của vi trần, thì tài thí cũng tạo nhân nhiễm ô. Thọ trì Kinh tuy ít nhưng sanh phước rất nhiều, tài thí tuy nhiều cũng chỉ làm tăng thêm phiền não. Nên nói rằng tuy bố thí nhiều của cải cũng không bằng thọ trì một bài kệ 4 câu, cho nên vin ý đó nêu hỏi.

**“Tu Bồ Đề ngôn: thậm đa Thế Tôn. Tu Bồ Đề, chư vi trần Như Lai thuyết phi vi trần thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới phi thế giới, thị danh thế giới.”**

Tu Bồ Đề thưa: rất nhiều bạch Đức Thế Tôn. Nay Tu Bồ Đề, vi trần Như Lai nói phi vi trần ấy là vi trần. Như Lai nói thế giới phi thế giới ấy gọi là thế giới.

Giảng: Nhiều nhưng không phải là thật. Là vi trần như đem thế giới tán nhỏ ra làm thành bụi trần. Nói phi vi trần là chẳng phải như chấp cho thế giới có thật, nên chỉ gá mượn vi trần là ví dụ cho tham v.v... Chứ không phải nói NHƯ mà có vi trần. Lại giải thích chỉ mượn vi trần để dụ cho tham v.v... chứ không phải vi trần là thể của tham. Ấy gọi là vi trần, vì là nương mượn vi trần làm ví dụ vậy. Nói thế giới có nghĩa lấy thế giới làm thí dụ việc bố thí của cải. Phi thế giới là nhân của tham v.v... Tài thí là nhân của tham, chỉ mượn thế giới làm thí dụ.

**“Tu Bồ Đề u ý vân hà, khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ? Phát dã, Thế Tôn, bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng”.**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Có thể dùng 32 tướng thấy Như Lai không? Không thể, bạch Đức Thế Tôn, không thể dùng 32 tướng thấy được Như Lai. Vì sao thế? Như Lai thuyết 32 tướng tức là phi tướng ấy gọi là 32 tướng.

Giảng: Uyển chuyên giải thích nghi vấn, như trên nói thọ trì Kinh sanh phước rất nhiều tức nói phước đức có hình tướng nên ở đây phá hình tướng đó. Nói pháp thân là Như Lai, không phải như 32 tướng là hóa thân, trong đó trước hỏi, sau trả lời. Nói 32 tướng là nói về hóa thân, tướng tức là phi tướng, không phải tướng pháp thân. Ấy là 32 tướng đó là 32 tướng hóa thân vậy. Trở lên dựa theo ý Ngài Thế Thân. Còn theo Ngài Vô Trước như Kinh nói cõi đại thiên trở xuống, đoạn này trong 18 trụ xứ sai biệt thứ 10 là sắc thân và thân chúng sanh ràng buộc trong đó quán để dứt tương ưng hành tức là lia chướng trụ xứ. Trong trụ xứ thứ 6 là lia đối với hình tướng ảnh tượng tự tại nơi không thiện xảo. Cho nên ý này cho rằng chúng sanh đối với sắc thân và danh thân trong ràng buộc không cách khéo tạo nên một hiệp tướng. Nay dùng phương tiện phá một hiệp tướng nên có đoạn văn như trên. Song trong phá trừ có 2: phá sắc thân và phá danh thân. Sắc thân có 2: 1/ Tế gọi là vi trần, như Kinh nêu: chỗ có vi trần là nhiều không? 2/ Phá sắc thân thô, như nói các vi trần Như Lai nói phi vi trần. Phá danh thân, như nói: thế giới phi thế giới là lấy danh vô hình đoạn trừ. Không thể có tướng thô-tế nên lấy thế giới làm thí dụ, như trong Kinh nói có thể lấy 32 tướng v.v... Trụ xứ thứ 11 là cúng dường hầu cận Như Lai. Ngoài ra, thứ bảy lia bỏ chẳng đủ phước báu tư lương. Ý nói rằng, nếu muốn cúng dường Phật cầu phước báu tư lương không nên dùng tướng thấy pháp thân đệ nhứt nghĩa.

**“Tu Bồ Đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nơn dĩ hằng hà sa đẵng thân mạng bố thí. Nhược phục hữu nơn ư thử Kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẵng vị tha nơn thuyết kỳ phước thậm đạ.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu có thiện nam, tín nữ đem vô số thân mạng như cát sông Hằng bố thí. Nếu lại có người đối với Kinh này nhẫn đến thọ trì 4 câu kệ v.v... vì người khác mà diễn thuyết người ấy được phước rất nhiều.

Giảng: Theo như Ngài Thế Thân, trở lên dùng của cải so sánh, từ đây trở xuống dùng thân mạng so sánh. Trong đây trước so sánh, sau giải thích lý do phước đức nhiều. Ngài Vô Trước giải rằng, trong 12 trụ xứ, đây là phần xa lìa lợi dưỡng và thiếu nhiệt thành nên đối tinh tấn hoặc lui sụt hoặc không phát tâm. Ngoài ra trong ly chương ngại trụ xứ, phần 8 đây là xa lìa giải đãi, lợi dưỡng, đắm vui v.v... Giải rằng, đây nói nếu có chúng sanh ham mùi đắm vị, giải đãi hoặc đắm vị, lợi dưỡng không phát tâm tinh tấn, hoặc đã từng tạo công đức nhưng lại lui sụt vì khiến cho xa lìa những trể lười này nên đem thân mạng so sánh, ý là muốn làm cho tinh tấn hơn lên.

**“Nhĩ thời Tu Bồ Đề văn thuyết thị Kinh thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp nhi bạch Phật ngôn: hy hữu Thế Tôn. Phật thuyết như thị thậm thâm Kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc huệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi Kinh.”**

Lúc bấy giờ Ngài Tu Bồ Đề nghe thuyết Kinh nghĩa thú tâm diêu buồn khóc sụt mướt mà bạch Phật rằng: hiềm thay Đức Thế Tôn! Phật thuyết Kinh thậm thâm (sâu mầu) như thế, từ xưa con đã được huệ nhãn mà chưa từng được nghe Kinh như thế.

Giảng: Sau đây Ngài Thế Thân giải thích lý do trong đó có 4 ý; 1/ buồn cho thân khổ, được nghe pháp nên rơi lệ 2/ Thế Tôn nếu lại...trở xuống nêu rõ trong đây sanh tín thì sanh thật tướng 3/ Thế Tôn là thật tướng dứt nghi trừ bịnh chấp 4/ Thế Tôn ... nay con được nghe: phát tinh tấn tâm. Vì Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết nên xả thân nhãn khổ. Lại nghe Kinh này nghĩa sâu mầu chứng đạt Bồ Đề nên mừng vui tán dương mà buồn khóc. Ngài Vô Trước giải thích rằng: từ đây trở xuống có 3 điểm: a/ Thương cảm xả thân nghe pháp nên vương buồn, cũng giống Ngài Thế Thân b/ Nếu lại có người... phát tâm tinh tấn nghĩa NHƯ c/ Con nay được nghe trở xuống: làm cho các vị Bồ Tát giải đãi hưởng được pháp vị sanh tâm hổ thẹn.

**“Thế Tôn, nhược phục hữu nhơn đắc văn thị Kinh tín tâm thanh tịnh tắc sanh thật tướng, đương tri thị nhơn thành tựu đệ nhứt hy hữu công đức.”**

Bạch Thế Tôn, nếu lại có người nghe được Kinh này phát lòng tin thanh tịnh thì sanh thật tướng, nên biết người này thành tựu công đức hy hữu.

Giảng: Người nghe Kinh này sanh tín tâm, đời sau nhất định đạt trí vô phân biệt, trừ dứt vọng phân biệt, ngộ pháp

nhị không gọi là sanh thật tướng. Do vậy, dù có xả nhiều thân mạng cũng không bằng thọ trì Kinh. Vì việc xả thân đó luôn xoay vần trong sanh tử không cầu tuệ hạnh, nên không hướng đến Bồ Đề vậy.

**“Thế Tôn, thị thật tướng giả tác thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng”.**

Bạch Thế Tôn, thật tướng ấy là phi tướng, vì thế Như Lai nói là thật tướng.

Giảng: Dứt nghi trừ bệnh. Là thật tướng, có nghĩa vô tướng là tướng; là phi tướng có nghĩa không phải tướng hư vọng phân biệt chỗ chấp tướng sai biệt. Gọi là thật tướng tức là tướng không hư vọng nên là thật tướng. Như có người nghe nói thật tướng tức là tướng sở chấp hư vọng phân biệt. Nay nói không phải vậy nên có đoạn văn này.

**“Thế Tôn, ngã kim đắc văn như thị Kinh điển tín giải thọ trì bất túc vi nan. Nhược đương lai thế hậu ngũ bách tuế kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị Kinh tín giải thọ trì, thị nhơn tác vi đệ nhứt hy hữu.”**

Bạch Thế Tôn, nay con được nghe Kinh điển như vậy tin hiểu thọ trì không đủ lấy làm khó. Như trong tương lai, 500 năm sau có chúng sanh nào nghe được Kinh này mà tin hiểu thọ trì thời người đó mới là hy hữu hiếm hoi.

Giảng: Tín tâm tinh tấn, đây là điêm 3 như Ngài Vô Trước nói khiến Bồ Tát giải đãi sanh tâm hổ thẹn. Như nói trong đời ác còn có những chúng sanh hay sanh được thật

tướng hưởng gì ngay trong đời hiện tại Bồ Tát nghe thuyết Kinh Bát Nhã mà không chịu tu. Như người ác tin hiểu đó là việc hy hữu; Bồ Tát thọ trì đầu đáng tán thán nên mới có đoạn văn này. Căn cứ theo văn có 2 phần: trước Ngài Thiện Hiện hỏi, sau Phật đáp.

**“Hà dĩ cố, thử nhơn vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng.”**

Tại sao thế? Vì người này không có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng.

Giảng: Ngài Thế Thân giải thích: trước nêu rõ sở chấp không, sau nêu rõ năng chấp không. Đây chỉ nói pháp không. Ngài Vô Trước cho rằng, trước nhơn không, sau pháp không, phải liả cả hai chấp này.

**“Sở dĩ giả hà, ngã tướng tức thị phi tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng.”**

Nguyên nhân vì sao? Vì ngã tướng tức là phi tướng, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng tức là phi tướng.

Giảng: Nói về pháp không.

**“Hà dĩ cố, ly nhứt thiết chư tướng tác danh chư Phật”.**

Tại sao thế? Vì liả hết thảy các tướng thời gọi là chư Phật.



Giảng: Lìa hết tướng. Như nếu có phân biệt tức có dấy nghiệp sanh tử, đã dứt tướng phân biệt thời vọng tưởng sanh tử đều không tức là chư Phật. Ý nói rằng, giả sử bỏ nhiều thân mạng mà không ngộ nhân của lý, như tạm nghe Kinh liền lìa tướng phước. Vì nhân thọ trì nghe hiểu nên phải chứng lý nhị vô ngã (nhân-pháp vô ngã), đã là cái nhân hơn nên phân nhiều xả phước của thân.

### ***Hết quyền thượng***

## Quyển Hạ

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, như thị, như thị. Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị Kinh, bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhơn thật vi hy hữu”.**

Phật bảo Tu Bồ Đề, đúng thế! đúng thế! Nếu lại có người nghe được Kinh mà không khiếp, không hãi, không sợ, nên biết người này thật là hy hữu.

Giảng: Người nghe Kinh tin thọ. Ngài Thế Thân nói rằng: khiếp là khủng khiếp. Nếu chúng sanh khiếp Kinh này là không phải tin chánh đạo; hãi tức sợ khấp nép. Nương theo Bát Nhã tu tập mới có thể đoạn dứt nghi. Sợ do khiếp nên rốt cuộc không chịu tu học. Nếu xa lìa chỗ sợ ấy là không khiếp, không hãi, không sợ vậy. Ngài Vô Trước nói rằng vì Thanh Văn thừa, Thế Tôn nói pháp Hữu và pháp Vô. Đối với Thanh Văn, lúc nghe Kinh này nghe pháp Hữu - Vô nên sợ, nghe không Hữu-Vô nên khiếp! Lúc suy xét thời với nhị không trong hữu lý không thể theo kịp nên sợ. Bèn phải giải thích riêng: 3 loại vô tự tánh cần phải biết, như sanh đế nhưt nghĩa vô tự tánh nên giải rằng đối với Y tha khởi không tánh tự nhiên nên gọi sợ, đối với Viên thành thật không còn chấp nhơn-pháp nên không sợ.

**“Hà dĩ cố, Tu Bồ Đề, Như Lai thuyết đệ nhưt ba la mật tức phi đệ nhưt ba la mật, thị danh đệ nhưt ba la mật”.**

Tại sao? Nay Tu Bồ Đề, Như Lai nói đệ nhứt ba la mật tức phi đệ nhứt ba la mật đấy gọi là đệ nhứt ba la mật.

Giảng: Tán thán hơn hẳn. Ngài Thế Thân cho rằng, Như lai thuyết đệ nhứt ba la mật, có nghĩa là mười phương chư Phật đồng nói lời tán dương nên là đại nhân, là đệ nhứt nghĩa, rõ ràng Kinh này hơn hẳn các Kinh khác. Phi đệ nhứt ba la mật tức là không phải sở đắc của những người khác. Trí vô phân biệt chứng lý vô ngã mà chỉ có 10 phương Phật đạt được, những người khác không được, cho nên gọi là đệ nhứt ba la mật. Chi Phật có được. Ngài Vô Trước giải thích rằng, đệ nhứt ba la mật có nghĩa bát nhã đối với 5 ba la mật khác là hơn hẳn.

**“Tu Bồ Đề, nhãn nhục ba la mật, Như Lai thuyết phi nhãn nhục ba la mật.”**

Nay Tu Bồ Đề, nhãn nhục ba la mật, Như Lai nói phi nhãn nhục ba la mật.

Giảng: Theo Ngài Thế Thân: trở lên so sánh đoạn 2 và 3 xong. Đây là điểm so sánh thứ tư, trong đó có 3 ý: 1/ về trước xả thân mạng nên sanh nghi, như nghi cho rằng chú ý đề cập thân khổ để bỏ thân khổ mà được quả phước là kém. Nếu vậy theo pháp môn này mà thọ trì, diễn thuyết Kinh, cần tu các hạnh Bồ Tát. Khổ hạnh cũng là khổ quả, tại sao pháp môn này không thành khổ quả? Ý nói: trước nói xả thân mạng khổ hoàn lại thọ quả khổ, thân được phước cũng kém xa. Nếu vậy, Bồ Tát tu pháp này nên hành các khổ hạnh cũng cảm quả thân khổ làm gì được thắng phước. Vì

như Bồ Tát Tát Đà Ba Luân đối với Đàm Vô Kiệt Bồ Tát cầu bát nhã ba la mật nên phải chẻ xương đập tủy để cúng dường, khổ như thế mà được phước vẫn ít. Nay ý trả lời, nếu là tuệ hạnh mà bỏ thân thì được phước nhiều. Như lia xả thân không tu tuệ hạnh mà cầu Bồ Đề là nhân của sanh tử nên phước yếu kém (hạ liệt). Dựa theo đoạn văn quan trọng này phân thành 4 ý: 1/ phá trừ nghi trên 2/ nêu việc chỉ bày 3/ Bồ Tát nên lia hết thấy... dẫn từ sơ địa Bồ Tát là vô trụ 4/ Bồ Tát vì lợi ích, khuyên làm lợi ích chúng sanh nên trụ lý nhị không. Nhẫn nhục ba la mật như 10 phương chư Phật cùng đạt được như cầu nhẫn nhục của tuệ hạnh. Như Lai nói chẳng phải, không phải là sở đắc của những người khác nên hoặc không cầu tuệ hạnh nên không gọi là ba la mật. Như trên nói xả thân mạng không phải là tuệ hạnh không gọi là ba la mật nên nói không phải nhẫn nhục.

**“Hà dĩ cố, Tu Bồ Đề, như ngã tích vị Ca Lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận”.**

Tại sao? Đây Tu Bồ Đề như Ta xưa kia vì Vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể, Ta lúc bấy giờ không tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng. Tại sao? Vì lúc xưa trong khi bị cắt từng phần cơ thể đó, nếu Ta có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng, ắt sanh tâm sân hận.

Giảng: Dẫn tích trong đó có 2: dẫn chứng một thân về trước và dẫn nhiều thân trước. Trong phần trước có nhân lia tướng, và nói ngược lại nêu rõ như trên. Vua Ca Lợi cũng gọi là khổ nhân, nhiều hạnh khắc khổ. Vì Như Lai trước kia là vị tiên hơn tu nhân nhục đương tu trong núi. Trong lúc cùng với các cung nữ đi vào núi săn bắn, Vua mệt mỏi nên ngủ say thiếp đi; các thể nữ nhân đó tới chỗ tiên hơn xin nghe pháp. Vua tỉnh dậy bèn thấy họ ở chung quanh vị tiên, Vua liền hỏi tiên hơn: Ông là người gì? Cũng hỏi rằng, ông là kẻ phạm phu ly dục chăng? Tiên đáp: chưa ly dục. Vua nghe thế, sanh tâm sân giận liền cắt thân thể ông ra nhiều phần mà vẫn vô ngã tướng, nên nay dẫn chứng câu chuyện lúc đó.

**“Hựu niệm quá khứ ư ngũ bách thể tác nhân nhục tiên hơn, ư nhĩ sở thể vô ngã tướng, vô hơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.”**

Lại nghĩ lui về quá khứ trong 500 đời làm vị tiên hơn tu nhân nhục, ở trong các đời ấy không có tướng ngã, tướng hơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng.

Giảng: Đây dẫn chứng thân tu nhân trong nhiều đời thuộc quá khứ.

**“Thị cố Tu Bồ Đề, Bồ Tát ưng ly nhứt thiết tướng, phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm”.**

Vì thế, Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lia hết thấy các tướng mà phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Giảng: Nêu dẫn sơ địa thứ 3 của Bồ Tát, đạt được nhãn nhục nên không trụ tâm cho thấy nghĩa vô trụ sanh tâm. Phát tâm có 5: 1/ Chủng tánh phát tâm tức là địa tiền 2/ Tín phát tâm sơ tam địa như thế gian tu bố thí, giữ giới, nhãn nhục 3/ Minh phát tâm như bốn, năm, sáu, thất địa đồng như xuất thế. Như tứ địa tu Bồ Đề, phần quán cũng giống đánh lưu, ngũ địa tu pháp tứ đế quán cũng như La Hán, lục địa tu pháp nhân duyên quán cũng giống Duyên giác, thất địa tu thuần vô tướng quán như Bồ Tát. 4/ Phát tâm bất thoái như tám, chín, mười địa 5/ Phát tâm vô thượng như Phật địa. Cũng gọi đó là năm loại Bồ Đề nên gọi là chủng tánh Bồ Đề. Nay nói phát tâm có nghĩa phát tín tâm tức là sơ địa Bồ Tát trong quán chân như lý vô trụ gọi là vô trụ sanh tâm.

**“Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm.”**

Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm.

Giảng: Không trụ tâm nêu riêng, trong trụ trước hết làm cho không trụ nơi tướng; kế khiến trụ vô tướng, giải thích duyên do và tổng kết. Nói trụ sắc v.v.. sanh tâm là trụ hữu tức là chấp ngã, nhơn không nên trụ mà nên sanh tâm vô trụ. Khiến trụ vô tướng có nghĩa quán vô tướng gọi là vô trụ; cần ngộ lý này mới diệt được ngã nhơn.

**“Nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ”.**

Nếu tâm có trụ tức là phi trụ.

Giảng: Giải thích lý do hay duyên cớ. Như nếu trụ sắc v.v.. sanh tâm là chẳng phải trụ đúng.

**“Thị cố Phật thuyết Bồ Tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí.”**

Vì thế Phật nói Bồ Tát không nên trụ sắc bố thí”.

Giảng: Đây là điểm 4: tổng kết.

**“Tu Bồ Đề, Bồ Tát vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên bố thí như thế”.**

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên bố thí như thế.

Giảng: Trừ nghi chỉ rõ lý trong đó có 2: khiến bố thí vô trụ, phá trừ dứt nghi và giải thích riêng. Như nghi vẫn rằng trên nói vô trụ sanh tâm, thế nào là tu hành lợi ích chúng sanh mà không gọi trụ nơi sự? Vì đoạn trừ nghi nên mới có đoạn đó.

**“Như Lai thuyết như thuyết chư tướng tức thị phi tướng”.**

Như Lai nói hết thảy các tướng tức là phi tướng.

Giảng: Đây nêu hiện tỏ đạo lý, trong đó có pháp không và hơn không.

Nói hết thảy các tướng tức là tướng hư vọng; là phi tướng có nghĩa không thật tướng, vì hư vọng vốn là không.

**“Lại nói hết thảy chúng sanh tức là phi chúng sanh”.**

Giảng: Đây chỉ rõ sanh không. Nói hết thấy chúng sanh như chấp thật có chúng sanh thì phi chúng sanh tức là không thật có chúng sanh, như lại lượt phần giải thích này nên biết. Trờ lên dựa theo Ngài Thế Thân giải thích một điểm nghi vấn. Ở đây theo Ngài Vô Trước dẫn Kinh nói Như Lai nói nhãn nhục ba la mật trụ xứ 13 là nhãn khổ, tức trong lìa chương trụ xứ thứ 9 là lìa không thể nhãn khổ. Nói trừ người khác không thể nhãn tức phát tâm tu khổ hạnh là Bát nhã ba la mật này.

Phật dẫn chứng lại việc trước làm cho có thể nhãn khổ lìa chương không nhãn. Y cứ theo văn có 2: a/ Nêu rõ 3 loại nhãn để lìa chương không nhãn khổ b/Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lìa hết thấy tướng. Nói rõ nhân bất nhãn có 3 loại khổ: 1/ Năng nhãn có nghĩa đạt pháp vô ngã, như trong Kinh Phật thuyết là nhãn nhục ba la mật 2/ Tướng nhãn như kẻ khác đối với mình lúc đó khởi niệm ác. Do không có ngã, các tướng nên không sanh niệm sân, cũng không đối với nhãn nhục ba la mật sanh hữu tướng, đối không phải ba la mật không sanh vô tướng, như Ta trải qua xưa kia là Vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể, Ta lúc bấy giờ không có tướng ngã v.v... 3/ Chứng loại nhãn: như cực khổ nhãn liên tục là khổ nhãn, như xưa kia Ta trải qua bị Vua Ca Lợi cắt chẻ thân thể và nói Ta nghĩ về quá khứ trong 500 đời làm tiên hơn tu nhãn nhục. Y cứ điểm 2 nhân duyên không nhãn có 3: 1/ Lưu chuyển khổ nhãn, nhân do bất nhãn nên bị lưu chuyển (trôi lăn) trong sanh tử. Vì để đối trị phần này nên làm cho lìa hết các tướng mà phát tâm vô thượng.



Nếu như trụ sắc v.v.. thì bị khổ lưu chuyển dần vật nên Bồ Đề tâm không phát. Kinh ghi rằng vì thế này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lià hết thấy tướng mà phát tâm 2/ Tương vi khổ nhãn đối với chúng sanh, như Kinh nói như thế Bồ Tát làm lợi ích cho khắp hết chúng sanh nên bố thí như thế. Có nghĩa đã là chúng sanh nên tu hành vô trụ xứ, sao đối với kia còn sanh sân hận 3/ Nhân duyên khổ nhãn đối trị thọ dụng kém, như Kinh: này Tu Bồ Đề, nếu tâm Bồ Tát trụ nơi pháp mà hành bố thí, có nghĩa như chấp quả báo mà bố thí là liền có thọ dụng yếu kém. Nếu bố thí vô trụ tướng thời việc làm như hư không được công đức vô lượng.

**“Tu Bồ Đề, Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả”.**

Này Tu Bồ Đề, Như Lai là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, không nói dối, không nói sai khác...

Giảng: Dựa theo Ngài Thế Thân giải thích, đây vẫn còn phá nghi vấn. Như có người nghi rằng, nhằm nói nhân vô tướng đạt quả vô tướng, đối với chúng quả là không có lẽ đó, có sao kia đối quả hay gây nhân? Ý nói rằng: chúng pháp đã vô tướng vắng lặng vô trụ mà tu tại sao còn tạo nhân chứ? Vì để dứt trừ nghi vấn này nên ở đây nêu 2 ý: trước nêu rõ không nói dối và sau liên quan ngoại chấp. Luận chủ giải rằng vì Như Lai là như thật trí, không vọng ngữ. Phật Bồ Đề và Tiểu thừa, Đại thừa ... việc thọ ký đều là không nói sai. Do có 4 cảnh nên thứ tự có 4 lời (Phật). Nay Kinh này thêm vào là không lừa dối (cuống ngữ). Ngài Vô Trước nói rằng, chỗ biểu tỏ này là gì, là muốn làm

cho tin Như Lai nên hay nhẫn, trong đó chân ngữ là chỉ tướng thế tục đế, thật ngữ là biểu hiện sự tu tập ở thế đế có phiền não và thanh tịnh. Trong đó có thật tức một mặt dứt phiền não, một mặt là thanh tịnh. Như ngữ là đệ nhất nghĩa đế; bất dị ngữ là đệ nhất nghĩa đế vừa tu trong phiền não và tướng thanh tịnh, nên nói đây là chân ngữ. Ý này nói tóm lại, Phật độ tôn trong ba cõi, thầy của nhơn thiên và là chủ của pháp giới, lương y cứu 5 đường giãm trên sự trang sức của người tại gia, bỏ ngôi vị đế vương đạt thành giác ngộ và điều mong muốn đều trọn thành. Phật không màng danh lợi, lại chẳng cầu an lạc, sao còn vọng ngữ?

**“Tu Bồ Đề, Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thật vô hư”.**

Này Tu Bồ Đề, Như Lai đã đắc pháp, pháp này là không thật, không hư.

Giảng: Đây nêu lên ngoại chấp. Như Lai đã đắc pháp có nghĩa đạt chứng lý, không thật có nghĩa không đúng như lời mà chấp thật, không hư cũng tức không lìa lời nói mà biệt cầu. Do không hư dối nên y lời Phật dạy mà học, do không thật nên lìa vọng tưởng mà đạt chân. Như phạm phu chấp vọng tưởng có-không nên không thật, Phật không nói vọng tưởng nên không hư dối.

**“Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí như nhơn nhập ám tắc vô sở kiến, nhược Bồ Tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí như nhơn hữu mục, nhứt quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát trụ tâm nơi pháp mà hành bố thí như người vào nhà tối ắt không thấy gì; nếu tâm Bồ Tát không trụ nơi pháp mà hành bố thí như người có mắt sáng như mặt trời soi rõ thấy hết mọi cảnh sắc.

Giảng: Ngài Thế Thân giải thích: đây là điểm trừ dứt nghi thứ ba. Như nghi cho rằng, nếu Thánh nhơn dùng vô vi, chân như đạt danh, chân như đó với hết thủy thời, xứ là có, tại sao không trụ tâm. Đạt Phật Bồ Đề thời không trụ, nếu hết thủy thời, xứ thật hữu chân như có chi có người đạt được, có người không đạt được? Vì muốn dứt trừ nghi vấn này nên dụ bóng tối, trong ví dụ có 2: trụ là nhân sanh tử và rõ ràng không trụ là nhân xuất thế.

Có bài kệ rằng:

Thời và xứ thật hữu

Mà kỳ thật chẳng chân

Vô trí trụ nơi pháp

Người hữu trí chứng đạt.

Ý nói: chân tuy trong mọi thời, xứ có thật, do vô trí đem tâm trụ pháp nên không hiểu xa lìa (không bám chấp), như người vào nhà tối không biết mình đi đâu, nên không được cái đặc, là lời phiên dịch xưa. Ngài Vô Trước giải thích rằng: đây là biểu hiện ít thọ dụng khổ thứ ba dùng nhân duyên nhân đối trị.

**“Tu Bồ Đề đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn năng ư thử Kinh thọ trì độc tụng tác**

**vị Như Lai dĩ Phật trí tuệ tất trí thị nhơn, tất kiến thị nhơn giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.”**

Này Tu Bồ Đề đời tương lai về sau, nếu có thiện nam, tín nữ nào đối với Kinh này hay thọ trì đọc tụng thì được Như Lai ban cho trí tuệ Phật; ắt biết người này, thấy người này đều được thành tựu vô lượng công đức.

Giảng: Ngài Thế Thân cho rằng, y cứ đoạn Kinh 3 phần so sánh thứ tư trở lên đã phá trừ 3 nghi vấn riêng, từ đây trở xuống là so sánh nghi vấn chính trong đó có hơn kém và giải thích lý do. Trong phần hơn kém còn có: tu ba loại công đức tối đa và sau nêu sự so sánh. Ba loại công đức: tu tập, thọ trì và đọc tụng. Ngài Vô Trước giải rằng, trở xuống chương 14: lia tịch tịnh vị tức là trong lia chương 12, thứ 10 là lia tư lương vị, trí kém khuyết, như đấm trong thiền định mà không chịu nghe hiểu tu tập trí huệ, là yếu kém trí tư lương. Nay khiến thọ trì, đọc tụng để phát sanh trí huệ nên đạt được Bồ Đề. Định là phước nên chỉ có thể trợ đạo. Y cứ đoạn này có 5 ý biểu hiện cùng tương ưng pháp có 5 loại công đức như: 1/ Được Phật nhớ nghĩ thân cận, như Kinh ghi, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì được Như Lai lấy trí tuệ Phật ban cho 2/ Bao hàm phước đức, như Kinh ghi: được thành tựu chứa nhóm vô lượng vô biên công đức 3/ Tấn thân pháp và tu hành, như Kinh nói tóm đó là Kinh không thể nghĩ bàn 4/ Chư thiên v.v... cúng dường, như Kinh: ở bất cứ nơi đâu có Kinh này 5/ Tội tiêu trừ, như Kinh ghi: thọ trì đọc tụng Kinh này bị người khinh chê cho chí đang được v.v... có nghĩa cần phải thọ trì đọc tụng

Kinh là nhân của chánh báo Bồ Đề, mới là chân pháp cúng dường. Như đem của cải thế gian cúng dường Như Lai cũng không sánh kịp. Do vậy nên Như Lai luôn lấy Phật trí tất biết người đó, luôn dùng Phật nhãn ắt thấy người đó, và luôn gần gũi nghĩ về người đó.

**“Tu Bồ Đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nơn sơ nhựt phần dĩ hằng sa đẵng thân bố thí, trung nhựt phần phục dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí, hậu nhựt phần diệc dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí. Như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố thí. Nhược phục hữu nơn văn thử Kinh điển tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ, hà huống thư tả, thọ trì, đọc tụng vị nơn giải thuyết”.**

Này Tu Bồ Đề, nếu có thiện nam, tín nữ ngày 3 thời: sáng đem thân bố thí như cát sông Hằng, trưa lại đem vô số thân như thế bố thí, và tối cũng lại đem nhiều thân như cát sông Hằng bố thí. Như thế trải qua vô số trăm nghìn vạn ức kiếp như thế đem thân bố thí. Nếu lại có người nghe được Kinh này mà lòng tin không trái nghịch thời phước đức người này hơn người thí kia, huống gì còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người mà giảng rộng.

Giảng: Ngài Thế Thân giải rằng, đây nêu việc so sánh trong đó nêu rõ bố thí nhiều thân mạng, và rõ ràng tin Kinh được phước hơn. Ngày 3 thời xả thân bố thí, giả sử có việc như thế. Tín tâm không trái nghịch, có nghĩa nếu có người nghe Kinh này dù chưa thể thọ trì, đọc tụng mà chỉ khởi lòng tin thanh tịnh và tùy hỷ công đức so với người bố thí

trên phước đã hơn rồi. Tại sao vậy? Vì ở trong sanh tử tuy xả thân mạng trọn cũng không thể ngộ được pháp thân Bồ Đề. Một đời tín tâm dù chưa sanh huệ giải song do niềm tin làm nhân nên nghe hiểu mà tăng trưởng trí huệ, quyết phải thành Phật, cho nên phước người ấy rất lớn, do tâm tùy hỷ phát sanh.

**“Tu Bồ Đề dĩ yếu ngôn chi, thị Kinh hữu bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng, vô biên công đức. Như Lai vị phát Đại Thừa giả thuyết, vị phát tối thượng thừa giả thuyết.”**

Này Tu Bồ Đề, lấy lời quan trọng nói đó thì Kinh này không thể nghĩ bàn, không thể xưng tán hết, vô biên công đức, Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết, vì người phát tâm tối thượng thừa mà thuyết”.

Giải: Ngài Thế Thân giải rằng trở xuống giải thích 2 lý do trong đó có 6 lần “lại nữa” như: 1/ Biểu lộ việc nghe hiêm hoi nên phát tâm tin pháp. Vì kẻ đại căn cơ mới thâm nhập, kẻ tiểu căn cơ không thể hiểu, như Kinh nêu: lấy lời quan trọng mà nói đó 2/ Biểu hiện thọ trì chân diệu pháp, nói thọ trì diệu pháp tức là gánh vác đảm đương Bồ Đề, như Kinh: những người như thế v.v.. 3/ Chỉ rõ người ấy quyết định thành tựu vô lượng công đức như Kinh này có ở nơi đâu nơi đó đều đáng tôn như Kinh ghi rõ 4/ Chỉ rõ xa lìa hết thảy mọi chướng, có nghĩa là chuyển chướng, như Kinh: thọ trì, đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh khi v.v.. 5/ Mau chứng pháp Bồ Đề như Kinh ghi: nếu lại có người sau này trong đời mạt pháp 6/ Biểu hiện thành tựu

được nhiều lực, đạt được đại diệu quả rõ ràng nhờ oai lực Kinh, như Kinh ghi: thiện nữ nhơn nơi đời mạt pháp sau này... Căn cứ vào câu Kinh có 2 ý: rõ ràng là công đức lớn, và việc trì tụng được phước viên mãn. Không thể nghĩ bàn tức chẳng thể nghĩ ngợi suy lường được. Không thể xưng tán là không có thể dùng ngôn ngữ mà xưng tán hết được. Vì người Đại thừa mà thuyết tức là định tánh đại thừa; vì người tối thượng thừa mà thuyết là bất định tánh Đại thừa. Vì có tánh nhị thừa nên nói rằng diệu pháp này tối cực khó suy lường. Tiểu thừa ý ưa thích thấp hẹp kém cõi đối với Kinh này không thể phát tâm cầu, nên nói vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết. Ngài Vô Trước giải rằng, dựa vào đây tán thán pháp và việc tu hành trong đó có 3 ý: 1/ tán thán giáo pháp 2/ tán thán việc tu hành 3/ như người ưa tiểu pháp.

**“Nhược hữu nhơn năng thọ trì, đọc tụng quảng vị nhơn thuyết, Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghì công đức”.**

Nếu có người hay thọ trì, đọc tụng, vì người giảng rộng, Như Lai ắt biết người đó, hẳn thấy người đó đều được thành tựu không thể suy lường, không thể xưng tán, không có giới hạn công đức không thể nghĩ bàn.

Giảng: Ngài Thế Thân giải: đây nêu trì tụng Kinh được phước viên mãn. Pháp này vì người Đại thừa mà thuyết, như có người thọ trì quyết đạt được vô thượng Bồ Đề, công đức không thể nghĩ bàn, nên đối kẻ sanh ít tín tâm vẫn hơn

người xả nhiều thân mạng. Ngài Vô Trước giải rằng, trong phần tán thán người tu hành có 3: 1/ người thọ trì, đọc tụng Kinh được chư Phật nhiếp thọ 2/ người này thành tựu công đức nhiều hơn 3/ đảm đương hay gánh vác Bồ Đề (Phật Pháp).

**“Nhu thị nhơn đẳng tác vi hà đãm Như Lai A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề”**

Những người như thế là đảm đương gánh vác đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.

Giải: Ngài Thế Thân giải: đây biểu thị 2 ý: thọ trì diệu pháp mà trong đó chỉ người đại căn cơ trì tụng là có khả năng gánh vác Bồ Đề; thứ đến: rõ ràng nhị thừa và phàm phu nghe không thể hiểu hết. Nói kẻ thọ trì đương nhiên phải chứng đạt Bồ Đề, dù hiện tại chưa đắc nhưng về sau ắt đắc nên nói gánh vác. Vác tức là mang vác, gánh có nghĩa quảy lên vai; nói thọ trì tức là gánh vác đảm đương được Phật pháp (Bồ Đề) vậy.

**“Hà dĩ cố, Tu Bồ Đề nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tắc ư thử Kinh bất năng thính thọ, độc tụng vị nhơn giải thuyết”.**

Tại sao? Nay Tu Bồ Đề, như người ưa pháp nhỏ chấp ngã, nhơn, chúng sanh, chấp thọ mạng thì đối với Kinh này không thể nghe hiểu, thọ trì, đọc tụng vì người mà giảng giải.



Giảng: Ngài Thế Thân phân đoạn này thành hai: ưa pháp nhỏ tức là nhị thừa, chấp ngã v.v... tức là phàm phu. Ngài Vô Trước giải rằng, đoạn văn lớn thứ 3 này, hai phần trước đã nói.

**“Tu Bồ Đề tại tại xứ xứ, nhược hữu thử Kinh nhưt thiết thế gian thiên, nhơn, a tu la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tắc vi thị tháp giai ưng cung kính tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ”.**

Này Tu Bồ Đề, ở bất cứ nơi nào nếu có Kinh này là hết thấy thế gian trời, người, A tu la phải nên cúng dường. Nên biết chỗ như thế thì là tháp đều nên cung kính làm lễ, đi nhiều chung quanh và đem hương hoa mà rải cúng nơi đó.

Giảng: Ngài Thế Thân giảng rằng, Kinh có nơi nào nơi đó đều đáng tôn trọng. Ngài Vô Trước nói đây là cõi trời thứ tư v.v.. cúng dường.

**“Phục thứ Tu Bồ Đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn thọ trì, đọc tụng thử Kinh, nhược vị nhơn khinh tiệt, thị nhơn tiên thế tội nghiệp ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhơn khinh tiệt cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Lại nữa Tu Bồ Đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn thọ trì, đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh chê, người này đời trước mắc tội đáng đọa đường ác, do đời này bị người khinh khi cho nên tội nghiệp đời trước được tiêu diệt nên đạt vô thượng chánh đẳng Bồ Đề.

Giảng: Đây là phần hoán chuyển chương thứ tư theo Ngài Thế Thân. Như đối pháp luận nghĩ tạo nghiệp có 5 như: 1/ Vì người khác dạy răn, tự mình không tham đắm 2/ Vì người khác khuyên mời như cúi ngược mà làm 3/ Không chỗ liễu tri như hải nhi, loài vật 4/ Chấp chặt từ gốc rễ như biết tội mà vẫn làm, đa phần thuộc người xuất gia phạm 5/ Phân biệt điên đảo, như không biết mà làm, phần nhiều thuộc người tại gia. Ba loại tạo nghiệp trước chưa hẳn đọa địa ngục, hai loại sau chắc chắn rơi địa ngục. Hai loại tạo nghiệp sau mình phải thọ, do hay thọ trì, đọa tụng Kinh nên chuyển nghiệp nặng đời trước thành hiện đời này bị người khinh dễ; đáng đọa đường ác nghiệp đều tiêu mất. Câu này trung dung, người thọ trì nếu khởi tâm tăng thượng, người trì tụng tội liền tiêu diệt, cũng như không bị người khinh dễ tức chuyển nặng thành nhẹ. Nếu kẻ tâm thấp kém mà thọ trì cũng chưa hẳn tiêu tội. Lại giải rằng, nếu thời kỳ quả báo đủ bất định tức tội hoàn toàn tiêu diệt. Quả báo thời kỳ quyết định bất định tức là đời sau phải thọ mà chuyển sang đời này thọ nhẹ. Do như vậy nên dù tin ít mà thọ trì được phước nhiều hơn người xả thân mạng đã nói trên. Ngài Vô Trước giải rằng, đây là diệt tội đoạn 5, trong đó có 3 ý: a/ Nêu rõ cách diệt tội b/ Đời sau vào thời mạt pháp chứng tỏ người thọ trì được nhiều phước c/ Nên biết Kinh này v.v... biểu hiện phước và quả không thể đo lường. Trong đó có 2: diệt tội và ta nghĩ quá khứ v.v... chứng tỏ oai lực. Vì do nghe hiểu trì tụng Kinh này nên theo học trí vô phân biệt chứng lý nhị không; hai chương đều quên hết mới thật là diệt tội. Vì do ngu si nên khởi

phân biệt mà ác nghiệp tội sanh, nếu nghe Kinh kỹ đạt trí huệ nên đoạn trừ phân biệt, tức là tội từ tâm sanh trở lại từ tâm diệt. Do thọ trì Kinh này nên diệt sạch được tội và trong hiện tại cũng chuyển tội nặng sang nhẹ.

**“ Tu Bồ Đề, Ngã niệm quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp u Phật Nhiên Đăng Phật tiền đắc trí bát bá tứ thiên vạn ức na do tha chư Phật tất giai cúng dường thừa sự vô không quá giả”.**

Này Tu Bồ Đề, Ta nghĩ về quá khứ trong vô lượng a tăng kỳ kiếp ở trước Phật Nhiên Đăng, gặp 840,000 ức vô số chư Phật thấy đều cúng dường, phụng sự không hề bỏ qua.

Giảng: Chúng đạt pháp Phật Bồ Đề, theo Ngài Thế Thân đây là điểm 5, trong đó có 2: trước nêu tự mình được phước, sau sánh với người thọ trì Kinh. A tăng kỳ kiếp như giáo lý Tiểu thừa từ 1 đến 10, 10 nhân 10 thành trăm, 10 nhân 100 thành ngàn, 10 nhân 1000 thành 10,000, 10,000 nhân 1000 thành một ức. (1,000,000,000). Như thế 60 tích số nhân lên nên gọi là A tăng kỳ. Nay Đại thừa lấy Kinh Hoa Nghiêm làm chuẩn: 120 tích số nhân lên thành một a tăng kỳ. Nhưng 100 vạn là một triệu, 1000 vạn là một ức. Đối trước Phật Nhiên Đăng tức là A tăng kỳ thứ 3 về trước, đầu A tăng kỳ 3 gặp Phật Nhiên Đăng nên là na do tha, tức là số ngàn vạn vạn năm trước. Vì ở trước Phật Nhiên Đăng gặp 840,000 vạn ức vô số chư Phật, trong đó có 2 pháp: cúng dường, phụng sự không bỏ qua. Song đây chỉ nêu lên con số mà không luận số bao nhiêu, vì được gặp Phật rất ít.

Vì đây nói còn tùy nơi một cõi, hai cõi v.v... mà trong đó được gặp chư Phật, không phải 2 tăng kỳ trước mới gặp Phật như thế. Vả dựa theo truyền thuyết Đức Phật Thích Ca trong sơ kiếp A tăng kỳ gặp 5 hằng hà sa chư Phật, A tăng kỳ thứ hai gặp 6 hằng hà sa Phật, A tăng kỳ thứ ba gặp 7 hằng hà sa Phật. Thế thì 2 A tăng kỳ trước đã gặp vô số chư Phật rồi tại sao chỉ riêng một kiếp gặp như thế chứ? Nên phải biết căn cứ theo thời phận nào gặp để nói mới được. Lại Kinh Niết Bàn ghi: kiếp sơ Bồ Tát gặp 5 hằng hà sa Phật, kiếp thứ hai, 6 hằng hà sa cho đến kiếp thứ tư gặp 8 nghìn hằng hà sa Phật. Dựa theo kiếp thứ 4 tức là Thập địa Bồ Tát, nên biết qua 2 tăng kỳ gặp vô số chư Phật. Song có Tông cho rằng, sơ A tăng kỳ gặp 7 vạn 5000 Phật, tăng kỳ thứ hai gặp 7 vạn 6000 Phật, tăng kỳ thứ ba gặp 7 vạn 7000 Phật. Ngài Vô Trước giải rằng, đây là hiển bày oai lực. Do vòi vọi cao thắng nên gọi là oai lực.

**“Nhược phục hữu nhưn ư hậu mạt thế năng thọ trì  
đọc tụng thử Kinh sở đắc công đức, ư ngã sở cúng  
dường chư Phật công đức bách phần bất cập nhưt, bách  
thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ sở bất năng  
cập”.**

Nếu lại có người ở vào thời mạt pháp mà hay thọ trì, đọc tụng Kinh này có được công đức, so với công đức cúng dường chư Phật của Ta trăm phần không bằng một, trăm nghìn vạn ức phần nãi đến đem toán tính hay thí dụ cũng không bì kịp.

Giảng: Đây là so sánh công đức thọ trì Kinh, theo Ngài Thế Thân giải thích. Do cúng dường chư Phật chỉ là phước báu trợ lực đạo Bồ Đề; nghe Kinh, trì tụng hay sanh trí tuệ hiểu rõ mới dứt trừ sanh tử. Nói Bồ Tát tuy là tu trăm nghìn các hạnh khác, nếu không tu tuệ ba la mật, rốt cuộc không thể ngộ lý đạt đạo, ngộ pháp chân như, đoạn trừ phân biệt căn bản sanh tử, vì thế nghe hiểu Kinh mau chứng Bồ Đề vậy.

**“Tu Bồ Đề, nương thiện nam tử, thiện nữ nơn ư hậu mạng thế hữu thọ trì, đọc tụng thử Kinh, sở đắc công đức ngã nương cụ thuyết giả, hoặc hữu nơn văn tâm tác cuồng loạn hồ nghi bất tín.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu thiện nam, tín nữ về sau này vào đời mạng pháp có người thọ trì, đọc tụng Kinh này đạt được công đức, nếu Ta nói đủ hoặc có người nghe tâm ất cuồng loạn, nghi ngờ không tin.

Giảng: Theo Ngài Thế Thân đây là đoạn 6, trong đó có 2: trước nêu rõ oai lực rộng lớn người nghe không tin, và biểu hiện chỗ đắc quả vi diệu không phải do cảnh suy lường. Ý nói rằng, từ vô thủy trở lại đối với hết thảy chúng sanh đã tạo nghiệp sát sanh, trộm cắp v.v.. tâm làm việc sát hại, trộm cắp là oán, là hại. Một lần nghe, một khi đọc Kinh này mà phát tâm Bồ Đề vĩnh viễn trừ dứt oán cừ. Đối với hết thảy chúng sanh luôn không có tâm giết hại, trộm cắp v.v.. mà cùng chúng làm cha mẹ, làm bạn cứu giúp dẫn dắt lẫn nhau. Luôn tìm cách làm bạn hữu, cũng như làm thân thuộc mà hành việc hiếu nghĩa, nhân chứng tỏ là thiện hữu

gieo thêm niềm tin tưởng là trung thân mà tỏ ra lương thiện, là minh quân làm phương tiện võ về cứu giúp, cho chí làm nam nữ hoặc người hèn kém v.v... Nếu là trưởng giả, trưởng giả trong hàng tôn quý như Ông Vô Cấu Xung (Duy Ma Cát) nói rộng các hạnh. Vị lai thành Phật công đức vô cùng vô tận, tương lai giáo hóa các chúng hữu tình. Công đức như thế là rộng lớn vô biên chỉ do nghe Kinh mà được phát sanh. Nếu như nói đủ kẻ ngu vô trí nghe rồi sanh hồ nghi. Nói cuồng loạn có nghĩa hoặc nghe Kinh không tin mà trái lại còn sanh tâm bài bác, là nhân cuồng loạn vậy. Hoặc do không tin đời này, cảm quả cuồng loạn ở đời sau. Ngài Vô Trước giải rằng, đây phần hiển bày phước nhiều, trong đó có 2 ý: đức nhiều khó tin khiến người nghe hồ nghi và phước sâu dày không thể nào đo lường được.

**“Tu Bồ Đề, đương tri thị Kinh nghĩa bất khả tư nghì, quả báo diệc bất khả tư nghì”.**

Này Tu Bồ Đề, nên biết Kinh này nghĩa không thể nghĩ bàn quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Giải: Vì Kinh rõ ràng là nghĩa vô tướng. Người tri Kinh phải đạt kết quả Bồ Đề. Giáo nghĩa Kinh tự đã khó lường mà quả báo cũng khó đo đạc. Kinh đề cập có 3 món chướng tâm khiến hiển lộ tâm ác, như người ngu, sách luận ngoại đạo và phụ nữ. Có 3 thứ vật che đậy lấp tâm tức là để lộ cái ác. Nếu kẻ trí đối với Kinh điển Phật pháp so như nhật nguyệt, do khi chưa mở quyển Kinh Bát Nhã này cũng như sách ngoại điển không khác; khi đã hiểu Kinh hoặc

diễn giảng hoặc đọc tụng hay trừ được trăm nghìn tội chướng của chúng sanh, hay đạt tới Bồ Đề. Người thọ trì Kinh được rất nhiều công đức, giả sử bỏ nhiều thân mạng cũng không sánh bằng.

**“Nhĩ thời Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn, Thế Tôn, thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm”.**

Lúc bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn: có thiện nam, tín nữ phát tâm vô thượng Bồ Đề, phải trụ tâm như thế nào? Và phải hàng phục tâm ra sao?

Giảng: Ngài Thế Thân giảng rằng đây là vòng 2 Phật thuyết. Vì ở trên chưa hiểu phát tâm nên dạy khiến phát tâm; chưa hiểu tu hành nên dạy khiến tu hành; chưa thể nhiếp phục đoạn dứt các chướng dạy khiến cho hàng phục. Nay một vòng này là phát tâm; Bồ Tát nói: Ta hay phát tâm cho chí đệ tam đã đoạn dứt chướng, nói Ta có thể đoạn, do niệm phân biệt nên bị ngăn chướng Bồ Đề. Phân biệt có nghĩa là sở tri chướng làm ngăn chướng không trụ đạo được. Nói nếu phát tâm tu hành tùy thời dùng trí vô phân biệt ngộ được chân lý. Không niệm phân biệt cho ta như thế này thế kia gọi là không trụ đạo, tức không trụ sanh tử và Niết Bàn. Nếu có phân biệt là không thể chứng ngộ nên bị chướng. Cho nên Nhị thừa chấp pháp là Niết Bàn, bị câu thúc tức chấp vắng lặng. Phạm phu chấp có sanh là bị sanh tử buộc không thể thoát khỏi. Bồ Tát đầy đủ trí đại bi không bị 2 bên buộc nên nói vô trụ. Nếu tu có chấp là bị Niết Bàn trói buộc. Nếu không tu mà chấp là bị sanh tử

buộc nên gọi là có trụ. Quan trọng là thực hành cả 3 mà không khởi ngã chấp mới trụ được nơi vô trụ, hoặc trước vì người lợi căn sơ cơ, sau vì người độn căn đến sau. Căn cứ trong đây trước phải nêu rõ phần chánh tông kể vào thời Phật Nhiên Đăng, giải thích các nghi vấn. Phần chánh tông có 2: Ngài Thiện Hiện hỏi và Phật trả lời. Ngài Vô Trước giải rằng, đoạn 15 này là lúc chúng đạo xa lìa vui mừng dao động tức là lìa chương trụ xứ thứ 11 lìa bỏ chấp thủ nên có đoạn này. Vì Bồ Tát đối với lúc phát tâm tu tập tự thấy được thắng xứ nên suy nghĩ rằng ta hay phát tâm tu hành v.v... Như thế tự cho là lời nói hơn, ngoài ra không vậy, vì làm cho xa lìa chấp nên gọi là tự mình chấp.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm giả, đương sanh như thị tâm: ngã ưng diệt độ nhưt thiết chúng sanh, diệt độ nhưt thiết chúng sanh dĩ nhi vô hữu nhưt chúng sanh thật diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tác phi Bồ Tát”.**

Phật bảo Tu Bồ Đề, thiện nam, tín nữ phát tâm vô thượng Bồ Đề nên sanh tâm như thế này: ta nên diệt độ hết thảy chúng sanh; diệt độ hết thảy chúng sanh mà thật không có một chúng sanh nào diệt độ cả. Tại sao thế? Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, tướng thọ giả thời chẳng phải Bồ Tát.

Giảng: Ngài Thế Thân nói: y cứ lời Phật đáp đây có 2: trước trả lời câu hỏi đầu để đưa 2 câu khác một góc cạnh,



sau giải thích nghĩa vô trụ. Ý nói rằng, phát tâm tu hành vốn là dứt trừ bệnh mà vẫn còn bệnh ngã chấp tới lúc chuyển sanh; muốn khiến cho dù là phát tâm trong quên tự ngã đừng nghĩ ta hay tu hành, cũng như ta hàng phục tâm. Đó là trả lời câu hỏi đầu, ngoài ra cần phải biết. Song trong đoạn này dựa theo trước cũng có 4 tâm cho rằng ta nên diệt độ là đệ nhứt tâm; hết thấy chúng sanh là tâm quảng đại; còn 2 tâm khác như Kinh nêu đầy đủ. Ngài Vô Trước giải rằng trong đây trả lời 3 nghi vấn trước, nên sanh tâm như thế để trả lời câu hỏi đầu. Diệt độ hết thấy chúng sanh mà thật ra không có một chúng sanh nào diệt độ, đây là trả lời câu hỏi thứ hai. Như khi độ chúng sanh không sanh chấp cho rằng ta hay làm như thế, cần yếu là ngoài phải không có tướng chúng sanh, trong không khởi ngã chấp. Khế hợp chân lý mà độ chúng sanh mới là tu hành. Nếu Bồ Tát có tướng ngã v.v.. để trả lời câu hỏi 3, cần ngộ lý nhị không: nhơn và pháp, nhị chương mới có thể trừ dứt nên gọi là hàng phục, nếu cho rằng ta hay... là chẳng lãnh hội.

**“Sở dĩ giả hà, Tu Bồ Đề, thật vô hữu pháp phát A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề giả.”**

Tại vì sao thế? Nay Tu Bồ Đề, thật không có pháp phát vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Ngài Thế Thân giải thích, bị ngăn chướng nên không trụ đạo. Như trong lấy trí vô phân biệt trong lúc ngộ rằng ngã-pháp vốn không đều vô sở hữu; không nghĩ ta hay phát tâm nên nói không có pháp phát tâm.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở hữu pháp đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai nơi Phật Nhiên Đăng có pháp đạt được vô thượng chánh đẳng Bồ Đề không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân nói rộng phá các nghi vấn có 6 điểm: 1/ Nghi rằng đã nói không có pháp gọi là Bồ Tát, tại sao Phật Thích Ca nơi Phật Nhiên Đăng có rải hoa cúng dường và trải tóc lót bunn, như thế là tu hạnh Bồ Tát chăng? 2/ Ngài Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng như thế nên nghi rằng, nếu không có Bồ Tát chư Phật cũng không chứng thành Bồ Đề, chúng sanh cũng không nhập đại Niết Bàn. Nếu như thế là nghĩa thế nào, nên Bồ Tát phát tâm muốn khiến chúng sanh nhập Niết Bàn chăng? Hai nghi vấn này nên dựa theo phần chánh tông ở trước có nêu rõ, sau còn 4 nghi vấn, nhân đó lần lượt giải thích mỗi hồ nghi, đây là phá trừ nghi đầu, trong đó có 3 ý: a/ Phá bài bác không có Bồ Tát, như nghĩ rằng thật không pháp phát tâm Bồ Đề tức là không có Bồ Tát. Tại sao Như Lai nơi Phật Nhiên Đăng có tu Bồ Tát hạnh, như Kinh ghi rằng như Lai đối với chỗ Phật Nhiên Đăng b/ Đề trừ bài bác không có chư Phật. Luận rằng, nếu không Bồ Tát thì ai thành Phật? Vì chư Phật cũng không? Luận rằng, nếu không Bồ Tát tức là không chư Phật. Có bài bác như thế là nhắm một mặt không có chư Phật, như Kinh ghi, Như Lai ấy tức là như nghĩa các pháp c/ Phá trừ bài bác không có Bồ Đề. Luận

rằng, nếu không có chư Phật thì không có Bồ Đề có thể đắc, vì chư Phật không đạt Bồ Đề, như Kinh dẫn: Như Lai đắc vô thượng chánh đẳng Bồ Đề trong đó không thật không hư. Ba câu trên gồm có: Phật hỏi, Ngài Thiện Hiện trả lời và Phật tóm kết. Ngài Vô Trước nói rằng đây là đoạn 16: cầu Phật chỉ dạy nên lìa chương trụ xứ trong trụ xứ 12 là lìa không giáo hóa. Như trên nói thật không có pháp gọi là Bồ Tát, thế thì nơi Phật Nhiên Đăng Bồ Tát cầu gì? Cũng dạy vô ngôn mà có thể cầu nghe được nên lìa chương này. Căn cứ trong đoạn văn có 5 điểm: 1/ Lìa không giáo thọ, Kinh ghi rằng, Như Lai nơi Phật Nhiên Đăng 2/ Bồ Đề không thể thuyết, lời Phật Nhiên Đăng không gọi Bồ Đề chẳng phải lời NHƯ, Kinh ghi: nếu có pháp Như Lai đạt được 3/ Giải thích nghĩa các pháp lìa ngôn thuyết như Kinh dẫn: Như Lai ấy tức là các pháp như nghĩa 4/ Có lời để thuyết. Phật Thích Ca nơi Phật Nhiên Đăng không đắc Bồ Đề, về sau này mới tự chứng chánh giác. Vì lìa chấp này nên như Kinh: nếu có người nói Như Lai đạt Bồ Đề. 5/ Hiện bày chân như bất nhị, như Kinh nêu: Tu Bồ Đề, Như Lai có chứng đắc. Câu trên cũng có 3 phần như Ngài Thế Thân phân tích. Câu hỏi đầu theo ý Ngài nói rằng, chấp vọng là có sở đắc. Như Lai nơi Phật Nhiên Đăng phát tâm chứng như-pháp lý nhị không, trong đó chỗ chấp đều vô sở đắc. Song đối với vô sở đắc cho là đạt Bồ Đề, nói có pháp đắc Bồ Đề không? Như hỏi Ngài Thiện Hiện rằng trong chân lý có pháp đắc Bồ Đề không?

**“Phát dã, Thế Tôn. Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở vô hữu pháp đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Không, thưa Thế Tôn. Như con hiểu nghĩa Phật nói, Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: đây là câu trả lời thứ hai.

**“Phật ngôn, như thị, như thị Tu Bồ Đề, thật vô hữu pháp Như Lai đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Phật dạy: đúng vậy, đúng vậy, này Tu Bồ Đề, thật không có pháp Như Lai đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Đây là câu thứ ba, Phật tán thành, trong đó có thừa nhận và giải thích. Vì lý chân như không có sở đắc cũng không thọ ký, đều không nên Ngài Duy Ma nói rằng: nếu dựa vào sanh được thọ ký thì như không có sanh; nếu dựa vào diệt được thọ ký thì như không có diệt v.v.. Lý chân như không thọ ký nên chỉ nói trong lý chân không thật pháp nhưng có thể phát tâm, không nói cũng không chân trí có thể ngộ Bồ Đề là Bồ Đề, cho nên theo sự, Bồ Đề cũng chẳng không. Ngài Vô Trước nói rằng, lúc ngộ chân là không pháp có thể đắc. Nói không pháp nhưng có thể phát tâm, không phải trong sự, cũng không ngôn thuyết mà có thể nghe rõ.

**“Tu Bồ Đề, nhược hữu pháp Như Lai đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề giả, Nhiên Đăng Phật tác bất dữ ngã thọ ký: như lai thể đương đắc tác Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni”.**

Này Tu Bồ Đề, nếu có pháp Như Lai đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho Ta rằng, người ở đời sau hẳn được làm Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Giảng: Ngài Thế Thân giải thích trong phần này có hai: bác hiển lộ và thuận tán thành. Nếu nói ở thời Phật Nhiên Đăng có pháp đạt Bồ Đề thời là có sở đắc; có sở đắc tức là bị chấp hữu. Có chấp Hữu nên không ngộ được chân như; không ngộ chân như nên đây là phạm phu làm thế nào thọ ký cho Ta được? Chỉ có tâm ngộ chân như, đối với nhị thừa ngã-pháp đều không sở đắc. Không sở đắc nên ngộ được chân; khế ngộ chân nên 2 chấp đều trừ dứt. Chấp đã dứt sạch mới có thể thành Phật. Vì thế, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta, vì biết Ta ngộ chân vô sở đắc. Ngài Vô Trước nói: đây là lần thứ hai Phật Nhiên Đăng nói không xung Bồ Đề, không chấp ngôn từ. Ý Ngài rằng Thích Ca Như Lai không thể vin lời Phật Nhiên Đăng như ngôn thuyết mà đắc Bồ Đề, vì trí chúng chân vô sở đắc. Nếu Phật Nhiên Đăng có thể thuyết Bồ Đề là Phật Thích Ca như lời mà chấp tức tâm có phân biệt chưa ngộ chân làm sao Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta được. Vì không theo lời nói chấp đạt được nên Ta mới được thọ ký.

**“Dĩ thật vô hữu pháp đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký tác thị ngôn: như lai thể đương đắc tác Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni”.**

Do thật không có pháp đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta mà nói rằng: người ở đời sau phải được làm Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Giảng: Đây là ý thuận.

**“Hà dĩ cố? Như Lai giả tức chư pháp như nghĩa”.**

Tại sao thế? Vì Như Lai ấy tức là các pháp như nghĩa.

Giảng: Ngài Thế Thân giải rằng: trừ nghi bác không Phật, trong đó có 2: có pháp thân, và ngăn chặn hư thuyết. Có người nghi rằng, nếu không Bồ Tát là không có người thành Phật, Phật cũng không. Vì để phá trừ nghi vấn này nói có Phật, do chúng sanh vọng chấp nên lấy 5 uẩn làm thân, bậc trí hiểu rõ chóng hư chóng hoại đều không thật hữu (có thật); chỉ có chân lý thường hằng mà lại là chân như nên thường luôn không biến đổi. Chân nên lìa vọng và không điên đảo. Chân lý đây nước, lửa không thể làm hại được; gió, giặc không thể phá hoại. Có Phật, không Phật bản tánh hằng nhiên, như thuyết hay không thuyết nghĩa không thay đổi. Chỉ do phàm phu vọng chấp điên đảo nên chấp thân là thân mà không quán thân yếu đuối lâu dài. Bậc Thánh biết đúng nên không chấp nơi thân, chỉ quán chân lý là có thể ngộ ngay. Sanh tử tiêu vong, vọng chấp

đều dứt sạch, chân lý hiển lộ nên gọi là Như Lai. Lấy đây chứng minh chẳng phải không Phật.

Ngài Vô Trước nói: phần này giải thích nghĩa lia ngôn thuyết. Hỏi có sao pháp ấy nói có phân biệt chứ? Vì gốc các pháp vốn NHƯ trí thanh tịnh mới ngộ được chân, không phải chỉ lời nói mà ngộ được.

**“Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề thị nhơn bất thật ngữ”.**

Như có người nói rằng, Như Lai đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác, người ấy không thật ngữ.

Giảng: Đây là chướng do lời hư dối, trước ngăn lời hư của người nói, sau thành không đắc.

Như Lai đã là chân như đầu có ngôn thuyết mà xưng thật, nên nếu thuyết là không thật ngữ mà chỉ do phân biệt. Ngài Vô Trước nói rằng, đây là điểm 4 phá ngoại nghi. Như nghi rằng Phật Thích Ca nơi Phật Nhiên Đăng không đạt Bồ Đề, mà thời gian sau này mới đạt được vì muốn đoạn chấp. Trong đây cũng có 2: trước đưa ra ngoại chấp và tiếp theo chỉ rõ việc không đắc. Đã không pháp để đắc sao về sau còn chấp thủ nên tạo lời này là không thật. Ở đây trong Kinh ghi: phiên nào không thật ngữ như các sách khác đều có nêu rõ.

**“Tu Bồ Đề thật vô hữu pháp Phật đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề”.**

Này Tu Bồ Đề thật không có pháp Phật đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Nhân mạnh không pháp chứng đạt Bồ Đề.

**“Tu Bồ Đề Như Lai sở đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề, u thị trung vô thật vô hư.”**

Này Tu Bồ Đề chỗ Như Lai đắc vô thượng Bồ Đề trong đó không thật không hư.

Giảng: Đây là ý Ngài Thế Thân có 2 phần: phá ngoại nghi và nêu thí dụ rõ nhất là thân. Phá ngoại nghi có 3 ý: Sở đắc là không thật không hư, kể hiển tỏ pháp chỉ có Phật đắc và sau tóm tắt lại. Ngài Vô Trước nói: đây là điểm thứ 5: nghĩa chân như bất nhị. Trong đó có 3: chân như y ngôn ly ngôn, kể nêu rõ pháp tánh là pháp chỉ có Phật đạt được, sau tổng kết. Ngài Thế Thân giải thích có người bài báng rằng Như Lai không đắc Bồ Đề, là đoạn trừ nghi vấn này, Như Lai có đắc Bồ Đề là không thật không hư. Nói Như Lai đắc Bồ Đề nên cho rằng không hư (tức thật). Không thật là tướng hữu vi nên nói là không thật. Ngài Vô Trước giải thích rằng, không thể y như lời mà chấp nên không thật; cũng không lìa lời để cầu nên không hư. Phạm phu nói hư vọng nên không thật, chư Phật nói đúng phải y theo nên không hư. Phạm phu nói không đắc nên không thật, lời Phật chính xác nên không hư. Nếu ly ngôn mà cầu tức là không nhân Bồ Đề gọi là không thật. Quan trọng nhân nghe giáo pháp mới ngộ được là nhân Bồ Đề nên là không hư. Nếu như theo ngôn thuyết mà chấp thì vương



trong sanh tử không thoát ra khỏi nên không thể như lời nói tức là xứng pháp, lời nói mới hợp chân. Chỉ vâng theo lời Phật mà tu sau đó lãnh hội là lúc tự ngộ. Vì thế Phật nói “hết thấy các pháp đều là Phật pháp”.

Giảng: Đây nói pháp chỉ Phật chứng đạt. Hết thấy các pháp có nghĩa là chân lý – bản thể của vạn pháp - nên gọi là tất cả. Đều là Phật pháp tức là độc nhất chỉ Phật chứng đắc, ngoài ra không ai chứng đắc.

**“Tu Bồ Đề sở ngôn nhưt thiết pháp giả tức phi nhưt thiết pháp, thị cố danh nhưt thiết pháp”.**

Này Tu Bồ Đề như nói hết thấy các pháp đó tức chẳng phải là hết thấy pháp, ấy gọi là tất cả pháp.

Giảng: Phân tổng kết. Nói hết thấy các pháp có nghĩa pháp Phật chứng là không phải hết thấy pháp, không phải người khác đạt được pháp ấy, là pháp không phân biệt tướng.

**“Tu Bồ Đề thí như nhơn thân trường đại. Tu Bồ Đề ngôn: Thế Tôn, Như Lai thuyết nhơn thân trường đại tấc vi phi đại thân, thị danh đại thân.”**

Này Tu Bồ Đề ví như thân người to lớn. Tu Bồ Đề thưa, bạch Đức Thế Tôn: Phật nói thân người to lớn là chẳng phải thân lớn, ấy gọi là thân to lớn.

Giảng: Ngài Thế Thân giải thích thí dụ nêu rõ thân. Nói trường giả dụ báo thân mà các Kinh khác nói là thân vi diệu. To lớn dụ pháp thân. Hai loại thân này do là hai

chương phiền não và sở tri mà đạt được. Nói thân người to lớn có nghĩa là hai thân pháp và báo thân. Là chẳng phải thân lớn có nghĩa không phải thân do vọng tưởng phân biệt. Ngài Vô Trước giải thích rằng từ đây trở xuống chương 17 là phần chứng đạo. Ngoài ra trong 8 trụ xứ đây là thứ 5 tịnh tâm trụ xứ, như trở lui 16 chương trong đó có 4 trụ xứ sai biệt là tín, hành địa, địa tiền, phàm phu tu trong một a tăng kỳ kiếp. Đây là tịnh tâm địa mà hàng thập địa Bồ Tát tu tập. Trong đó trước chỉ bày lúc chứng đạo đạt được trí tuệ nên Bồ Tát cũng lìa mạn như thế. Nói nhập địa tức là Bồ Tát đắc 2 loại trí: 1/ Nhiếp chủng tánh trí 2/ Bình đẳng trí. Nếu đạt trí được sanh nhà Như Lai, quyết định được nối dõi giòng Phật. Đây là nhiếp chủng tánh trí. Thanh tịnh pháp giới là chỗ ở của Phật gọi là nhà Như Lai. Nhập địa Bồ Tát do trí vô phân biệt trong đó chứng ngộ gọi đó là sanh. Như thế Bồ Tát ắt được nối dõi giòng Phật nên gọi là nhiếp chủng tánh trí. Nên biết địa tiền Bồ Tát chưa sanh vào nhà Như Lai nên tuy là Phật tử vẫn còn xa lạ lơ là nên không gọi là nối dõi giòng Phật. Người Nhị thừa tuy cũng là Phật tử mà chỉ cầu tự lợi cũng không kham nối dõi. Nhiếp luận cho rằng người Thanh Văn như đứa con hèn vô trí. Hết thầy phàm phu tuy cũng được Phật nhiếp thọ, cũng được che chở và luôn được thương tưởng. Nhưng vì chưa phát tâm Bồ Đề nên cũng không kham nối việc nối dõi, chỉ nhập Phật địa Bồ Tát thân sanh xuất tử nơi chân pháp giới nên kham nối dõi giòng Phật. Luận rằng, như đối với gia trưởng nhà này ban đêm muốn sanh vào liền được sanh tức có thân, ấy gọi là diệu thân. Như địa tiền Bồ Tát là nhà này

trong đêm dài tinh tấn mong muốn nên nhập sơ địa liền đạt được diệu thân. Trí bình đẳng lại có 5 loại làm nhân duyên như: 1/ Thô ác bình đẳng có nghĩa nhập sơ địa vì thân nữ nhơn đệ bát trụ xứ trong 3 đường ác đều đã lìa nên gọi chung là bình đẳng 2/ Pháp vô ngã bình đẳng, như đạt lý nhị không bình đẳng 3/ Đoạn tương ưng bình đẳng, vì tánh đoạn tức là đạt pháp trạch diệt tương ứng với đoạn nên gọi là đoạn tương ưng bình đẳng 4/ Tâm vô hy vọng tương ưng bình đẳng có nghĩa kiến đạo trước học quán chân như, mong muốn hy vọng nhập sơ địa đã ngộ chân pháp giới cùng với tâm vô hy vọng chứng bình đẳng nhưng tương ứng 5/ Hết thấy Bồ Tát chứng đạo bình đẳng như trăm sông khác dòng cùng đổ về biển cả. Vạn hạnh tuy khác, một khi nhập sơ địa cùng chứng biển pháp chân như, được bình đẳng nên gọi là thân lớn. Giải rằng đạt được niệp chủng tánh trí này là báo thân; đạt bình đẳng là pháp thân, diệu thân hay đại thân như các ví dụ nêu dẫn.

**“Tu Bồ Đề, Bồ Tát diệt như thị, nhược tác thị ngôn: ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh tặc bất danh Bồ Tát”.**

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng như thế, nếu nghĩ rằng ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh ắt không gọi là Bồ Tát.

Giảng: Ngài Thế Thân nói trong đoạn giải thích nghi vấn này có 3: 1/ Đối với gốc chính sanh hồ nghi, như trên nói không có pháp phát tâm Bồ Đề, thế là Bồ Tát không cũng không đạt thành Bồ Đề. Nếu không có chúng sanh giáo hóa khiến ai nhập Niết Bàn? Nếu không có Bồ Tát ai

trang nghiêm tịnh độ? 2/ Nhân đây phá nghi mà cho là Bồ Tát không thấy kia là chúng sanh, không thấy ta là Bồ Tát. Ấy là Như Lai không thấy nên nói là vô chúng sanh, vì thật không chúng sanh nên Phật mới không thấy chứ? 3/ Có người nghi rằng hướng tâm trụ diên đảo; nếu như thế phước đức cũng là diên đảo. Nếu là diên đảo lấy gì gọi là thiện pháp? Như Kinh ghi, nếu đem 7 báu đầy cõi 3 ngàn đại thiên bố thí, dựa vào đó có 3 điểm nghi: 1/ Nếu không Bồ Tát thì chư Phật cũng không thành Bồ Đề 2/ Nếu không chúng sanh thì cũng không có nhập Niết Bàn 3/ Nếu không Bồ Tát thời cũng không nghiêm tịnh cõi Phật. Đây là giải thích 2 điểm nghi đầu. Ý nói Bồ Tát chấp rằng Ta đặc Bồ Đề có khác với chúng sanh để độ tức không gọi là Bồ Tát, vì có ngã, như v.v... Nếu vậy, như thế nào là đặc Bồ Đề hay làm cho chúng sanh nhập Niết Bàn? Vì chúng sanh tạm có ví như người huyễn, vì người huyễn thuyết pháp do 5 uẩn hòa hợp giả có chúng sanh khiến đạt vô dư Niết Bàn. Không như chấp thật chúng sanh nên không thấy có chúng sanh diệt độ. Vì có giả Bồ Tát cầu chứng nên chư Phật đặc Bồ Đề mà không chấp thật Bồ Đề; cũng không có Bồ Tát. Kinh Niết Bàn quyển 13 ghi rằng: 5 âm hòa hiệp nói có Giáp, Ất, người phạm cho là thật có Giáp, Ất... Người trí biết âm không có Giáp, Ất, danh tự lia âm cũng không có tên gọi Giáp Ất.

**“Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề thật vô hữu pháp danh vi Bồ Tát. Thị cố Phật thuyết nhưt thiết pháp vô ngã, vô nhưn, vô chúng sanh, vô thọ giả”.**

Tại sao thế? Nay Tu Bồ Đề thật không có pháp gọi là Bồ Tát. Vì thế Phật nói hết thấy pháp đều không ngã, không nhọn, không chúng sanh, không người thọ.

Giảng: Không có pháp gọi là Bồ Tát. Như nếu có thật pháp đều do chúng sanh tạo thành nên có thể gọi là Bồ Tát. Pháp đã không có thật nên cũng không thành Bồ Tát. Phật nói hết thấy pháp không ngã, nhọn v.v... Khi chúng chân đạt lý vô ngã không còn thấy có hai chấp nhọn-pháp nên là Bồ Tát. Ngài Vô Trước nói rằng, trở lên ví thân người như thân diêu, thân đại... chúng tỏ đã chúng đạo, đây là lia cao mạn. Như địa tiền cho rằng ta hay tu hành v.v... mà bị chướng ngại không trụ đạo; nhập địa trở lên ngộ đạt pháp giới nhị không bình đẳng. Mọi phân biệt ngã - pháp v.v... đều quên nốt, hoàn toàn vô ngã nên gọi là lia mạn. Luận rằng, nếu Bồ Tát có nghĩ chúng sanh thì không đạt diêu thân, đại thân. Đối với diêu thân có nghĩa là thân đạt được, thân thành tựu được hoàn toàn chuyển y. Đại thân là thân bao hàm hết thấy thân chúng sanh. Ta nói chuyển y tức là sở đắc Bồ Đề, Niết Bàn.

**“Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát tác thị ngôn: ngã đương trang nghiêm Phật độ thị bất danh Bồ Tát”.**

Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nghĩ rằng: Ta phải trang nghiêm cõi Phật, đó không gọi là Bồ Tát.

Giảng: Ngài Thế Thân nói: đây là dứt trừ nghi. Có người nghi rằng, nếu không Bồ Tát thì cũng không trang nghiêm cõi Phật Tịnh Độ. Trong đó ý cho rằng, như muốn

trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật ắt phải nghiêm tịnh tự tâm, như nghe Kinh, tu tập trí huệ, ngộ chân lý dứt trừ hai chương. Nội tâm thanh tịnh nên ngoại cảnh cũng tịnh. Như con một gỗ thấy xá lợi sạch trong thành dơ, chỉ do nội tâm sạch dơ không đồng; cảnh bên ngoài cũng có tịnh-úế khác nhau. Nếu muốn nghiêm tịnh cõi Phật trước hết phải trừ hai chấp ngã-pháp. Quên hẳn phân biệt ngã-pháp nên trong đủ trang nghiêm, ngoài trụ chỗ có thất bảo. Nếu nói Ta phải trang nghiêm tức là còn ngã chấp chưa dứt hết không gọi là Bồ Tát. Luận giải rằng, trí tập duy thức thông. Ngoài ra Ngài Vô Cấu Xung nói rằng, tâm tịnh nên độ tịnh, lại cũng nói: nhẫn nhục, giữ giới v.v... làm 10 điều thiện... là tịnh độ của Bồ Tát.

**“Hà dĩ cố, Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”.**

Tại sao thế? Như Lai nói trang nghiêm Phật độ ấy tức chẳng phải trang nghiêm; ấy gọi là trang nghiêm.

Giảng: Trang nghiêm cõi Phật trong đó có 2: vô tướng là chân trang nghiêm, đạt lý là chân Bồ Tát. Như Lai nói trang nghiêm có nghĩa là vô tướng trang nghiêm; tức phi trang nghiêm, đó mới thật là trang nghiêm.

**“Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ Tát”.**

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát hiểu rõ pháp vô ngã, Như Lai gọi đó đúng là Bồ Tát.

Giảng: Nếu Bồ Tát đạt được ngã-pháp KHÔNG tức chứng lý vô ngã là chân Bồ Tát cũng là chân trang nghiêm. Nếu có ngã-pháp vốn không phải là Bồ Tát cũng không phải trang nghiêm. Ngài Vô Trước nói rằng từ đây trở xuống đều cầu Phật địa. Nói từ đây trở xuống có nghĩa cho đến hết Kinh. Trong phân biệt 18 trụ xứ, trong đó thứ 6: cứu cánh trụ xứ, trong ba địa là thứ ba: Phật địa, có 6: 1/ Cõi nước tịnh hoàn toàn, như Kinh: nếu Bồ Tát nghĩ rằng ta phải trang nghiêm v.v.. 2/ Đủ trí vô thượng, như Kinh ghi: Như Lai có nhục nhãn không v.v.. 3/ Hoàn hảo thân tướng, như Kinh: Phật có thể dùng sắc thân thấy không? 4/ Tướng trang nghiêm như Kinh: có thể dùng các tướng thấy Như Lai không? 5/ Lời nói đầy đủ, như Kinh: người dùng cho rằng Như Lai tạo suy nghĩ ấy 6/ Tâm cụ túc, như Kinh ghi: và có chúng sanh ở đời vị lai v.v.. Ý nói rằng vì chư Bồ Tát đối với tiền thập địa đã tu hành viên mãn, đoạn dứt 2 chấp: nhơn-pháp, thành tựu pháp thân Bồ Đề nên gọi là cõi nước đầy đủ thanh tịnh. Trong đó phân thành 4 tiết: 1/ Vì cõi nước tịnh nên đầy đủ tam ma đề (sammadhi: thiền định) như Kinh: nếu Bồ Tát nghĩ v.v... 2/ Vì dứt chướng nên thiết lập đệ nhất nghĩa, như Kinh ghi: Như lai nói trang nghiêm... 3/ Vì 2 loại vô ngã nên Kinh ghi: nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã 4/ Vì đối với 2 loại vô ngã mà có 2 loại chánh giác, như Kinh dẫn: Như Lai nói đúng là Bồ Tát. Tại sao hiển bày những điểm này? Nếu nói ta thành tựu là chấp nhơn-ngã; trang nghiêm quốc độ là chấp ngã-pháp, đây không phải là Bồ Tát.

**“Tu Bồ Đề, u ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ? Như thị Thế Tôn, Như Lai hữu nhục nhãn.”**

Này Tu Bồ Đề ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không? Đúng vậy, thưa Thế Tôn, Như Lai có nhục nhãn.

Giảng: Có người nghĩ rằng, trên nói Bồ Tát không thấy chúng sanh, không thấy ngã là Bồ Tát không thấy cõi Phật thanh tịnh. Tại sao thế? Vì các pháp KHÔNG nên không thấy, vì chư Phật tự không thấy chẳng? Nay đoạn này phân làm 2: Phật có thể thấy nên nói 5 loại mắt, và như sông Hằng... chứng minh chỗ thấy. Đoạn 5 loại mắt phân thành 5, mỗi câu Phật hỏi và Thiện Hiện trả lời. Phần này rõ ràng có nhục nhãn (con mắt thịt phàm phu). Ngài Vô Trước nói từ đây trở xuống loại thứ hai là thấy vô thượng đủ trí thanh tịnh, trong đó có 3 điểm: trước là thấy vô thượng đủ trí thanh tịnh nên nói Phật có 5 loại mắt pháp, tiếp đến ví như sông Hằng là trí vô thượng thanh tịnh cụ túc nên Phật biết được tâm chúng sanh, và sau nếu có người lấy của báu đầy... là phước đầy đủ tự tại. Năm loại mắt phân làm 5 đoạn như trên đã nói. Vì ngoài có nghi vấn hướng vào nói dùng trí vô phân biệt, trong ngộ chân lý đúng là trang nghiêm, đối ngoại tướng lúc ngộ chân lý đều không thấy. Vì duy Phật có huệ nhãn quán xét lý và ngoài ra các mắt khác không thấy. Vì giải thích điểm nghi này nên nói Phật có 5 loại mắt, luận ý là như thế. Lại cũng luận rằng nếu bỏ bớt còn 4 loại mắt. Vì sắc bao hàm đệ nhất nghĩa đế cũng bao hàm cả thế đế, bao hàm nhứt thiết chủng, nhứt thiết ứng tri. Sắc lại bao hàm 2 loại có nghĩa là quả pháp và quả



tu, đây là 5 loại mắt ở cảnh giới thô, tức bao hàm sắc trước tiên. Giải rằng, nhục nhãn và thiên nhãn do sắc căn là tánh như tịnh sắc do 4 đại tạo tác, hoặc dị thực dưỡng thành nên nói nhục nhãn; đây gọi là quả pháp. Đây chung cho các cõi khác và tứ thiên, nếu tu thiên dứt nhiễm mà đạt gọi là quả tu vậy, chỉ cõi tứ thiên có. Như đối với các sắc nội ngoại, hai bên, ở giữa, trên, dưới đều có thể thấy hết. Luận rằng, đệ nhứt nghĩa đủ trí lực nên thế trí không thể lay chuyển. Vì thế, đệ nhứt nghĩa để bao hàm trước nhất, đối trong là người nói pháp. Nếu pháp là người bày ra trí ấy gọi là pháp nhãn. Như quan trọng huệ nhãn quán lý nên pháp nhãn biết căn cơ thuyết pháp đạt tới không điên đảo là người thuyết. Ý này cho rằng sở thuyên năng thuyên quán lý quán sự, quán lý biết cơ như huệ nhãn. Luận rằng, tất cả nên biết trong nhưt thiết chủng vô công dụng trí thuyết gọi là Phật nhãn. Bồ Tát Long Thọ nói nhắm người sai biệt như ở phạm phu gọi là nhục nhãn, thiên nhãn, nơi Nhị thừa là huệ nhãn, Bồ Tát là pháp nhãn, đối với Phật là Phật nhãn, con mắt đây cũng đều vô ngại vậy.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ? Như thị Thế Tôn, Như Lai hữu thiên nhãn. Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Như Lai hữu huệ nhãn phủ? Như thị Thế Tôn, Như Lai hữu huệ nhãn. Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ? Như thị Thế Tôn, Như Lai hữu pháp nhãn. Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ? Như thị Thế Tôn. Như Lai hữu Phật nhãn.”**

Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có thiên nhãn không? Đúng vậy bạch Thế Tôn, Như Lai có thiên nhãn. Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có pháp nhãn không? Đúng vậy bạch Thế Tôn, Như Lai có pháp nhãn. Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không? Đúng vậy, bạch Thế Tôn, Như Lai có Phật nhãn.

Giảng: giải thích 4 loại mắt trước sau rõ ràng như trên.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?”**

Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Như sông Hằng có nhiều cát Phật có nói số cát ấy không?

Giảng: Ngài Thế Thân nói: trở lên đã nói Như Lai có 5 loại mắt rõ ràng có thể thấy, từ đây chứng minh Phật biết mỗi loài chúng sanh khác nhau, cũng hiển bày được chỗ thấy dù không biến kế sở chấp có thật chúng sanh có thể độ, có thể thấy; không phải không nhân duyên giả chúng sanh có thể thấy. Tuy không duyên tác dụng, nhưng có công năng duyên có thể đạt được, như đối trên nhân quả không thấy sở chấp ấy thật nhơn-pháp có thể đắc nên gọi chúng sanh và quốc độ KHÔNG; không phải Phật không có mắt nên không thấy, cũng không phải thật không có chúng sanh có thể thấy. Do nhân duyên điên đảo, hư vọng, giả pháp nên y cứ phần này phân ra 5 ý: a/ Phật hỏi cát sông Hằng b/ Ngài Thiện Hiện trả lời là có cát c/ Mượn cát sông Hằng làm thí dụ hỏi d/ Ngài Thiện Hiện trả lời là rất nhiều e/ Phật giảng rộng.

Ngài Vô Trước nói rằng trở lên phải biết trong có tu chúng nên thấy có an lập, vì giáo hóa vô số chúng sanh với tâm thanh tịnh nên trí an lập. Vì dùng nhục nhãn, thiên nhãn là tiền đạo (trước tiên) nên phát huệ; pháp nhãn quán lý biết căn cơ vì người mà thuyết pháp. Trên nói thấy thanh tịnh là hiển lộ để chứng minh. Nay nói trí tịnh là hiển tỏ để giáo hóa. Vì nơi chúng sanh có tâm tham, tâm không tham, Phật ắt quán biết mà giáo hóa khiến chúng bỏ nhiễm tu thiện. Như nói về cát, Phật có nói cát không? Đối với nhân duyên trong số cát Phật nói là chấp thật cát không? Ý hỏi như thế.

**“Như thị Thế Tôn, Như Lai thuyết thị sa”.**

Đúng thế, bạch Đức Thế Tôn, Như Lai nói là cát.

Giảng: Đây là trả lời câu hỏi thứ hai.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà, như như Hạng hà trung sở hữu sa hữu như thị sa đẳng hạng hà. Thị chư Hạng hà sở hữu sa số Phật thế giới như thị ninh vi đa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như cát của một con sông Hạng và cát của nhiều sông Hạng, cát của nhiều sông Hạng ấy so với thế giới Phật như thế có nhiều không?

Giảng: Đây là câu hỏi thứ 3 mượn cát dụ số nhiều. Nhưng ở đây chỉ nêu lên một ít. Bàn về chúng sanh là không hạn giới, không phải chỉ chừng đó mà cho là nhiều như cát.

**“Thậm đa Thế Tôn.”**

Thật là nhiều, bạch Đức Thế Tôn.

Giảng: Đây là câu trả lời thứ tư.

**“Phật cáo Tu Bồ Đề, nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri.”**

Phật bảo này Tu Bồ Đề, trong số các quốc độ như thế có chúng sanh ngần ấy tâm niệm Như Lai hẳn biết được.

Giảng: Đây là câu thứ 5 Phật giảng rộng. Ngần ấy loại tâm niệm có nghĩa 6 thức sai biệt do tâm điên đảo, tâm hư vọng đều là điên đảo. Do xa lìa niệm chân nên nói là điên đảo. Lìa niệm chân tức là xa lìa 4 niệm xứ nên không trụ trong thật trí, những tâm như thế Phật hẳn biết hết. Ngài Vô Trước nói rằng, ngần ấy loại tâm phải biết có 2 loại là nhiễm và tịnh, bao gồm tâm ly dục và tâm dục. Tâm chúng sanh như thế, Như Lai đều biết hết nên dạy khuyên làm cho chúng đoạn ác tu thiện gọi là trí tịnh vậy. Luận giải rằng vì giáo hóa vô số chúng sanh với tâm thanh tịnh nên trí an lập.

**“Hà dĩ cố, Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm.”**

Tại sao thế? Như Lai nói các tâm ấy đều là phi tâm, ấy gọi là tâm.

Giảng: Trong phần giải thích có 2: tâm điên đảo không trụ chân, lộ rõ tướng hư vọng. Như Lai nói trụ các tâm có nghĩa tâm hư vọng đều chẳng phải tâm nên không phải trụ chân tâm. Trụ nơi bốn niệm xứ là trụ đúng tức trụ lý chân như gọi là chân trụ. Ấy gọi là tâm có nghĩa tâm điên đảo,

hư vọng. Ngài Vô Trước nhân nơi trí tịnh đây mà nói trụ tâm tức là phi tâm trụ. Như thế nơi thấy tịnh có sao không nói nhân là phi nhân chứ? Lấy một trụ xứ nên thấy trí tịnh, sau an lập đệ nhất nghĩa trước hết cũng thành tựu. Ta nói rằng, tâm phàm phu ban đầu vọng sau có thể trở thành chân, nên đối với tịnh trí nói tâm trụ không phải là tâm trụ. Phật nhân một khi đạt được đã viên mãn nên không còn trước sau khác nhau, không nói nhân tức là chẳng phải con mắt vậy.

**“Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.”**

Tại sao thế? Nay Tu Bồ Đề tâm quá khứ không thể đắc, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.

Giảng: Ngài Thế Thân nói: Đây biểu thị tâm điên đảo nối tiếp nhau. Như dùng tâm quá khứ, vị lai nên không thể được, tâm hiện tại là phân biệt hư vọng nên không thể được. Như thế chúng tỏ tâm trụ trong điên đảo, cái biết do hư vọng. Đó là ý Ngài Thế Thân. Ngài Vô Trước cho rằng, quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại là đệ nhất nghĩa.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Nhược hữu nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí. Thị nhơn dĩ thị nhân duyên đắc phước đa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Nếu có người đem thất bảo bố thí đầy trong 3 ngàn đại thiên thế giới. Người kia do nhân duyên ấy được phước có nhiều không?

Giảng: Ngài Thế Thân giải thích rằng: đây là đoạn nghi vấn 2 trong đoạn văn 3. Nếu lại có nghi cho rằng, hướng tới thuyết tâm trụ diên đảo, nếu như thế phước đức cũng là diên đảo. Nếu là diên đảo làm sao gọi là thiện pháp được, là đoạn dứt nghi này. Hiện tâm trụ hành trong diên đảo tuy phước mà chẳng phải phước đức. Do vì Phật trí căn bản nên lúc thực hành bồ thí không chấp tự thân mà chỉ cầu vô thượng Bồ Đề, thế nên công đức rất nhiều. Trong phần này trước Phật hỏi, tiếp theo Ngài Thiện Hiện trả lời và sau cùng Phật tán thành. Nói nếu đem 7 báu... bồ thí, vì mong muốn tu học Bát Nhã được thành Phật nên phước người đó thật nhiều. Ngài Vô Trước nói đây là thấy vô thượng trong tịnh trí thứ ba là phước tự tại đầy đủ. Do nếu hành bồ thí bát nhã (ba la mật) thì phước đức viên mãn.

**“Nur thị Thế tôn, thử nhơn dĩ thị nhân duyên đắc phước thậm đa.”**

Đúng vậy, thưa Thế Tôn, người này do nhân duyên đó được phước rất nhiều.

Giảng: Trả lời Phật về phước đức.

**“Tu Bồ Đề, nhược phước đức hữu thật, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa. Dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu phước đức có thật Như Lai không nói là phước đức nhiều. Vì phước đức KHÔNG nên Phật nói được phước đức nhiều.

Giảng: Đây là điểm thứ ba Như Lai thành tựu. Nếu phước đức có thật, như nói nếu là bát nhã (trí tuệ) nên hành bố thí. Như là tự thể hành thí thật hữu ấy. Phật không nói được phước đức nhiều. Vì 3 việc thể KHÔNG như hành thí không đồng nhau về chấp quả báo hành thí nên Như Lai nói phước nhiều, lấy đó làm chuẩn. Trên đem của cải, thân mạng sánh bố thí không bằng thọ trì Kinh Bát Nhã; nếu không quên tướng thì không thể cầu Bồ Đề được. Như nếu lúc xả thân mạng cũng chỉ giúp ích cho một phần nhỏ chúng sanh đói khát chớ không làm lợi ích rộng lớn. Nếu người thọ trì bát nhã đạt được thành Phật hẳn cứu giúp nhiều người nên công đức nhiều hơn. Như uốn cong lời cho rằng xả thân cực khổ, chấp cứng nhắc lời nói thì không bằng thọ trì Kinh.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ”.**

Này Tu Bồ Đề ý Thầy nghĩ sao? Phật có thể dùng sắc thân cụ túc thấy được không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân như trên là phá trừ gốc nghi. Từ đây trở xuống có 4 điểm nghi sẽ lần lượt giải thích các nghi vấn đó. Đây là đoạn lớn thứ 3 phá trừ nghi, chúng tỏ lần lượt nơi đoạn lớn thứ nhất có 3 nghi vấn: 1/ Dùng thân tướng tốt nghi là Phật 2/ Người chớ nói...nghi Phật có thuyết 3/ Và có chúng sanh ... nghi không có người tin. Như nghi rằng nếu lấy pháp vô vi mà đắc danh tại sao chư Phật thành tựu 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp gọi là Phật chứ? Giải rằng, đây đối với trên cho rằng Như Lai ấy

tức là các pháp chân như, do đó sanh nghi. Y cứ phần nghi vấn có 2; a/ phá nghi về sắc thân b/ phá nghi về tướng hảo. Trong (a) lại có 2: trước Phật hỏi, sau Ngài Thiện Hiện trả lời. Ý hỏi rằng, pháp thân chân Phật có thể dùng tướng hảo của báo thân mà thấy được không? Lại nữa, có thể nào tướng viên quang một tâm với sắc thân đẹp có thấy được pháp thân Phật không? Ngài Vô Trước nói rằng, đây là điểm 3, thân tướng hảo cụ túc. Ý hỏi rằng, Phật tùy căn cơ mà có sắc thân tướng hảo của báo hay hóa thân, chân lý cũng có tánh chất đẹp không khác. Nay hỏi pháp thân có tướng tốt sai biệt để thấy không? Để làm cho chúng sanh trong chúng pháp thân viên mãn nên ngoài phải có đầy đủ thân tướng tốt đẹp.

**“Phát dã, Thế Tôn, Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến.”**

Không thể, bạch Đức Thế Tôn, Như Lai không thể đem sắc thân cụ túc thấy.

Giảng: Không thể dùng sắc thân thấy Như Lai.

**“Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân tức phi cụ túc sắc thân thị danh cụ túc sắc thân.”**

Tại sao? Vì Như Lai nói cụ túc sắc thân tức không phải cụ túc sắc thân, ấy là cụ túc sắc thân.

Giảng: Phật nói sắc thân đầy đủ có nghĩa là thân tướng tốt của báo-hóa thân; tức phi cụ túc sắc thân là không phải sắc thân pháp tánh cụ túc. Ấy là cụ túc sắc thân, đó chính là



báo thân, hóa thân vậy. Ngài Vô Trước nói rằng, Phật tùy căn cơ hiện hình có tướng tốt của báo-hóa thân, trong ngộ vô tướng mà có tánh tướng tốt của pháp thân. Do nội chứng sắc thân pháp tánh nên ngoại đầy đủ thân tướng hảo đều được viên mãn. Song thân tướng hảo tức không phải sắc thân pháp tánh cụ túc. Nói pháp thân cũng giống như hư không, tuy vô hình tướng nhưng trong gương hiện ảnh tượng, pháp thân cũng như thế, tuy không hình tướng nhưng hiện nơi gương trí báo thân-hóa thân.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ.”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Như Lai có thể dùng các tướng cụ túc thấy không?

Giảng: Đây giải rõ, phá điểm nghi về tướng tốt. Ý hỏi rằng có thể dùng 32 tướng tốt thấy pháp thân vô tướng của Phật không? Ngài Vô Trước nói rằng, đây là điểm 4 về thân tướng cụ túc. Ý hỏi rằng Phật có 3 thân đó là pháp thân, báo thân và hóa thân. Song báo thân hóa thân có 32 tướng tốt sai biệt, pháp thân không có tướng pháp tánh sai biệt. Nay hỏi pháp thân có thể dùng tướng tốt sai biệt để thấy được không?

**“Phát dã Thế Tôn. Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến.”**

Không thể, bạch Đức Thế Tôn, Phật không thể dùng các tướng cụ túc thấy được.

Giảng: Đoạn này liên quan đoạn trên, về tướng hảo.

**“Hà dĩ cố, Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc”.**

Tại sao? Như Lai nói các tướng cụ túc tức phi cụ túc, ấy gọi là các tướng cụ túc.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, Phật chẳng phải là các tướng cụ túc, có nghĩa là 32 tướng sai biệt. Tức phi cụ túc là không phải pháp thân tướng cụ túc vô sai biệt; ấy gọi là các tướng cụ túc tức là tướng ngoại hình. Ngài Vô Trước nói rằng, pháp thân tuy vô hình tướng nhưng có tướng pháp tánh như lý đẹp gọi là tướng, bề ngoài hóa trang cũng có hình sắc tướng. Vì làm cho chúng sanh đạt được phần viên mãn nên trong ngộ chân lý là tướng của vô tướng mà ngoài đủ tướng của hữu tướng. Song tướng của hữu tướng tức là không phải tướng của vô tướng, ấy gọi là đầy đủ các tướng.

**“Tu Bồ Đề nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: ngã đương hữu sở thuyết pháp.”**

Này Tu Bồ Đề Thầy đừng cho Như Lai nghĩ rằng: Ta đang có thuyết pháp.

Giảng: Ngài Thế Thân cho rằng đây là điểm 3 đoạn trừ nghi. Như có người nghi rằng, nếu Như Lai thành tựu đầy đủ sắc thân không thể thấy, nếu tướng thành tựu không thể thấy, tại sao Như Lai thuyết pháp? Vì để dứt trừ điểm hồ nghi này có 2 phần: trước Phật khuyên chớ hồ nghi sau người nói bài Phật, cuối cùng tóm kết. Phật bảo Ngài

Thiện Hiện rằng Thầy đừng cho pháp thân Như Lai tạo niệm nghĩ: Ta phải nên thuyết pháp. Pháp thân Phật vốn không nghĩ cũng không có thuyết. Ngài Vô Trước nói rằng, đây là điểm 5, lời nói cụ túc, có nghĩa báo thân hóa thân tùy cơ mà có ngôn thuyết, pháp thân vắng lặng vô thuyết, vô hình. Trong ngộ lý vô ngôn, ngoài hay vì người khác mà thuyết, vì muốn cho được ý này nên là lời cụ túc.

**“Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược như ngôn, Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vị báng Phật bất năng giải ngã thuyết cố.”**

Đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy? Như có người cho rằng Như Lai có thuyết pháp tức bài báng Phật, không thể hiểu nghĩa Như Lai nói.

Giảng: Như nếu có pháp thân, có pháp để thuyết tức là hủy báng Phật pháp. Vắng bật vô ngôn nên hỏi: nếu như thế tại sao trước nói ứng hóa không phải chân Phật, cũng không có thuyết pháp? Trả lời: đó là suy xét chung trở về gốc nên quan trọng là trong ngộ chân thuyết ngoài mới có thể thuyết. Vì thế nói pháp thân không thuyết đó là chân thuyết vậy.

Hỏi: Tại sao Kinh Lăng Già ghi rằng, pháp thân thuyết lia tướng, lia ngôn thuyết (pháp), báo thân thuyết pháp thập địa, pháp 6 ba la mật, hóa thân thuyết pháp tam thừa chứ? Đúng ra pháp thân cũng có thuyết pháp chứ?

Trả lời: thuyết có 2 loại: 1/ khởi tạo thuyết có nghĩa có pháp để thuyết 2/ không khởi tạo thuyết tức là không pháp

không thuyết. Trước là chỉ báo thân và hóa thân, sau là pháp thân. Kia căn cứ theo không thuyết mà thuyết, đây dựa vào có pháp để thuyết nên không trái nhau. Tại sao pháp thân lại không thuyết mà thuyết, vì do chúng sanh ngộ lý nên hiểu rõ tất cả gọi là pháp thân thuyết. Như nghe thuyết pháp mà thấu triệt nên gọi là thuyết. Do có người hoặc nói hoặc không nói làm cho người kia hiểu tường tận gọi là thuyết pháp vậy.

**“Tu Bồ Đề, thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.”**

Này Tu Bồ Đề, thuyết pháp ấy không pháp có thể thuyết, đó gọi là thuyết pháp.

Giảng: Luận về thuyết pháp. Nói thuyết pháp đó là nêu chung công cuộc giảng pháp. Không pháp có thể thuyết, có nghĩa đối với chân lý không có một pháp nhỏ nào thuyết cả. Như phải đạt biến kế sở chấp không vô mà thuyết, ấy gọi là thuyết pháp. Nếu chấp chân như là thật không thuyết tức chẳng phải thuyết pháp. Ngài Vô Trước nói rằng, báo thân, hóa thân có thuyết pháp, pháp thân không thuyết. Nếu cho pháp thân có thuyết như báo thân, hóa thân tức là hủy báng Phật pháp.

**“Nhĩ thời huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn, phả hữu chúng sanh ư vị lai thế văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?”**

Lúc bấy giờ huệ mạng Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: bạch Đức Thế Tôn, và có chúng sanh trong đời vị lai nghe thuyết pháp này có sanh lòng tin không?

Giảng: Theo Ngài Thế Thân đây là điểm nghi thứ ba, như nghi rằng, nếu nói chư Phật có thuyết là không chỗ thuyết pháp; không là pháp thân cũng là không. Có những người hay tin pháp giới sâu xa như thế chăng? Để giải thích nghi vấn này, trước Ngài Thiện Hiện hỏi, sau Phật trả lời. Ngài Vô Trước nói rằng, tâm cụ túc thứ 6 lại có 6 loại: 1/ niệm xứ 2/ chánh giác 3/ ban cho pháp lợi lạc 4/ gìn giữ pháp thân 5/ không trụ trong sanh tử, Niết Bàn 6/ đi đứng thanh tịnh.

Ý hỏi rằng, Như Lai lúc còn tại thế từ bi bình đẳng thuyết pháp cho chúng sanh, có thể nghe hiểu mà khởi niệm suy xét hợp lý tu hành đúng pháp, hành theo pháp mà đạt thành Phật. Sau khi Như Lai diệt độ 500 năm sau, những chúng sanh ác lúc nghe Kinh này, có người sanh niềm tin niệm nghĩ có được như thời Phật còn tại thế không?

Phật trả lời: có được. Vì hiển rõ có chúng sanh hay suy nghĩ nên gọi là niệm xứ.

**“Phật ngôn, Tu Bồ Đề, bỉ phi chúng sanh, phi bất chúng sanh.”**

Phật dạy: này Tu Bồ Đề, kia không phải chúng sanh, không phải chẳng phải chúng sanh.

Giảng: Kia không phải chúng sanh có nghĩa không phải là hạng xiển đề (7). Những chúng sanh không có Phật tánh; không phải chẳng phải chúng sanh là chúng sanh nghe bát nhã phát tâm thành Phật. Ngài Vô Trước nói rằng, kia không phải chúng sanh là đệ nhứt nghĩa (chân đế). không phải chẳng phải chúng sanh là thế đế (tục đế). Chúng sanh chúng sanh ấy hiện bày đệ nhứt nghĩa là không chung ứng hợp.

**“Hà dĩ cố Tu Bồ Đề, chúng sanh chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh.”**

Tại sao? Này Tu Bồ Đề, chúng sanh chúng sanh ấy, Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.

Giảng: Hai lần chúng sanh, chúng sanh trước là phạm phu chúng sanh, sau chúng sanh phát Bồ Đề tâm tu hành. Như Lai nói chẳng phải chúng sanh ấy có nghĩa là không phải chúng sanh nhứt xiển đề không có Phật tánh. Chúng sanh ấy gọi là chúng sanh tức là chúng sanh phát tâm Bồ Đề. Trên đây ý nói rằng, đối với Kinh này sanh niệm tin tức là chúng sanh phát âm tu hành thành Phật, chứ không phải chúng sanh vô tánh.

**“Tu Bồ Đề, bạch Phật ngôn, Thế Tôn: Phật đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề vị vô sở đắc da?”**

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn: Phật đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác là vô sở đắc chẳng?

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, nơi đoạn lớn này phá nghi thứ tư tức là lần lượt giải thích điểm nghi thứ hai; trong đó chung quanh có 2 như cho rằng, nếu Phật không đạt được một pháp gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác làm sao xa lìa chứng đắc được vô thượng chánh đẳng chánh giác? Căn cứ câu này có 2 ý: trước Ngài Thiện Hiện hỏi, sau Phật giảng rộng ý nghĩa. Là vô sở đắc chăng? Chẳng là từ dùng để hỏi, không phải là từ bất định. Hỏi thẳng Phật rằng, Như Lai vô sở đắc chăng? Do vậy Phật liền ấn chứng cho, nếu câu hỏi bất định làm sao có được hay không được chứ? Phật làm sao ấn chứng chứ? Nay ý hỏi rằng lý chân như Phật có đạt vô thượng Bồ Đề không? Ngài Vô Trước nói rằng, đây là tâm cụ túc thứ hai, là chánh giác tức là năng chứng sở chứng quán chiếu rõ thật tướng. Kinh Giải Thâm Mật ghi rằng, Bồ Đề, Bồ Đề dứt sạch đó gọi là Bồ Đề. Đại Trí Độ luận rằng, nói trí và trí xứ đều gọi là bát nhã, vì làm cho chúng sanh đoạn dứt hai món chướng đạt đến Bồ Đề nên có đoạn văn này. Nói chánh giác trong đó có 5 ý: 1/ từ A Nậu đa la có nghĩa là vô thượng giác tức là pháp thân Bồ Đề 2/ từ đây trở xuống... biểu hiện vô thượng chánh đẳng Bồ Đề có nghĩa chánh giác tức là báo thân Bồ Đề. Lấy vô ngã-nhơn sau mà thành hai vô thượng trên như Kinh dẫn.

**“Phật ngôn như thị, như thị, Tu Bồ Đề, ngã ư A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề, nãi chí vô hữu thiểu pháp khả đắc, thị danh A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Phật dạy: đúng vậy, đúng vậy, này Tu Bồ Đề, Như Lai đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhãn đến không có một pháp nhỏ nào đạt được cả, ấy gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Hỏi pháp chân thật, có nghĩa đối với chân lý không như sờ chấp sờ đắc dù pháp nhỏ gọi là Bồ Đề.

**“Phục thứ Tu Bồ Đề, thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ, thị danh A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề”.**

Lại này Tu Bồ Đề, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy chính là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, đây là điểm 3 bàn rộng ý nghĩa Bồ Đề, trong đó có 3: 1/ không tăng giảm 2/ chứng minh không sai biệt 3/ tu mọi điều thiện, sau nêu rõ ràng phương tiện đầy đủ. Là pháp bình đẳng có nghĩa lý chân như không tăng giảm, không có cao thấp có nghĩa pháp hữu vi còn chấp thủ xả (lấy-bỏ). Bồ Tát ở thập địa đạt thắng vô lậu nhưng bỏ chỗ yếu kém. Pháp vô vi là không hơn kém để lấy hay bỏ nên nói không có cao thấp. Ngài Vô Trước nói rằng, đây hiển tỏ vô thượng chánh đẳng chánh giác có nghĩa là chánh biến tri (hiểu biết khắp hết). Là pháp bình đẳng có nghĩa hết thấy chư Phật cùng đạt đến Bồ Đề nên trí không có hơn kém. Không có cao thấp tức là chư Phật hiện hóa thân mỗi mỗi loại cùng so sánh cho chí thọ mạng cũng giống như vậy. Ta nói bình đẳng có nghĩa là pháp thân; cao thấp dựa theo báo thân hóa thân như tất cả báo thân Phật; báo thân so sánh với hóa thân cũng như thế.



**“Dĩ vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả”.**

Vì không ta, không người, không chúng sanh, không thọ mạng.

Giảng: Theo Ngài Thế Thân, đây hiển bày sự vô sai biệt. Như tất cả chư Phật không ngã chấp, pháp chấp, nên pháp thân bình đẳng không có sai khác như hơn hay kém v.v... Ngài Vô Trước nói rằng trở xuống cả hai thành 2 phần trên, trước thành vô thượng chánh đẳng Bồ Đề pháp thân, kế thành chánh giác Bồ Đề báo thân.

**“Tu nhưt thiết thiện pháp tắc đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Tu hết thấy thiện pháp thời đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, đây là điểm 3: phương tiện rõ ràng đầy đủ, đi sâu vào chi tiết cho thấy cần phải thân cận thiện tri thức, nghe hiểu, kế suy nghĩ đúng pháp để tu tập, hành thiện như pháp đầy đủ nên ngộ chân như, là thành tựu vô thượng Bồ Đề. Ngài Vô Trước nói, đây là thành vô thượng Bồ Đề, có nghĩa trước nói vô ngã để dứt trừ chấp HỮU, nay nói tu thiện để phá chấp KHÔNG. Ngã-nhơn KHÔNG nên tâm đều vọng; dựa theo vẫn hữu nên còn thiện pháp. Vì chỉ lấy hữu học để chẳng phải không, vọng chấp đó mà thành mù mịt. Chỉ học KHÔNG mà thành không hữu, chân trí không nhân nhưng bất sanh; diệt vọng tưởng nơi không môn khởi chân tâm nơi nhà mình, CÓ-KHÔNG quán cả hai mới thành trung đạo.

**“Tu Bồ Đề, sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp thị danh thiện pháp”.**

Này Tu Bồ Đề, chỗ gọi thiện pháp ấy Như Lai nói tức phi thiện pháp đó là thiện pháp.

Giảng: chỗ nói thiện pháp ấy có nghĩa cầu thiện pháp Bồ Đề hoặc vô lậu theo pháp vô lậu. Nói phi thiện pháp ấy, phi là hữu lậu sanh diệt là pháp ác; gọi thiện pháp ấy là pháp xuất thế.

**“Tu Bồ Đề, nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu Di sơn vương như thị đẳng thất bảo tụ, hữu như trì dụng bố thí”.**

Này Tu Bồ Đề, như trong cõi 3 ngàn đại thiên thế giới có người gom bảy báu lại như các núi Tu Di đem bố thí...

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, từ đây trở xuống phá nghi đoạn 2 như nghi rằng, nếu hết thấy thiện pháp đầy đủ đạt đến Bồ Đề thì thuyết pháp không thể đạt đại Bồ Đề. Tại sao? Vì chỗ thuyết pháp là pháp vô ký nên nêu ý này hỏi. Có thể giải thích rõ ràng giáo nghĩa gọi là câu văn mà thể nó là vô ký, làm thế nào nghe mà sanh thiện chứ? Đây là người Tiểu thừa nghi, dựa vào đó để phá nghi này, trước nêu công đức, sau so sánh việc thọ trì. Ngài Vô Trước nói rằng đây là tâm cụ túc thứ ba để nói rõ pháp lợi ích, trong đó có 2 trước nêu pháp đại lợi, sau nói các ông đừng cho rằng... rõ ràng là việc lợi sanh. Trước nêu tài thí, kế so sánh thọ trì hiển bày phước lợi.

**“Nhược hơn dĩ thử bát nhã ba la mật Kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng thọ trì độc tụng vị tha hơn thuyết, ưu tiên phước đức bách phần bất cập nhưt, bách thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập”.**

Nếu có người đem Kinh Bát Nhã ba la mật này nhân đến thọ trì đọc tụng bốn câu kệ... vì người mà thuyết giảng, đối với phước đức của người trước trăm phần không bằng một, trăm nghìn vạn ức phần cho đến đem toán số thí dụ cũng không sánh kịp.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng đây là so sánh bố thí và thọ trì. Kinh này chỉ nói sơ lược các sách khác không giống nhau. Ngài Thế Thân nói: Bát Nhã tuy nói vô ký nhưng có thể đạt đến Bồ Đề, vì xa lìa chỗ thuyết pháp nên không thể đạt được đại Bồ Đề mà pháp đây lại làm nhân Bồ Đề. Lại nói vô ký không phải như vậy, pháp của ông là vô ký, pháp của tôi là thiện cho nên ở đây dựa theo tôn chỉ giải thích, lời Phật nói là thiện. Ngoài ra, đệ nhưt nghĩa Đại Thừa là Phật, âm thanh và câu văn đều là thiện. Vì thế một khi thọ trì tức là nhân Bồ Đề rộng lớn nên hơn tất cả việc bố thí châu báu vậy. Đây phá nghi vấn nêu trên như trăm phần không bằng một phần. Nhà bình luận nêu lên 4 loại so sánh hơn như 1/ số hơn 2/ lực hơn 3/ không giống nhau hơn 4/ nhân hơn.

1/ Giải thích số hơn có nghĩa dùng con số so sánh, như Tiểu thừa có 62 số, Kinh Hoa Nghiêm có 120 băng số. Ở đây có 50 số nên nói một, mười, trăm, ngàn, vạn v.v.. đó là những con số so sánh, nơi quả báo sanh tử ắt hẳn biết rõ.

Nếu thọ trì Kinh này có được công đức đương nhiên thành Phật, không phải những số này đem so sánh nên nói là số hơn. 2/ Lực hơn hay còn gọi là tinh hơn, có nghĩa bố thí v.v.. đạt được quả thiện cõi nhân thiên ở thế gian như ta biết. Nay nhân thọ trì Kinh này lực không thể tính kể hết được. 3/ Không giống nhau hơn như ví dụ thắng, phước đức thế gian dụ cho cái có thể ví dụ. Nhân thọ trì để đạt quả hơn không thí dụ để có thể dụ. 4/ Nhân hơn như thời gian thắng. Phước thế gian có thể đem thời lượng so sánh nhiều ít, đây là chỗ đạt quả đến tận cùng đời vị lai không giới hạn thời gian, không thể so sánh được. Như trên luận chủ nêu 4 danh nên ở đây thiết lập các danh số, kể, dụ, thời v.v.. như ý Ngài Vô Trước. Lấy điểm so sánh thọ trì đây đã là nhiều để thành lập pháp đại lợi ích.

**“Tu Bồ Đề ư ý vân hà, nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: ngã đương độ chúng sanh”.**

Này Tu Bồ Đề ý Thầy nghĩ sao? Các vị đừng cho rằng Như Lai nghĩ rằng ta phải độ chúng sanh.

Giảng: Ngài Thế Thân giải rằng đây là câu văn uẩn khúc trong đoạn nghi thứ ba, tức là lần lượt trong lát léo đó có 4 ý cho đến hết đoạn văn phải biết; như nghi rằng, nếu là pháp bình đẳng không có cao thấp tại sao Như Lai gọi là độ chúng sanh? Dựa điểm trừ nghi này có 2 ý: trước khuyên dứt trừ nghi kế giảng rộng ý nghĩa. Như hai thân: báo - hóa tùy căn cơ làm lợi chúng sanh mà có cao thấp có thể suy xét nên độ chúng sanh. Như từ bi là nhân duyên bốn nguyện nên pháp thân chân như vắng lặng không thể suy

158

lượng, nghĩ làm thế nào phải độ chúng sanh chứ? Chỉ đem trí ngộ nên gọi là độ; lại hóa thân tùy cơ ứng hiện rõ ràng có suy nghĩ độ sanh. Báo thân nghĩ lâu dài không phân biệt làm thế nào khởi niệm? Như châu ma ni theo sự mong cầu xối mưa xuống; phàm phu chấp do còn nghĩ ta nên độ, chư Phật phân biệt hoàn toàn quên hết nên nghĩ phải độ không có; chỉ tùy chỗ giáo hóa hợp căn cơ để suy xét. Vì thế nên lặp lại các ông không nên nghĩ lường.

Lại nữa, chân lý đều vô sở đắc, cũng như không có chúng sanh đáng độ. Ngài Vô Trước nói rằng, đây là nêu rõ chúng sanh được độ; giải thích văn Kinh đại ý không khác nhau.

**“Tu Bồ Đề mạc tác thị niệm, hà dĩ có? Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả”.**

Này Tu Bồ Đề Thầy đừng nghĩ thế. Tại sao? Vì thật không có chúng sanh Như Lai độ vậy.

Giảng: Ý nghĩa tự thành tựu, trước nêu tâm để thí dụ biểu hiện đạo lý chân thật, kẻ nói không thật độ là mượn ngã không phải chân. Vì chân lý không có chúng sanh Như Lai có thể độ, nhưng nhìn mặt ngoài có thể độ sanh.

**“Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tác hữu ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả”.**

Nếu có chúng sanh Như Lai độ thì Như Lai có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng.

Giảng: Việc độ chúng sanh trong đó có 2 ý: a/ thật không có chúng sanh để độ b/ nói ngã không phải chân thật. Vì Phật khéo nói thật có chúng sanh, thật có độ ấy là còn ngã chấp chưa mất nên không gọi là Phật.

**“Tu Bồ Đề Như Lai thuyết hữu ngã giả tắc phi hữu ngã nhi phạm phu chi như đĩ vi hữu ngã”.**

Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói hữu ngã ấy là phi hữu ngã, nhưng người phạm cho là hữu ngã (có ngã).

Giảng: Ngã không phải chân thật. Ngã không phải thật nhưng phạm phu vọng chấp, kể chỉ rõ phạm cũng không thật mà chỉ mượn để gọi thôi. Như Lai nói có ngã ấy, như do nhân duyên hòa hợp nên mượn để nói thì không thật có ngã, không chấp có thật ngã. Phạm phu cho là có ngã nên bị chấp vương. Ý nói rằng, Phật nói có ngã vì muốn trừ sợ hãi vô ngã. Vì thế trước tiên tu tập hỷ nung nơi ngã sau dần dần ngộ được thật ngã tướng tự phân tán. Nếu nói vô ngã chỉ có tu tập, ngã tức là KHÔNG vậy.

**“Tu Bồ Đề, phạm phu giả Như Lai thuyết tắc phi phạm phu”.**

Này Tu Bồ Đề, phạm phu ấy Như Lai nói là phi phạm phu.

Giảng: Nói phạm cũng chẳng thật mà chỉ mượn để gọi thôi. Có nghĩa đối với người tham sân chưa bỏ tạm gọi là phạm phu, không như lời nói là thật phạm phu.

**“Tu Bồ Đề, ư ý vân hà khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Có thể dùng 32 tướng quán Như Lai không?

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng đây là lần lượt đoạn nghi thứ ba, trong đó phân ra 3 đoạn. Như có người nghi rằng, dù quán tướng thành công cũng không thể thấy Như Lai, vì đó không phải tướng Phật. Do Như Lai pháp thân là thể mà pháp thân Như Lai do tướng (thấy) thành tựu. So sánh biết thì biết pháp thân Như Lai là do phước tướng thành tựu. Ý nghi rằng, hai thân báo thân-hóa thân lấy pháp thân làm thể. Ngoài ra, báo thân-hóa thân có tướng tốt, lấy ngoài so sánh nên biết trong pháp thân cũng phải có tướng hảo. Như ta xem mặt của một người liền biết được tâm trạng người ấy. Căn cứ đoạn này phân thành 5 tiết: 1/ Phật hỏi 2/ Ngài Thiện Hiện không trả lời trực tiếp 3/ Như Lai gạt bỏ chất vấn 4/ Ngài Thiện Hiện chính thức trả lời 5/ Nêu bài tụng để thành.

Ý hỏi: Có thể dùng 32 tướng của báo thân-hóa thân thấy được pháp thân Như Lai không? Ngài Vô Trước nói rằng, đây là tâm cụ túc thứ tư bao hàm pháp thân, như muốn làm cho chúng sanh trong quán lý pháp thân thanh tịnh, ngoài có đủ các tướng tốt. Không thể lấy hình tướng quán pháp thân Như Lai được, dựa theo đoạn này có 3 ý: a/ nêu hỏi đáp b/ nêu bài tụng giảng rộng c/ giải thích ngoại nghi. Phần hỏi đáp có 4 như ta đã biết. Song y cứ các sách khác

không phải Ngài Thiện Hiện trả lời trực tiếp, cũng không có Như Lai chất vấn.

**“Tu Bồ Đề ngôn, như thị như thị, dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai. Phật ngôn, Tu Bồ Đề nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, chuyển luân Thánh Vương tác thị Như Lai. Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn, Thế Tôn: như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.”**

Tu Bồ Đề thưa: đúng thế, đúng thế dùng 32 tướng quán Như Lai. Phật dạy, này Tu Bồ Đề, nếu đem 32 tướng quán Như Lai ấy thời chuyển luân Thánh Vương là Như Lai sao? Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn: như con hiểu chỗ nghĩa Phật dạy: không nên đem 32 tướng quán sát Như Lai.

Giảng: Không nên dùng 32 tướng tốt quán sát Như Lai.

**“Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn: nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai. Bĩ Như Lai diệu thể tức pháp thân chư Phật, pháp thể bất khả kiến, bĩ thức bất khả tri.”**

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng: nếu dùng sắc thấy ta, đem âm thanh cầu ta; người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai. Như Lai diệu thể tức là pháp thân chư Phật, vì thể pháp không thể thấy được nên thức không thể biết được.



Giảng: Đây là bài kệ tóm tắt ý nghĩa nêu trên. Kệ nêu rõ không nên dùng sắc thanh để quán pháp thân Như Lai được. Nếu chấp nơi sắc thanh thì không ngộ được chân lý, là người theo tà đạo không thể thấy được Phật pháp. Kế đó, bài kệ nêu rõ: pháp thân diệu thể vượt ngoài nghĩ suy nên phàm phu không thể thấy được, cũng không thể lấy thức phân biệt để biết được. Kinh Niết Bàn ghi rằng: y pháp không y ngôn; y Kinh rốt ráo nghĩa, không y Kinh chưa liễu nghĩa, y nghĩa không y lời, y trí không y thức. Ngài Vô Trước nói rằng, nửa bài kệ đầu nêu rõ như chỗ không nên thấy, không thể thấy, nửa kệ sau chỉ rõ không thể thấy và không thấy nhân duyên. Tại sao không thể thấy? Vì cái thấy thuộc thế tục. Nhân duyên gì mà không thể thấy? Vì pháp là tướng chân như nên không do lời nói biết được mà chỉ có thể thực chứng, nên nói như thế, luận như thế.

**“Tu Bồ Đề, nữ nhược tác thị niệm, Như Lai bất dĩ  
cụ túc tướng cố, đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu như Thầy nghĩ rằng Như Lai không dùng các tướng cụ túc nên được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, đây vẫn còn đoạn 3 giải thích nghi vấn, như nghi rằng, nếu không nương phước đức được đại Bồ Đề, như thế chư Bồ Tát không có phước đức và quả báo. Ý nghi thế này: có thể nói có người đem thất bảo như núi Tu Di bố thí, không bằng người thọ trì nhân đến 4 câu kệ của Kinh này. Đó là phước đức không

đạt quả Bồ Đề. Dựa theo đây nên phước đức KHÔNG, quả báo cũng KHÔNG thì pháp thân là lý không. Để trừ nghi vấn này có 3 ý: a/ Tướng hảo chẳng phải không b/ Nếu như người (Thầy) nghĩ rằng...nêu rõ nhân quả không mất c/ Nếu Bồ Tát đem cụ túc ... so sánh công đức. Trong (a) có 2: thuật lại tâm cảnh người nghi và khuyên không nên có niệm tà. Tâm cảnh người nghi như: đã lấy pháp làm Phật không có thân tướng báo hay hóa thân. Ngài Vô Trước nói rằng, đây bao hàm pháp thân, văn giải thích vấn nạn ngoài. Luận chủ nói rằng, nếu vậy tuy không thể đem tướng cụ túc thấy Như Lai, cũng nên lấy tướng cụ túc làm nhân đạt đến vô thượng chánh đẳng Bồ Đề. Vì lìa bỏ cái chấp này nên rõ ràng tướng cụ túc thể nó không phải là Bồ Đề, cũng không thể lấy tướng cụ túc làm nhân. Vì tướng là sắc tánh nên trong đó có phân thành hai: trái với tâm phàm, và khuyên dứt trừ vọng niệm. Như lời thuật cho rằng, pháp thân Như Lai lấy tướng cụ túc làm nhân nên đạt được. Nên bỏ từ “chẳng thể” kiểm điểm có thể trừ và Phật đều hoàn toàn không có từ “chẳng thể” đó.

**“Tu Bồ Đề mạc tác thị niệm, Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.”**

Này Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế, Như Lai không thể dùng tướng cụ túc đạt vô thượng chánh đẳng Bồ Đề.

Giảng: Ngài Thế Thân nói: đừng nghĩ như thế, Như Lai không thể dùng tướng cụ túc đạt Bồ Đề, vì báo thân, hóa thân là tướng cụ túc. Ngài Vô Trước nói: đừng nghĩ như thế là khuyên đừng sanh tâm nghĩ như trên: dùng

tướng làm nhân mà đạt pháp thân. Tại sao? Vì Phật không thể dùng tướng cụ túc làm nhân mà đạt được Bồ Đề. Luận giải rằng, vì tướng là sắc tánh nên cần phải lấy trí làm nhân mới đạt được Bồ Đề mà không phải dùng tướng vì tướng là sắc vậy.

**“Tu Bồ Đề nhữ nhược tác thị niệm: phát A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt tướng.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu Thầy nghĩ rằng, phát vô thượng Bồ Đề tâm ấy là nói tướng các pháp đoạn diệt.

Giảng: Ngài Thế Thân nói: đây đề cập nhân quả không mất. Có người nghĩ rằng không nương phước đức mà đạt đại Bồ Đề, thế thì phước đức KHÔNG mà quả báo cũng KHÔNG. Nếu vậy, người phát tâm Bồ Đề bèn cho rằng các pháp đoạn diệt, vì không nhân và quả phước đức.

**“Mạc tác thị niệm.”**

Đừng nghĩ như thế.

Giảng: Khuyến đừng nghĩ như thế.

**“Hà dĩ cố? Phát A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.”**

Tại sao? Vì phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với pháp không nói tướng đoạn diệt.

Giảng: Giải thích nguyên do. Vì chư Bồ Tát biết nhân biết quả rời chấp đoạn-thường; chỉ không chấp thật nhân

quả phước đức, nhưng chẳng phải không nhân duyên mà mượn nhân quả; chỉ che dấu tác dụng duyên nhưng chẳng phải không công năng duyên. Ngài Vô Trước nói rằng từ đây trở xuống... nếu rõ tâm cụ túc: trụ xứ thứ 5 là không trụ trong sanh tử hay Niết Bàn, nên trong đó có hai: không bỏ sanh tử, và nếu Bồ Tát đã đầy đủ tâm, chứng tỏ không bỏ Niết Bàn. Có nghĩa không bỏ sanh tử nên không trụ Niết Bàn, không bỏ Niết Bàn nên không ở trong sanh tử, vì để làm cho được điều này nên có đoạn trên. Đối với pháp không nói tướng đoạn diệt, như lúc phát tâm Bồ Tát biết nhân và quả xa lìa chấp đoạn chấp thường, nên không nói đoạn diệt. Nói tuy đạt Niết Bàn mà trở lại trụ trong sanh tử, song không đoạn lìa được sanh tử. Như đoạn diệt sanh tử tức giống như Nhị thừa trụ nơi Niết Bàn, vì thế nên gọi là không nói tướng đoạn diệt.

**“Tu Bồ Đề, nhược Bồ Tát dĩ mãn hằng hà sa đẵng thế giới thất bảo trì dụng bố thí.”**

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát dùng thất bảo của các thế giới nhiều như cát sông Hằng bố thí.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, phần này so sánh công đức, trong đó trước so sánh và sau giải thích nguyên do. Phần đầu trước hết nêu việc bố thí và sau so sánh phước. Ngài Vô Trước nói rằng, đây luận không bỏ Niết Bàn.

**“Nhược phục hữu nhơn tri nhứt thiết pháp vô ngã đấ́c thành ư nhẫ́n, thử Bồ Tát thắng tiền Bồ Tát, sở đấ́c công đức.”**

Nếu lại có người biết tất cả mọi pháp vô ngã đạt được nhãn, Bồ Tát này hơn Bồ Tát trước đã đạt công đức.

Giảng: Dùng phước đức so sánh. Vì do hiểu rõ hơn – pháp vô ngã KHÔNG mà đạt được nhãn nên phước người này hơn công đức kẻ bố thí kia. Nói đạt được nhãn ấy, nhãn có 3 loại: 1/ Bản tánh vô sanh nhãn như quán biến kế sở chấp, hơn – pháp cả hai vốn không 2/ Tự nhiên vô sanh nhãn: quán y tha tánh mượn nhân duyên không do tự nhiên sanh 3/ Phiền khổ vô sanh nhãn: quán pháp chân như phiền khổ vốn bất sanh.

**“Tu Bồ Đề, dĩ chư Bồ Tát bất thọ phước đức cố.”**

Này Tu Bồ Đề, vì chư Bồ Tát không nhận phước đức.

Giảng: Đây là phần giải thích nguyên do, có 2 điểm: trước Phật lược giải thích, kế Ngài Thiện Hiện hỏi, và sau Phật giải đáp. Không nhận phước đức cho nên, như Bồ Tát tạo phước đức không chấp hình tướng là chỉ mong giải thoát nên nói rằng không thọ vậy.

**“Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn, Thế Tôn vân hà Bồ Tát bất thọ phước đức?”**

**Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát không thọ phước đức?**

Giảng: Đây là lời Ngài Thiện Hiện (Tu Bồ Đề) hỏi Phật.

**“Tu Bồ Đề, Bồ Tát sở tác phước đức bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức.”**

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức không nên tham chấp, vì thế nên nói không nhận phước đức.

Giảng: Phật đáp câu hỏi trên. Do không tham chấp hình tướng mà tạo phước đức nên nói là không nhận vậy.

**“Tu Bồ Đề nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhơn bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai.”**

Này Tu Bồ Đề nếu có người cho rằng: Như Lai hoặc tới hoặc lui, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa Phật nói. Tại sao? Vì Như Lai là không từ đâu đến, cũng không đi đâu gọi là Như Lai.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, trong đoạn Kinh lớn thứ ba này, đây là phần trả lời nghi vấn, như có người hỏi rằng, nếu chư Bồ Tát không nhận phước đức làm sao Bồ Tát thọ dụng phước đức chúng sanh? Ý này như Phật Thích Ca xả bỏ phần thọ mạng thứ năm nên còn lưu phước đức cho chúng sanh đời vị lai nên biết Bồ Tát cũng thọ phước đức, làm sao nói không thọ được? Như thế Bồ Tát thọ phước đức không lường nên y cứ vào đó giải thích nghi vấn có 4 ý: a/ Nêu rõ báo - hóa thân ngoài làm lợi chúng sanh nên cũng thọ phước đức; pháp thân không khứ lai (tới – lui) nên không thọ phước đức b/ Nghiền tán nhỏ như vi trần chứng minh pháp thân chỉ một, song hóa thân có nhiều c/

Như có người cho rằng Phật nói ngã v.v... chứng tỏ ngã – pháp không thật d/ Nếu có người đem thất bảo đầy... chứng minh hóa thân có vô lượng phước. Nói hoặc đến có nghĩa Phật thành đạo đến, hoặc đi tức là Phật nhập Niết Bàn, hoặc ngồi chỉ khi Phật thuyết pháp làm lợi ích chúng sanh, hoặc nằm như lúc Phật tuyên bố sắp diệt. Hóa thân có các tướng như thế nhưng pháp thân thì không, nên nói Phật không từ đâu đến cũng không đi đâu. Như vàng trắng trên trời chiếu xuống mặt nước, nước trong hẳn trong rõ, nước đục bèn lặn khuất. Trắng vốn không qua lại mà do nước có trong sạch (sanh diệt). Pháp thân vốn thanh tịnh chỉ do tâm mà thấy có qua lại. Như Lai nói rằng pháp thân vốn không lại, do chúng sanh hướng về Phật nên thấy có lại. Đây nhằm nói rằng không lại mà lại cũng như nhắm một vật xa để làm điểm tựa nhìn hình dung nhưng bị che lấp cả. Pháp thân vốn không diệt, do chúng sanh che Phật nên không có đi mà thấy đi, cũng như thả thuyền trôi theo hướng đông mà gặp gió đẩy xuôi hướng tây. Đây là không đi mà đi vậy. Ngài Vô Trước nói rằng, tâm cụ túc là hành trụ tịnh thứ sáu, trong đó có 3 loại: 1/ Oai nghi hành trụ 2/ Trừ dứt danh sắc thân hành trụ (đi đứng) tự tại 3/ Hành trụ bất nhiễm. Như hóa thân có những oai nghi đi đứng; trong khi pháp thân không có. Hành tức có nghĩa là lui tới; trụ tức là ngồi hay nằm. Pháp thân không có oai nghi nên nói rằng không khứ lai (tới lui).

**“Tu Bồ Đề, nhược thiện nam tử, thiện nữ nơn dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, u ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề, nếu có thiện nam tín nữ nào đem 3 nghìn đại thiên thế giới nghiền nhỏ thành vi trần. Ý Thầy nghĩ sao? Những vi trần đó có nhiều không?

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng, đây nói pháp thân chỉ một nhưng hóa thân nhiều, trong đó có 2 ý: a/ đem vi trần làm thí dụ, và b/ đem thế giới thí dụ. Trước Phật hỏi, sau Ngài Thiện Hiện trả lời, nhưng trong thí dụ đây hàm 2 ý: 1/ hợp bụi trần làm cõi, như nắm những ngón tay lại thành nắm tay 2/ nghiền nhỏ các cõi thành bụi thí dụ như mở nắm tay thành những ngón tay. Trước là hiệp dụ, sau là mở dụ. Nếu hiệp dụ thời bụi dụ phiền não nhiều, nhóm bụi lại thành một cõi, dụ đoạn nhiều phiền não thành một pháp thân. Nếu mở dụ thời thế giới (cõi nước) dụ pháp thân; tán nhỏ cõi thành nhiều hạt bụi, như nung một pháp thân mà sanh vô số hóa thân. Nay hỏi nhiều nhưng không hiệp 2 ý này. Ngài Vô Trước nói rằng, đây phá danh sắc, thân đi đứng tự tại, trong đó có 2 ý: trước nêu rõ 2 loại phương tiện, xem như có người cho rằng... nhập tương ưng tam muội không phân biệt. Nói 2 loại phương tiện là: phá sắc thân phương tiện và phá danh thân phương tiện. Trước là phương tiện vi tế (nhỏ nhiệm) sau phương tiện không thể nhìn thấy được, có nghĩa vì cõi nước lần lượt phân tích đến điểm cực vi (nhỏ nhất) là nhiều không?



**“Thậm đa Thế Tôn. Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tác bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tác phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng.”**

Thật là nhiều, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Nếu là thật có vi trần thì Phật không nói là nhiều vi trần. Nhân vì sao thế? Phật nói nhiều vi trần không phải là nhiều vi trần, ấy gọi là nhiều vi trần.

Giảng: Ngài Thế Thân nói rằng chỉ mượn vi trần làm ví dụ không phải nói có thật như phái Vệ Thế sư chấp có vi trần. Phật nói nhiều vi trần ấy có nghĩa mượn vi trần để ví dụ hóa thân thời không phải vi trần, không như ngoại đạo chấp thật có vi trần. Ngài Vô Trước nói rằng, chỉ phá một hợp chấp nên quán xét phân tích kỹ đến điểm không thể phân tích được nữa mượn nói là vi trần mà không phải thật hữu.

**“Thế Tôn, Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới tác phi thế giới, thị danh thế giới.”**

Bạch Đức Thế Tôn, Phật nói 3 nghìn đại thiên thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới.

Giảng: Đem thế giới thí dụ pháp thân, trong đó Như Lai nói thế giới có nghĩa mượn thế giới làm thí dụ thì không phải thế giới. Không như ngoại đạo chấp lấy số nhiều đến cực vi (nhỏ nhất) hình thành thế giới. Ngoại đạo chấp hai bên cực vi sanh cái thứ ba và cứ như thế tiếp tục... Ngài Vô Trước nói rằng đây là phá danh-thân phương tiện. Thế

giới có nghĩa cõi thế gian có chúng sanh, ở đó chỉ danh thân được gọi danh.

**“Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả tắc thị nhưt hiệp tướng?”**

Tại sao? Vì nếu thế giới thật có thì đó chỉ là một hiệp tướng.

Giảng: Thế giới do một hiệp tướng giả hợp nên không thật. Nếu như chấp có thế giới tức không phải là chấp, đó là chánh kiến cho nên không hư vọng. Vì không thật mà chấp có thật nên là một hiệp tướng. Một hiệp tướng ấy có nghĩa ngã chấp, như cho một thân này chứa nhóm cả 5 uẩn để làm ngã nên gọi là một hiệp tướng.

**“Nhu Lai thuyết nhưt hiệp tướng tắc phi nhưt hiệp tướng thị danh nhưt hiệp tướng.”**

Nhu Lai nói một hiệp tướng thời không phải một hiệp tướng, ấy gọi là một hiệp tướng.

Giảng: Phần này giảng về KHÔNG, như Phật chỉ đối với nhân duyên giả hợp các uẩn hòa hợp như trên mượn nói là một hiệp tướng thời không phải như chỗ chấp một hiệp tướng. Thời chẳng phải một hiệp tướng ấy không phải là chỗ chấp một hiệp tướng. Chỉ mượn nói một hiệp tướng là KHÔNG tức nêu rõ thế giới cũng không có thật.

**“Nhưt hiệp tướng giả tắc thị bất khả thuyết, đản phàm phu chi nhơn tham trước kỳ sự”.**

Một hiệp tướng ấy là bất khả thuyết, chỉ vì người phạm phu tham chấp mà có.

Giảng: Đây nói chấp giả là thật. Vì Phật giả thuyết một hiệp tướng mà nơi đó phạm phu khởi chấp cho là thật.

**“Tu Bồ Đề, nhược như ngôn: Phật thuyết ngã kiến, như kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề, ư ý vân hà? Thị như giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?”**

Này Tu Bồ Đề nếu có người cho rằng: Phật nói ngã kiến, như kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Người ấy có hiểu nghĩa Phật nói không?

Giảng: Ngài Thế Thân cho rằng nói NGÃ rõ ràng là không thật trong đó có 2 ý: trước nêu rõ vô ngã, sau phát Bồ Đề tâm là pháp KHÔNG. Trước Phật trình bày nghi vấn ngoài, không rõ có hiểu không; kể Ngài Thiện Hiện giải đáp lơ lửng không rõ ràng. Như người Tiểu thừa cho rằng ắt có chứng đắc tâm không nghĩ VÔ (KHÔNG); nói có chứng đắc nên Phật nói ngã kiến v.v.. chứng minh có ngã thật, tâm không duyên VÔ. Nghĩa của sở chấp hẳn trở thành có khiến kẻ chấp cho rằng như có người nói...

Ngài Vô Trước nói rằng, từ đây trở xuống... nhập tương ưng tam muội vô phân biệt. Trong đó trước nêu rõ chỗ không phân biệt là nhập vào phương tiện, sau phát Bồ Đề tâm... cho biết người, pháp gì... không phân biệt.

**“Phát dã, Thế Tôn, thị như bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Thế Tôn thuyết ngã kiến, như**

**kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.”**

Không, bạch Đức Thế Tôn, người ấy không hiểu nghĩa Như Lai nói. Tại sao? Vì Phật nói ngã kiến, nhơn, chúng sanh, thọ mạng tức là không phải ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, ấy gọi là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

Giảng: Mọi pháp vốn không ngã-nhơn, chúng sanh vọng chấp cho là thật có, Phật vì đó phá chấp; tùy theo căn cơ nói cho họ hiểu nên nói ngã-pháp. Không phải như nói rõ là có thật thể, giá làm cho tâm chấp từ bỏ không thật. Nghĩa Đại thừa duyên theo vô đắc mà sanh tâm, nêu rõ không cho là thật nên nói, Thế Tôn, tùy theo căn cơ hiểu mà giả thuyết ngã-nhơn; không như người chấp cho là thật thể nên nói rằng không ngã kiến, nhơn, chúng sanh v.v.. ấy gọi là ngã kiến... như Đức Như Lai giả thuyết.

**“Tu Bồ Đề, phát A Nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm giả, ư nhưt thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng.”**

Này Tu Bồ Đề, người phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với hết thảy các pháp nên biết như thế, nên thấy như thế, nên tin hiểu như thế, không nên sanh chấp tướng.

Giảng: Các pháp KHÔNG, trước khuyên nên tìm hiểu để biết, và sau tóm kết. Nói nếu người phát tâm khi đã ngộ

chân như không thấy chấp pháp gọi là chánh trí. Ngài Vô Trước cho rằng, người phát Bồ Đề tâm biểu lộ là người không có tâm phân biệt. Đối với hết thảy mọi pháp biểu hiện nơi pháp gì không phân biệt; nên hiểu như thế biểu lộ tâm tăng thượng, trí tăng thượng đối với vô phân biệt hiểu rõ hơn cả. Trong đó nếu trí nương theo Xa ma tha (Sammatha) – thiền định nên biết, nương Tỳ bát xá na (Vipassana) – thiền tuệ minh sát nên thấy. Hai pháp này y theo thiền định (sammadhi: tam ma đề) nên hiểu rõ hơn để được tự tại. Hiểu bên trong căn duyên cùng ảnh tượng gọi là thắng giải, có nghĩa là biết và hiểu chỉ là một, trí vô phân biệt hợp cùng với ý thức. Nay nói dựa thiền chỉ quán là riêng biệt, trước căn cứ gia hạnh mà nói, có nghĩa trước muốn tu chỉ nên khởi trí gọi đó là biết; muốn tu quán nên sanh trí gọi là thấy vậy.

**“Tu Bồ Đề, sở ngôn pháp tướng dã, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.”**

Này Tu Bồ Đề như nói pháp tướng ấy, Như Lai thuyết tức không phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.

Giảng: Như cho rằng pháp tướng ấy có nghĩa là mượn nói pháp tướng; tức không phải pháp tướng là không phải chấp pháp thật tướng.

**“Tu Bồ Đề, nhược hữu nhơn dĩ mãn vô lượng a tăng kỳ thế giới thất bảo trì dụng bố thí. Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhơn phát Bồ Đề tâm giả, trì ư thử**

**Kinh nãi chỉ tứ cú kệ đặng, thọ trì độc tụng vị nhơn  
diễn thuyết kỳ phước thắng bỉ”.**

Này Tu Bồ Đề, như có người đem thất bảo bố thí đầy khắp vô số thế giới. Nếu có thiện nam tín nữ phát tâm Bồ Đề thọ trì Kinh này nhẫn đến một bài kệ bốn câu, đọc tụng và vì người mà diễn giảng, phước của người này hơn người bố thí kia.

Giảng: Ngài Thế Thân cho rằng đây là đoạn 4 cũng là phần 4 của Kinh, trước so sánh phước, sau nêu rõ lìa tướng mà nói. Nói pháp thân không thọ phước đức mà hóa thân thì phước đức vô lượng. Vì hóa thân phước đức vô lượng nên hay thuyết cho người khác; người phát tâm cầu thành Phật luôn thọ trì Kinh và diễn thuyết vì người khác nên phước đức nhiều hơn đem bảy báu bố thí.

**“Vân hà vị nhơn diễn thuyết bất thủ ư tướng, như  
như bất động.”**

Tại sao? Vì người diễn giảng không chấp nơi tướng mà như như bất động.

Giảng: Đây nói lìa tướng mà thuyết. Như hóa thân thuyết pháp không chấp nơi tướng mà nói; đã vô phân biệt chấp nên không cho ta là hóa thân, vì thế mà được phước nhiều. Như như bất động như từ như ở sau là chân như, từ như ở trước là tỉ dụ. Vì hóa thân khi thuyết pháp không chấp tướng hữu vi, cũng như chân như vắng lặng bất động. Ngài Vô Trước nói rằng đoạn này là hàng thứ sáu tịnh trụ là hành trụ bất nhiễm. Nói bất nhiễm lại có

2 loại: 1/ Thuyết pháp bất nhiễm, như trên đã nêu rõ rằng người thọ trì, thuyết giảng Kinh này hơn kẻ bỏ thí bảy báu. Do có lợi ích lớn lao như thế nên quyết định diễn thuyết nhưng tâm không nhiễm 2/ Lưu chuyển bất nhiễm, như nói 9 thí dụ(8) đây là biểu lộ việc không thể dùng lời thuyết; không pháp có thể thuyết và nên nói pháp như thế đó. Nếu như nói khác đây thời là thuyết có nhiễm do bị điên đảo vậy. Lại nữa, khi thuyết pháp như thế chẳng mong được người tín kính v.v... cũng là thuyết pháp không nhiễm.

**“Hà dĩ cố? Nhứt thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệt như điện, ưng tác như thị quán”.**

Tại sao? Vì tất cả các pháp hữu vi như mộng, như huyễn, bọt, bóng, như sương móc cũng như lặn chớp, nên quán sát như thế.

Giảng: Ngài Thế Thân cho rằng, đây là phần giải thích nghi vấn trong đoạn lớn thứ tư, như nghi rằng, nếu chư Phật Như Lai thường vì chúng sanh mà thuyết pháp, tại sao Phật lại nhập Niết Bàn? Vì để phá điếm nghi này nên thành lập 9 thí dụ như huyền ký đã nêu. Ngài Vô Trước cho rằng đây là loại lưu chuyển bất nhiễm.

**“Phật thuyết thị Kinh dĩ, trưởng lão Tu Bồ Đề, cập chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, nhứt thiết thế gian thiên, nhân, a tu la văn Phật sở thuyết giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.”**

Phật nói Kinh xong, trưởng lão Tu Bồ Đề, cùng chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, cư sĩ nam, Phật tử nữ, tất cả thế gian trời,

người, A tu la nghe Phật thuyết đều vô cùng hoan hỷ tin  
thuận vâng làm.

Giảng: Đây là đoạn 3 lớn: hoan hỷ ứng dụng tu tập  
Kinh Kim Cang Bát Nhã.

Dịch xong ngày 13 tháng 3 năm 2009.

(nhằm 17 tháng 2 Kỷ Sửu)



## Chú Thích

1. *Trung đạo*: con đường giữa là con đường không kẹt bên Hữu hay bên Vô. Vì chấp một bên nên dễ rơi vào tà kiến, bị đọa lạc trong luân hồi sanh tử, như cho rằng con người sau khi chết vẫn trở lại làm người, hoặc cho người chết rồi mất hẳn không có đầu thai. Để phá trừ hai lối chấp thiên lệch nguy hiểm đó nên Phật đưa ra thuyết trung đạo dẫn dắt chúng sanh về với chánh đạo.

2. *Tứ ma*: tức bốn loại ma hay nói cho rõ là bốn thứ ác ma. Bốn ma này kết nạp bè đảng hòng làm lung lạc tâm người tu hành thiện pháp, nên gọi là ác ma. Bốn loại ma đó là: a/ Ma phiền não như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến ... luôn luôn làm cho tâm tư dấy động bất an, sợ sệt, buồn phiền, chán chường, cộc cằn, hung dữ, gây hấn, mắng nhiếc, giận tức, bất động... b/ Ma ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như ham mê sắc dục làm hỏng cả cuộc đời, thích ăn ngon, mặc đẹp, ưa hưởng thụ ... có những ý nghĩ cao xa hoang tưởng ngoài tầm với bắt, hay hành động ngang dọc chọc trời khuấy nước hoặc cái nhìn cục bộ thiếu đắn đo cân nhắc c/ Ma chết gọi là tử ma. Ở đời ai hầu như cũng sợ loại ma này, nhưng nếu ta vững tâm tin tưởng “ma cũng chính là ta”, chắc chắn chúng ta hết sợ ma ngay d/ Ma thần tiên hay thiên ma. Loại ma này có nhiều lối giải thích không giống nhau. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm gọi là Ma Đãng Già, còn trong các Kinh khác gọi là Ma Ba Tuần, tức là ma vương để chỉ kẻ ác, kẻ ưa giết hại, dụ dỗ người ham mê vào đường tội lỗi.

3. Năm việc tà: a/ giả dạng tu hành để cầu người cung kính, cúng dường b/ tự khoe khoang tài đức hầu lung lạc tâm người để thủ lợi c/ xem tướng, coi quẻ... nói điều lành dữ, tốt xấu với người cả tin để tìm cách lợi dụng d/ thị uy, bắt nạt ra oai lớn lối: là cách mách quẻ của bọn tham quyền cố vị, đối với những người thấp cổ bé miệng e/ tuyên bố chứng đắc quả: đây là một lối lừa bịp trắng trợn mà trong đời vẫn có kẻ mắc mưu không có cách thoát khỏi.

4. Hiền kiếp: kiếp hiện tại của chúng sanh trong cõi đời này. Gọi hiền kiếp bởi lẽ, trong kiếp này có những bậc Thánh Hiền xuất hiện như có 1000 Đức Phật ra đời. Cho đến nay đã có 4 vị Phật ra đời là Câu Lư Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Phật Ca Diếp và Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca là vị thứ tư của Hiền kiếp, Phật Di Lặc sẽ là vị thứ năm. Tiếp theo sẽ có 995 vị Phật nữa xuất hiện. Hiền kiếp kéo dài 236 triệu năm (xem thêm các Kinh Hiền kiếp, hiện tại Hiền kiếp thiên Phật...)

5. Vô tránh tam muội: phép tu thiên định mà trong đó mọi mâu thuẫn, tranh cãi, xung đột không còn nữa; hành giả thật sự đạt được tâm trạng hài hòa an tịnh. Đây cũng là pháp tu mà Ngài Tu Bồ Đề chứng đắc và được Đức Phật Thích Ca khen ngợi.

6. Tâm phan duyên: tâm luôn luôn bị dao động do ngoại cảnh chi phối như sắc, âm thanh, mùi thơm, vị lạ, trơn, láng, mịn, nhám v.v... rồi sinh tưởng tượng thêm muốn. Do tham muốn mà tạo ra các nghiệp bằng ý nghĩ, lời nói và hành động để chiếm hữu và gây ra nhiều tội ác.

7. *Hạng xiển đề: loại người cực ác không thể tu thành Phật được. Người có những nhận thức sai lầm và tà kiến, nhất là không tin lý nhân quả, nên có thể đọa vào những cõi xấu ác, thống khổ.*

8. Chín dụ: Chín thí dụ này của Kinh Kim Cang Bát Nhã trong bài kệ gần cuối Kinh. Quán pháp hữu vi như mộng huyễn nên không chấp vướng. Kinh luận rộng có nêu 9 thí dụ rằng tất cả các pháp hữu vi như sao, mắt, đèn, huyễn, sương, bọt, giấc mộng, lăn chớp, mây bay. Một/ Sao khi mặt trời chưa xuất hiện thì rất hữu dụng, nhưng lúc mặt trời mọc là thành vô dụng. Lúc chưa có chánh quán – mặt trời xuất hiện thì vọng tâm hữu dụng. Mặt trời chánh quán hiển lộ là vọng tưởng không còn. Hai/ Mắt: như con mắt bị che khuất nhìn không thấy phía trước dọn quàng nên cho có đắc. Con mắt huệ bị che nên không 6 trần mà vọng thấy 6 trần. Ba/ Đèn: gồm có dầu, tim, đèn, 3 món hợp lại mới thành. Do căn, trần và tham thọ nên thức sanh. Đèn hòa hợp mà có nên vô sở hữu, pháp cũng thế, đèn niệm niệm biến diệt, thức cũng vậy. Bốn/ huyễn: như nhà huyễn thuật làm ra đủ thứ đồ mà đều không thật. Chúng sanh nghiệp huyễn nên thấy nhiều quốc độ cũng không thật. Năm/ Sương móc: sương ban mai trên đầu ngọn cỏ chỉ tồn tại nhất thời, thân con người cũng lại như thế. Sáu/ Bọt: như trời mưa đọng nước lại thành bọt, trẻ con thấy liền cho là hạt ngọc cứ đuổi bắt. Chúng sanh tham đắm các thọ cũng thế. Bảy/ Giấc mộng: việc quá khứ như đêm vừa qua mộng thấy có, thấy đều là không, nhất là lúc mở mắt mọi việc tan

biển mất. Tám/ Lặn chớp: trời vẫn vũ mây đen kéo tới sầm lại, chớp nhoáng lóe lên sáng lòa liền biển mất, pháp hiện tại cũng thế. Chín/ Mây bay: như bầu trời thanh trong, bỗng nhiên có mây kéo tới rồi tức thì tan biến. Pháp vị lai cũng thế, chợt hiện chợt biến mất vậy.